Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1981 (Chương XI)

ISSN: 2734-9195 09:05 16/01/2025

Có thể coi “Lời hiệu triệu” này như một “tuyên ngôn” của Hội Việt Nam Phật giáo, sớm nhất (chỉ một ngày sau khi chính quyền cách mạng giành được ở Hà Nội) khẳng định “lập trường” mục đích của tín đồ, Phật tử Việt Nam.

CHƯƠNG 11: PHẬT GIÁO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

Bối cảnh lịch sử

Từ năm 1945 đến 1975, là giai đoạn đất nước có nhiều biến động: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời, rồi 9 năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, đến tháng Bảy năm 1954 đất nước bị chia cắt làm hai miền, và cuộc tổng tiến công nổi dậy mùa xuân năm 1975, của quân và dân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc qua những thăng trầm của lịch sử.

I. PHẬT GIÁO VỚI CÔNG CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC



(Ảnh: Internet)

Sau ngày ĐCS Đông Dương ra đời (3-2-1930), phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, đòi độc lập dân tộc càng lên cao, và bùng nổ suốt từ Bắc chí Nam. Phật giáo Việt Nam đã đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc đấu tranh giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp.

1. Ở BẮC KỲ

1- Một số chùa ở các tỉnh Hà Nam, Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Quảng Ninh ... là cơ sở của cách mạng, là địa điểm tập hợp và xuất quân đầu tiên của các đội du kích, các đội giải phóng quân.

Xưởng Avia ở Hà Nội có hơn 200 công nhân. Ngày 28-5-1929, nhân một công nhân bị đánh đập dã man và vô lý, công nhân xưởng đã nhất loạt bãi công. Uỷ ban Bãi công được thành lập do ông Ngô Gia Tự, một đảng viên Cộng sản đứng đầu, đặt trụ sở tại chùa Hương Tuyết (Bạch Mai, Hà Nội). Đến ngày 10-6-1929, sau hơn mười ngày đấu tranh anh dũng theo phương hướng đúng đắn, công nhân xưởng Avia đã giành được thắng lợi. Bọn chủ phải tăng lương và chấp nhận các khẩu hiệu đấu tranh khác của công nhân. Cuộc đấu tranh thắng lợi của công nhân xưởng Avia dưới sự lãnh đạo của chi bộ Cộng sản đầu tiên đã vang dội cả nước. Nó thúc đẩy một số cuộc bãi công khác nổ ra ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định.

Những năm 1940 - 1943, chùa Đống Khê, Kiến An là cơ sở, nơi hội họp của các chiến sĩ cách mạng.

Chùa Đồng Kỵ, Bắc Ninh (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội) là cơ sở rất tin cậy của Trung ương ĐCS Đông Dương, do ông Lê Quang Đạo trực tiếp tham gia xây dựng từ năm 1939-1941. Những năm 1940-1945, các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ và ông Nguyễn Lương Bằng đã qua lại các ngôi chùa Đồng Kỵ, Đồng Hương, chùa Lã (Dốc Lã) và chùa Dận ở huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, chùa Phù Ninh (chùa Nành-Pháp Vân tự) ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Nơi đi lại, ăn ở, làm việc và họp hành nhiều là chùa Đồng Kỵ. Tại đây, sư cụ Phạm Thông Hòa đã mặc áo cà sa cho Tổng Bí thư Trường Chinh cải trang để che mắt kẻ thù. Sư Tào Khê đã giằng co với lý trưởng cứu thoát Uỷ viên Thường vụ Trung ương ĐCS Đông Dương - Hoàng Quốc Việt.

Chùa Láng, quận Đống Đa, Hà Nội những năm 1940 - 1941, thường có các cuộc họp của Thanh niên Phản đế, những năm 1943- 1945, có các cuộc họp Thanh niên Cứu quốc thành Hoàng Diệu trong chùa. Khi đông thì họp ngoài sân chùa lấy danh nghĩa thanh niên cắm trại. Đây là nơi cựu UVBCT Vũ Oanh, thường lui tới hoạt động cách mạng thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám.

Chùa Hương Khê, huyện Kim Bảng, Hà Nam là địa điểm liên lạc an toàn là nơi ấn loát tài liệu, hội họp ... của xứ uỷ và Liên tỉnh uỷ C (1).

Một số cán bộ Việt Minh của Liên tỉnh B (2) như các vị Đôi, Nghĩa, Trần Ngôn Chi (sư ông Thanh Định) đã được phân công về huyện Kim Thành, Hải Dương xây dựng và củng cố lại cơ sở, chùa Dưỡng Thái trở thành nơi liên lạc của phong trào.

Chùa Bộc (Sùng Phúc tự), quận Đống Đa, Hà Nội trở thành cơ sở của ông Văn Tiến Dũng. Những năm 1943-1944, dưới vỏ bọc là sư ông Đàm, Xứ ủy viên Bắc Kỳ Văn Tiến Dũng thường mượn áo cà sa từ chùa này đi hoạt động.

2- Một số đệ tử Phật xuất gia và tại gia đã hăng hái tham gia phong trào cách mạng

Thời gian từ 1941-1945, sư Thông Triết trụ trì chùa Đào Xuyên, xã An Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội đã tham gia nhiều cuộc họp bí mật do Đảng tổ chức. Chùa là trạm tiếp nhận, phân phối báo Độc lập của Mặt trận Việt Minh.

Năm 1942, cư sĩ Nguyễn Thanh Đạo-người trông coi chùa Mai Sơn, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, là nơi in báo Cờ Giải phóng - tờ báo bí mật của MTVM bị địch phát hiện. Chúng bắt và tra tấn ông dã man, ông vẫn giữ vững khí tiết của người dân yêu nước đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước. Ông hi sinh ngay trong nhà tù.

Tháng 3 năm 1942, sư Hoàng Ngọc Lương đến các chùa Hoàng Pha, Trinh Hưởng, Phương Mỹ, Mỹ Cụ, Phù Lưu, An Lai... huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng. Nhiều sư sãi, Phật tử, thanh niên, một số thân hào yêu nước trong làng xã được ông tuyên truyền giác ngộ. Tổ chức cách mạng từ nhà chùa dần dần hình thành và ngày càng lan rộng.

Tháng Tư năm 1943, sư Cầu, sư Định (Trần Ngôn Chi) cán bộ Việt Minh huyện Kim Thành, Hải Dương bị mật thám Hải Dương bắt và tra tấn. Họ đều dũng cảm chịu đựng, kiên quyết không khai. Nhờ vậy các cơ sở Việt Minh trong huyện được giữ vững.

Có những tăng sĩ như sư ông Thanh Nguyện, Thanh Khiết, Thanh Vọng hoạt động cách mạng ở tỉnh Hà Nam bị địch bắt, dùng cực hình tra tấn và đã hy sinh anh dũng, không để lộ ra cho địch biết một tý gì về cơ sở cách mạng.

Sư thầy Đàm Di ở chùa Kiện Tháp hoạt động cách mạng, bị địch bắt và khủng bố dã man trong nhà tù thực dân, nhưng đã giữ vững tinh thần không khai báo, một lòng bảo vệ cách mạng đến cùng.

2. Ở TRUNG KỲ

Nhiều chùa, cơ sở thờ tự tỉnh Thanh Hóa là nơi che giấu cán bộ, nơi hội họp của tổ chức cách mạng...

Sách *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Thạch chép*: "...Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, một ngày tháng 4 năm 1934, Hội nghị thành lập chi bộ Đảng Vĩnh Thạch được triệu tập tại ngôi chùa làng Xuân Áng (xã Vĩnh Long). Tham dự hội nghị này có bảy đồng chí dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Chủ Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời..." (3)

Chùa Quan Chiêm ở xã Hà Giang, huyện Hà Trung "Được xây dựng từ thời Lê...Đây là nơi cán bộ Việt Minh và du kích hoạt động trong những năm 1941-1945" (4). Sách Lịch sử Đảng bộ huyện Hà Trung cho biết: "...Tháng 2 năm 1942, ông Nguyễn Văn Huệ từ nhà tù Buôn Ma Thuột đã trở về địa phương để tiếp tục hoạt động...Từ sau hội nghị, tổ chức Thanh niên ái quốc đã dần dần được mở rộng và đi vào hoạt động ở các làng như: Quan Chiêm, Đà Sơn, Trạng Sơn (5).

Thời kỳ 1936-1939, chùa Hàn Sơn, (xã Nga Điền, huyện Nga Sơn) đặc biệt là hang núi sau điện thờ thiền sư Nguyễn Minh Không, nhiều cán bộ cách mạng thường lui tới hoạt động tại đây như: Ông Tạ, ông Quỳnh, các ông: Tôn Thất Toại, Nguyễn Hữu Kiều, Phạm Văn An, Mai Văn Tam... (6).

3. Ở NAM KỲ

Ngày 23-11-1940, Nam Kỳ khởi nghĩa, hàng nghìn nông dân người Hóc Môn (Sài Gòn), Chợ Bưng, Cai Lậy, Mỹ Tho (nay thuộc Tiền Giang), Tam Bình có vũ trang nổi lên giành chính quyền trong đó có nhiều tăng ni Phật tử. Sau một tuần, cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu.

Nhà sư Yết ma Thông trụ trì chùa Thới Thượng ở Gia Định tham gia khởi nghĩa bị thực dân Pháp bắt và giết tại Bà Điểm.

Nhiều tu sĩ bị Pháp bắt tra tấn tù đày như: Hòa thượng Đạt Thanh ở chùa Long Quang, Hóc Môn; Yết ma Pháp Long ở chùa Thiên Quang, Hóc Môn (nhưng lúc đó tham gia khởi nghĩa tại huyện Cai Lậy); lão sư Đinh Đạo Ninh ở Khánh Nam Phật đường (lúc đó tham gia tại Gò Công); sư Phước Trí ở chùa Thiên Lâm, Hóc Môn; Yết ma Trừng Giác ở chùa Trường Phước, Mỹ Tho; sư Nguyễn Văn Thuận (phái Bửu Sơn Kỳ Hương, Cai Lậy); Hòa thượng Bình Long ở Lái Thiêu; Yết ma Nguyễn Văn Thân ở Cai Lậy tự thiêu để khỏi bị địch tra tấn tù đày.

Năm 1941, xứ ủy Nam Kỳ chuẩn bị khởi nghĩa lần thứ 2, một số xứ ủy viên mượn chùa Sắc tứ Tam Bảo ở Rạch Giá làm lựu đạn. Công việc bị lộ, tháng 6 năm 1941, mật thám Pháp bao vây chùa. Hòa thượng Trí Thiền (Nguyễn Văn Đồng) trụ trì chùa bị bắt, tra tấn dã man, rồi đày ra Côn Đảo, Ngài hy sinh ở đó (1943). Nhà sư Thích Thiện Ân cũng ở chùa Tam Bảo với ngài Trí Thiền. Khi bị bắt và tra tấn tại chỗ, Sư Thiện Ân đã đạp đổ một cái bàn trên đó chất đầy tạc đạn. Tạc đạn nổ khiến tên Chánh mật thám Sa Đéc chết ngay tại chỗ và làm bị thương một tên lính khác, do đó sư bị thực dân Pháp khép tội tử hình.

Năm 1942, chương trình của Việt Minh về đến Sài Gòn - Gia Định. Nhờ cơ sở của Hòa thượng Thiện Chiếu xây dựng, một số chùa như Long An, Giác Lâm, Trường Thạnh bí mật tham gia Việt Minh. Một số cốt cán trong giới tu sĩ trẻ tiến bộ tham gia cách mạng được Hòa thượng Thiện Chiếu gây dựng trong đó có ngài Minh Nguyệt. Ít lâu sau, Hòa thượng Thiện Chiếu bị bắt và đày ra Côn Đảo.

Chùa Giác Hoàng ở Bà Điểm, Hóc Môn do Hòa thượng Minh Đức trụ trì là cơ sở hội họp của các nhà sư yêu nước và cán bộ cách mạng trước Cách mạng Tháng Tám ở vùng Sài Gòn.

Nhà sư Quảng Minh ở chùa Liên Trì (Cái Nứa, Bến Tre) tham gia phong trào cách mạng chống thực dân Pháp bị chúng giết. Nhà sư Yết ma Hoằng Pháp ở chùa Đức Liên, Mỹ Tho bị thực dân Pháp bắt và đánh vỡ đầu.

II. PHẬT GIÁO VỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. PHẬT GIÁO BẮC BỘ

Tháng 2 năm 1945, nạn đói ngày càng trầm trọng. Các Thượng tọa Trí Hải, Tố Liên và cư sĩ Thiều Chửu thành lập Tổng hội Cứu tế, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, do Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố - thành viên sáng lập Hội PGBK làm Hội trưởng. Tổng hội được các thành viên Ban Cứu tế Mùa đông cộng tác và sự ủng hộ của các trí thức và nhà từ thiện khắp Bắc Kỳ. Tổng hội lập cô nhi viện tại trường Phổ Quang nuôi hơn 200 trẻ thất lạc, bơ vơ trong nạn đói, tổ chức quyên góp giúp đỡ những người đói khổ, lập trại nuôi đồng bào bị đói ở vùng Ngã Tư Vọng - Giáp Bát, Hà Nội, cứu đói cho hàng nghìn người.

Tháng 2 năm 1945, các nhà sư ở chùa Phương Mỹ, Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An thành lập Đội Tăng già Cứu quốc do sư ông Lương Ngọc Trụ phụ trách.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, và tuyên bố rằng Việt Nam đã độc lập và sẽ cùng Nhật Bản xây dựng khối Đại Đông Á. Ngày 17-4-1945 nội các Trần Trọng Kim gồm toàn những nhân vật trí thức có uy tín được thành lập. Nhưng nội các chưa làm được gì nhiều thì có tin Nhật sắp đầu hàng đồng minh.

Ngày 19-5-1945, Hội PGBK họp Đại hội đồng thường niên, quyết định đổi tên là Hội Việt Nam Phật giáo, suy bầu Hòa thượng Tuệ Tạng - Trần Thanh Thuyên làm Chủ tịch, cư sĩ Bùi Thiện Cơ và Thượng tọa Tuệ Chiếu làm Phó chủ tịch. Ban Quản trị đổi tên thành Ban Trị sự, có 15 chuyên ban giúp việc.

Ngày 8-6-1945, chiến khu Đông Triều (Đệ tứ chiến khu) được thành lập. Tất cả tăng ni và tín đồ ở các chùa thuộc dãy núi Yên Tử đều tham gia khởi nghĩa chống phát xít Nhật.

Đầu tháng 8 năm 1945, ông Võ Nguyên Giáp cùng với lực lượng Giải phóng quân từ An toàn khu (ATK) về tập kết lực lượng tại chùa Thịnh Đán, tỉnh Thái Nguyên để bàn kế hoạch tiến đánh giải phóng thị xã Thái Nguyên vào ngày 19-8-1945.

Ngày 19-8-1945, tại Hà Nội quần chúng cách mạng rầm rộ kéo về quảng trường Nhà Hát Lớn tiến hành mít tinh. Sau khi đại biểu Uỷ ban Quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu của Việt Minh, ngay lập tức cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang đi đánh chiếm các nơi như phủ Khâm sai, trại Bảo an binh... MTVM tuyên bố thành lập chính quyền lâm thời.

Ngày 20-8, báo *Đông Pháp* đăng *Lời hiệu triệu* của Hội Việt Nam Phật giáo gửi tăng ni Phật tử cả nước:

“Ngày Rằm tháng Bảy ta là ngày lễ quan hệ theo tục lệ nước nhà.

Bản Hội yêu cầu tất cả các chùa và đạo hữu đến 5 giờ chiều hôm ấy đều cùng làm lễ, trước tỏ lòng hiếu nghĩa với tổ tiên, sau là cầu siêu cho những người bị tai nạn về chiến tranh, tật dịch và đói rét vừa qua.

Bản Hội lại yêu cầu trong ngày lễ đó toàn thể các đạo hữu nên cầu nguyện cho nền độc lập của nước nhà được bền vững và lâu dài.

Buổi lễ cần phải giản dị và có tình thân, chỉ dùng hương hoa, không vàng mã và tổ chức những cuộc bố thí và phóng sinh.

Việt Nam Phật giáo hội"

Có thể coi "Lời hiệu triệu" này như một "tuyên ngôn" của Hội Việt Nam Phật giáo, sớm nhất (chỉ một ngày sau khi chính quyền cách mạng giành được ở Hà Nội) khẳng định "lập trường" mục đích của tín đồ, Phật tử Việt Nam.

Cùng ngày, sau khi tham gia cướp chính quyền tại địa phương (chùa Bút Tháp, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), Thượng tọa Thanh Đặc và sư ông Pháp Không dẫn đội Thanh niên Phật tử quân về đóng ở chùa Bà Đá, Hà Nội. Được sự giúp đỡ của Hòa thượng trụ trì Đỗ Văn Hỷ (Thích Thanh Thao) đội tuyển chọn thêm những tăng ni trẻ ở chùa, quân số lên tới hơn 50 người do sư ông Pháp Không và Pháp Lữ chỉ huy. Ngày đêm anh em luyện tập côn quyền hoặc tập trung nghe cán bộ Việt Minh giảng giải về đường lối chính trị của cách mạng (7).

Ngày 22-8, hàng nghìn quần chúng ở khắp các làng bị ngập lụt lớn đã đi thuyền đến chùa Minh Khánh, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, dự mít tinh do chi bộ và huyện bộ Việt Minh tổ chức và ra mắt Ủy ban Cách mạng lâm thời huyện (8).

Ngày 23-8, từ chùa Bà Đá, đoàn đại biểu Phật giáo Hà Nội gồm hơn mười nhà sư do Hòa thượng Đỗ Văn Hỷ dẫn đầu vào Bắc Bộ phủ yết kiến Chính phủ Lâm thời. Ông Võ Nguyễn Giáp, thay mặt Chính phủ Lâm thời biểu dương những thành tích của Phật giáo đã làm được và hoan nghênh các nhà sư yêu nước đã giúp đỡ nhiều cho các cán bộ cách mạng hoạt động trong thời kì bí mật. Đoàn bày tỏ sự vui mừng và hoan nghênh nhiệt liệt đối với Việt Minh, bởi chính sách của Việt Minh có phần giống như lý tưởng của Phật giáo là muốn dành cơm no, áo ấm, sự công bằng bác ái cho quảng đại chúng sinh. Phật giáo rất tán thành chính sách đó và hứa với Chính phủ sẽ làm hết sức mình để ủng hộ Việt Minh (9).

Ngày 26-8, Hồ Chủ tịch đến chùa Bà Đá thăm nơi thờ Phật và nhà Tổ, đến phòng riêng thăm Hòa thượng trụ trì Thích Thanh Thao, khuyến khích ngài vận động chư tăng ni, các tín đồ ủng hộ cách mạng, góp công sức đánh đuổi giặc ngoại xâm, giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc.

Ngày 28-8, một cuộc họp trọng thể được tổ chức tại trụ sở Hội Khai Trí Tiến Đức (gần chùa Bà Đá) gồm trên 100 nhà sư đại diện cho các sơn môn ở Hà Nội, Hà Đông, Hưng Yên ... do Hòa thượng Thanh Thao chủ trì, có các ông Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt đại diện Mặt trận Việt Minh tham dự. Hội nghị nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ Việt Minh. Sau đó bàn bạc rồi quyết định thành lập một tổ chức Phật giáo yêu nước lấy tên là Hội Phật giáo Cứu quốc. Một Ban chấp hành được bầu gồm 9 người do Hòa thượng Thanh Thao làm chủ tịch, Thượng tọa Thanh Đặc và bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết làm Phó chủ tịch (10).

Ngày 30-8-1945, Đoàn Tăng già Cứu quốc phủ bộ Thủy Nguyên thuộc Đệ tứ chiến khu được thành lập. Hội quán tại chùa Phương Mỹ cách phủ lỵ Thủy Nguyên 2 cây số.

Ngày 02-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trịnh trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 03-9, một ngày sau khi tuyên bố nước Việt Nam độc lập, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Lâm thời, chương trình 10 điểm do Quốc dân Đại hội thông qua ngày 16-8-1945 ở Tân Trào, Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang được Hồ Chủ tịch cụ thể hoá bằng 6 nhiệm vụ (vấn đề) cấp bách. Trong đó có 2 vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng. Hồ Chủ tịch nêu rõ: “Tất cả công dân, trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử, bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống...” (vấn đề 3). Người chỉ rõ: “Thực dân và phong kiến tiến hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị, tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: “Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết” (vấn đề 6). (11)

Ngày 13-9-1945, đại biểu Phật giáo cùng đại biểu các tôn giáo bạn đến yết kiến Hồ Chủ tịch. Người tâm sự với mọi người: “Dân tộc có giải phóng thì tôn giáo mới giải phóng được. Lúc này chỉ có quốc gia và không phân biệt tôn giáo, mỗi người đều là công dân nước Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc”. Các vị đại biểu nhất trí tán thành ý kiến Hồ Chủ tịch.

Trước hiện tượng tại một số nơi ở Bắc Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, v.v... để xảy ra hiện tượng sai phạm làm ảnh hưởng ít nhiều tới giới tu sĩ, đền chùa và giáo đường của các tôn giáo ở những địa phương này, ngày 20-9-1945, Chính phủ lâm thời đã ra Sắc lệnh số 34 qui định: “Đền chùa, lăng tẩm, nhà thờ, tất cả các nơi có tính cách tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào nhân dân đều phải tôn trọng, không được xâm phạm” (12).

Ngày 16-10, Hội Phật giáo cùng Hội Thanh niên Phật tử Việt Nam tổ chức tại chùa Quán Sứ "Tuần lễ văn hoá" mà nội dung chủ yếu là lễ kỷ niệm ngày sinh của vua Trần Nhân Tông và bữa cơm chay đoàn kết dân tộc. Trong bữa cơm chay có các tín hữu Phật giáo và Công giáo tham dự, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Mặc dầu hai tôn giáo có hai giáo lí khác nhau, nhưng tôn giáo nào cũng từ bi nhân đạo mà ra, thì không có lí gì lúc này cùng là con dân Việt Nam lại không thể có sự đoàn kết giữa hai tôn giáo được".

Những người dự buổi lễ tham gia cuộc bán đấu giá tấm ảnh Hồ Chủ tịch để lấy tiền ủng hộ kháng chiến. Phật tử Lê Ngọc Tiến - một thành viên ban tổ chức đã nhường cho ông Ngô Tử Hạ, một đại biểu của Công giáo mua bức ảnh với giá 10.100 đồng để kỷ niệm tình đoàn kết của hai tôn giáo (13).

Ngày 23-11-1945, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 45 về việc bảo tồn cổ di tích và giao nhiệm vụ "Bảo tồn tất cả cổ di tích trong toàn cõi Việt Nam" cho Viện Viễn Đông Bác Cổ, có điều ghi: "Cấm phá hủy những đền, đình, chùa, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành quách của làng chưa được bảo tồn. Cấm phá hủy bi kí, đồ vật, văn bằng, chiếu sắc, giấy má, sách vở có tính chất tôn giáo hay là không nhưng có lợi ích cho lịch sử mà chưa được bảo tồn" (14).

Tháng 11 năm 1945, đại biểu Tăng già các tỉnh Bắc Bộ cùng đại biểu 3 hội: Phật giáo Cứu quốc, Thanh niên Phật tử Việt Nam, Việt Nam Phật giáo đã họp và quyết nghị lập tại Bắc Bộ, trước khi đi đến đại hội nghị toàn quốc. Ủy ban Tăng già Phật giáo Việt Nam - Ủy ban có nhiệm vụ liên hiệp hết thảy các sơn môn, các Hội Phật cùng chung chủ nghĩa "Từ bi cứu khổ" của Đức Phật Thích Ca để thực hiện việc: *Hoằng dương Phật pháp và phụng sự Tổ quốc; Cứu khổ cứu nạn.*

Ủy ban do Hòa thượng Thích Mật Ứng, chùa Quảng Bá, Hà Nội làm Chánh Chủ tịch; Thượng tọa Tố Liên, chùa Quán Sứ, Hà Nội làm Phó Chủ tịch.

Tháng 5 năm 1946, nguyệt san Diệu Âm - cơ quan truyền bá Phật pháp của Ủy ban Tăng già Phật giáo Bắc Bộ ra số đầu tiên, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Chủ nhiệm là Thượng tọa Thích Thanh Chân, Chủ bút là Thượng tọa Tố Liên, quản lý là Nguyễn Văn Thuận (Mật Chiếu).

Ngày 18-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 22 ấn định những ngày tết, kỷ niệm lịch sử và tôn giáo, trong "Bảng kê những ngày nghỉ tết, kỷ niệm lịch sử và lễ tôn giáo. Mục III: Những ngày lễ tôn giáo; Điểm a. Phật giáo có: Sinh nhật Đức Phật Thích Ca ngày 8 tháng 4 âm lịch, nghỉ 1 ngày; Trung nguyên ngày 15 tháng 7 âm lịch, nghỉ 1 ngày; Lễ Đức Phật thành đạo ngày 8 tháng 12 âm lịch nghỉ 1 ngày".

Ngày 5 tháng 1 năm 1946, Hội PGCQ đã tổ chức tuần lễ mừng Chính phủ Liên hiệp quốc gia tại chùa Bà Đá, Hà Nội. Tuần lễ mừng có mục đích cầu chư Phật, Bồ Tát và liệt thánh chứng giám lời thề của cụ Chủ tịch và các nhân viên trong Chính phủ; hơn nữa để cầu nguyện nền độc lập cho nước Việt Nam. Lễ khai mạc được cử hành vào hồi 18 giờ, Hồ Chủ tịch đến chủ tọa và nhiều thành viên trong Chính phủ đã tới dự. Có cả các đại biểu Công giáo tới dự... Hồ Chủ tịch đã nói chuyện với các Phật tử: "Nước Phật ngày xưa có những 4 đẳng cấp làm li tán lòng dân và hại Tổ quốc. Nhưng Việt Nam ngày nay chỉ có một đảng phái là toàn dân quyết tâm giành độc lập. Tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Gia Tô giáo tin ở đức Chúa Trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng.

Nhưng đối với dân, ta đừng làm gì trái ý dân. Dân muốn gì ta phải làm nấy", sau đó, cùng ăn cơm chay với mọi người và đi thăm các nơi trong chùa Bà Đá (15).

Ngày 23 tháng 5 năm 1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ký Quyết định số 158 NV-PG cho phép thành lập lại Hội Phật giáo lấy tên là "Hội Việt Nam Phật giáo", mục đích, tôn chỉ không có gì thay đổi. Chùa Quán Sứ vẫn là trụ sở của Hội.

Cuối tháng 10 đầu tháng 11-1946, Quốc hội Khoá I họp kì thứ 2 thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, trong đó, điều 1 của Hiến pháp khẳng định: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt giống nòi, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo...".

2. PHẬT GIÁO TRUNG BỘ

Ngày 23-8-1945, khởi nghĩa thành công ở Huế. Chính quyền cách mạng lâm thời được thành lập.

Ngày 30-8, vua Bảo Đại làm lễ "thoái vị" tại Ngũ Phụng Lâu trên Ngọ Môn, Huế.

Phật giáo xứ Huế đã cùng Phật giáo toàn quốc tạm thời ngưng hoạt động riêng lẻ, để cùng tham gia vào các đoàn thể, các tổ chức Cứu quốc. Bên cạnh các lực lượng như Thanh niên Tiền phong, Phụ lão Cứu quốc, ở Huế đã thành lập PGCQ, Thanh thiếu niên Phật tử Cứu quốc; các khuôn hội ở nông thôn thì tín đồ tham gia đoàn thể Nông dân Cứu quốc.

Các giới tăng sĩ và cư sĩ trẻ tuổi hăng hái tham dự vào công tác tổ chức biểu tình, hội họp, chống nạn mù chữ, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng.

Hầu hết các tăng sĩ trẻ tuổi được các Phật học viện Huế, Bình Định đào tạo đều tham gia vào phong trào Cứu quốc, xây dựng chính quyền cách mạng như Thích

Trí Quang-phụ trách PGCQ tỉnh Quảng Bình; Thích Thiện Minh-phụ trách PGCQ tỉnh Quảng Trị; Thích Huyền Quang-phụ trách PGCQ tỉnh Bình Định v.v... (16)

Ngày 6-1-1946, Thượng tọa Thích Mật Thể trúng cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và trong năm này ngài được bầu làm Chủ tịch Hội PGCQ Thừa Thiên-Huế.

Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám được cử làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ (sau thêm là thành viên PGCQ Trung ương).

3. PHẬT GIÁO NAM BỘ

Khi Nhật đảo chính Pháp, quý ngài Thích Trí Tịnh và Thích Thiện Hoa lãnh sứ mạng hướng dẫn tăng sinh tại Phật học đường Báo Quốc, Huế vào Nam. Sau hai tháng mới đến Sài Gòn, xuống Mỹ Tho rồi về Cần Thơ. Một số tăng sinh bỏ cà sa khoác chiến bào, còn một số nằm chờ. Nhờ thí chủ Trương Hoằng Lâu giúp đỡ, ngài Thiện Hoa mở Phật học đường Phật Quang ở Trà Ôn hoạt động được 8 năm.

Ngày 25-8-1945, khởi nghĩa thành công tại Sài Gòn-Gia Định, chính quyền cách mạng lâm thời được thành lập.

Hòa thượng Hồng Từ (chùa Giác Lâm), Hồng Kể (chùa Sùng Đức), Thiện Tòng (chùa Trường Thạnh) huy động khoảng 500 Phật tử Sài Gòn-Gia Định tập hợp tại chùa Trường Thạnh rồi hân hoan kéo về trụ sở Ủy ban Khởi nghĩa (nay là trụ sở UBND Thành phố Hồ Chí Minh). Đoàn người diễu hành giương cao hai khẩu hiệu: "Ủng hộ Ủy ban Khởi nghĩa", "Đề nghị cho Việt Nam Phật giáo Tổng hội gia nhập MTVM".

Đồng bào Phật tử ủng hộ *Tuần lễ vàng*, tổ chức đi đón chiến sĩ bị đày Côn Đảo về, trong đó có các Hòa thượng: Đạt Thanh, Huệ Tâm, v.v...

Nhiều vị tăng sĩ tham gia công tác cách mạng như: Hòa thượng Huệ Quang làm Ủy viên Xã hội tỉnh Trà Vinh, Thượng tọa Pháp Long làm Trưởng công an xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang) v.v...

Nhiều vị tăng sĩ tham gia công tác cách mạng như: Hòa thượng Huệ Quang làm Ủy viên Xã hội tỉnh Trà Vinh, Thượng tọa Pháp Long làm Trưởng công an xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang) v.v...

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp núp bóng quân Anh trở lại tước khí giới quân Nhật để tái chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn. Một số tu sĩ thoát ly vào bưng biền tham gia kháng chiến. Lực lượng dân quân thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến để cản chân địch. Nhiều tự viện nổi tiếng như Long Thạnh (Bà Hom) tín đồ tự

phá hủy. Quân Pháp đốt chùa, giết tu sĩ ở chùa Giác Qui, quận Bình Thạnh.

Sư Minh Trí chùa Thiên Ấn ở Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là Bình Dương), bị thực dân Pháp bắt tra tấn và chôn sống với 5 Phật tử tại Gò Dốc, xã Tân Khánh.

Cuối năm 1945, Hội PGCQ Thủ Dầu Một thành lập, trụ sở đặt tại tổ đình Hội Khánh do Hòa thượng Minh Tịnh làm Chủ tịch, Hòa thượng Thiện Hương làm Phó chủ tịch. Ngài Minh Tịnh được cử làm Uỷ viên MTVM Thủ Dầu Một tại khu Thuận An Hòa.

Sau ngày cướp chính quyền tháng Tám năm 1945, Hòa thượng Thích Huệ Thành-trụ trì chùa Long Thiền, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa đã tổ chức Đại hội Phật giáo, thành lập Hội PGCQ tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai), trụ sở đặt tại chùa Long Thiền.

Một số phật sự tiêu biểu

Hòa thượng Giác Quang (Nam Tông) lập chùa Giác Quang ở Chợ Lớn. Các Hòa thượng: Thống Lương và Thanh Thuyền từ Trung Quốc sang khai sơn chùa Nam Phổ Đà, quận 6, phát triển thiền phái Lâm Tế (Hoa tông); Hòa thượng Đạt Bình (Thiên Thai giáo Quán tông) dựng chùa Pháp Hội; Hòa thượng Hành Trụ kiến tạo chùa Chánh Giác, Gia Định rồi khai sơn Ni viện tăng già Khánh Hội, sau đổi tên Kim Liên; hai Đại đức Trí Tịnh và Quảng Minh lập Phật học đường Liên Hải (Chợ Lớn); Đại đức Huyền Dung lập Phật học đường Mai Sơn (Chợ Lớn) rồi dời về Sùng Đức.

Hòa thượng Lâm Em từ Campuchia đến Sài Gòn truyền bá Phật giáo Theravada.

Có thể nói, trong hai năm 1945-1946 chính sách đại đoàn kết dân tộc không phân biệt Lương - Giáo, không phân biệt đối xử giữa các tôn giáo của Hồ Chủ tịch và chính quyền cách mạng đã thu hút được Phật tử đủ các giới tham dự vào cách mạng. Tăng ni các sơn môn trong cả nước hăng hái tham gia phong trào tăng gia sản xuất diệt giặc đói, phong trào Bình dân học vụ diệt giặc dốt; tham gia xây dựng đời sống mới, ủng hộ Tuần lễ vàng; tham gia xây dựng chính quyền nhân dân các cấp và cuộc tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Phật giáo cả nước đã tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam sang Pháp tham gia Hội nghị Phôngtennơblô... Từ Nam ra Bắc, các đoàn thể Tăng già Cứu quốc và Phật giáo Cứu quốc được thành lập, tập hợp tăng ni Phật tử...

III. PHẬT GIÁO THỜI KỲ 1947 - 1954

Tiếp theo hành động đánh chiếm Nam Bộ (23-9-1945), đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn (20-11-1946), quân Pháp đã gây hấn ở Hà Nội (17-12-1946), gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí tự vệ thủ đô, đòi chiếm Sở Công an Hà Nội và đòi "quản lý" thành phố Hà Nội (ngày 18-12-1946).

Ngày 17-18 tháng 12 năm 1946, Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng tại làng Vạn Phúc, Hà Đông do Hồ Chủ tịch chủ trì, đã quyết định phát động cả nước đứng lên kháng chiến.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946, Hồ Chủ tịch ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Hỡi đồng bào toàn quốc.

Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.

Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm! (17)

Tiếp đó ngày 22 tháng 12 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" nêu rõ đường lối chung chỉ đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, quân và dân Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định và các thành phố, thị xã ở Trung Bộ và Bắc Bộ có quân Pháp chiếm đóng đã nhất tề đứng dậy kiên quyết chiến đấu vì độc lập tự do.

Sau ngày quân Pháp tái chiếm Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng, nhân dân trong các vùng tạm chiếm, người thì thoát ly ra vùng tự do, người thì tản cư, thực hiện phương châm "vườn không nhà trống", nhiều tăng ni Phật tử vẫn ở lại hoạt động trong các tổ chức Phật giáo mới và truyền thống như sơn môn, chốn tổ. Nhiều nơi nhà cửa tan hoang, chùa chiền đổ nát. Quân Pháp lập đồn bốt khắp nơi.

1. Phật giáo vùng tự do và Phật giáo Cứu quốc

1.1. Phật giáo vùng tự do

Đầu năm 1947, cư sĩ Thiều Chửu dẫn một đoàn gồm các Tăng ni sinh trường Phổ Quang và trẻ Tế sinh dưới 12 tuổi từ Đan Thầm, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông lên Yên Mỹ, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây. Sau đó đoàn vượt sông Hồng tản cư kháng chiến lên Phúc Yên, Vĩnh Yên rồi vượt Tam Đảo sang Thái Nguyên. Đến đâu, ông cũng tổ chức trồng trọt chăn nuôi để tự nuôi sống cả đoàn và mở các lớp dạy bình dân học vụ xóa nạn mù chữ cho hàng trăm người... Khi ở Phúc Yên được sự ủng hộ của chính quyền và Hội Phật giáo Cứu quốc huyện Mê Linh ông đã đứng ra tổ chức ngày Thương binh liệt sĩ đầu tiên vào ngày lễ Trung Nguyên năm 1947.

Thiều Chửu còn mở lớp Phật học Trần Nhân Tông tại chùa Cao Phong, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên, thu hút hơn 40 tăng ni 4 tỉnh xung quanh về học. Nhiều vị ở tỉnh xa như các Đại đức Tâm Thông, Tâm Giác, Vô Vi... mến mộ phẩm hạnh và trí tuệ của ông, vượt qua vùng kiểm soát của giặc, lên Cao Phong theo học ngày càng đông. Các tăng ni sinh không những được ông tận tình truyền thụ giáo lý đức Phật mà còn học ở ông những quan điểm Phật giáo thực hành, vận dụng quan điểm đại hùng, đại lực, đại từ bi của nhà Phật. Cho nên khi kháng chiến chuyển sang giai đoạn ác liệt, Thiều Chửu đã động viên các đệ tử của mình đến tuổi thanh niên như các sư ông Trần Việt Quang, Trần Thanh Tuấn, Hà Văn Dưỡng, các ông Phạm Ngọc Cảnh, Nguyễn Quý Tán ... xung phong nhập ngũ, đi dân công phục vụ hỏa tuyến hoặc tham gia các đoàn thể kháng chiến. Nhiều vị đã lập chiến công, một số vị đã hy sinh anh dũng như Hà Văn Dưỡng, Trần Thanh Tuấn v.v...

Mặc dù bận nhiều công việc và đóng góp nghĩa vụ kháng chiến... Thiều Chửu vẫn không quên nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp. Ông đã viết một số tác phẩm về Phật giáo mang tư tưởng tiến bộ như *Từ nay học tăng đi về lối nào,*

Phật học vấn đáp, Con đường học Phật ở thế kỷ thứ XX và dịch xong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Kinh Viên Giác chú giải...*

Ngày 30 tháng 8 năm 1947 (15-7 âm lịch), nhân lễ Vu Lan Rằm tháng Bảy, từ chiến khu Việt Bắc, Hồ Chủ tịch viết thư gửi Hội Phật tử Việt Nam:

"Tôi kính cẩn cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta, và tôi gửi lời thân ái chào các vị trong Hội Phật tử.

Từ ngày nước ta trở nên dân chủ cộng hòa, hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện.

Thế là: nước có độc lập thì Đạo Phật mới dễ mở mang. Bọn thực dân Pháp muốn cướp nước ta. Chúng đốt chùa chiền, phá tượng Phật, hành hạ tăng ni, tàn sát đạo hữu. Chúng hòng phá tan đạo Phật.

Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma.

Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ.

Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều. Tôi cảm ơn đồng bào, và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng mãi, cho đến ngày trường kỳ kháng chiến thắng lợi, thống nhất và độc lập thành công.

Chào thân ái và quyết thắng".

Đây là lời động viên khích lệ rất lớn đối với tăng ni Phật tử Việt Nam trong cuộc kháng chiến giành lại độc lập tự do cho dân tộc.

Ở vùng tự do Thanh Hóa, Nghệ An, sự có mặt của Thượng tọa Thích Mật Thể - đại biểu Quốc hội và các vị khác như pháp sư Thích Trí Độ, sư Thích Giác Phong v.v... đã tạo được ít nhiều sinh lực.

Ngày 3-3-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt diễn ra tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, pháp sư Thích Trí Độ đại diện cho Phật giáo Cứu quốc đã tham dự. Ủy ban Liên Việt Toàn quốc gồm 54 người do cụ Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch, bác sĩ Lê Đình Thám là một trong 7 Phó chủ tịch.

1.2. Hoạt động của Phật giáo Cứu quốc

Ở Bắc Bộ

Tối 30 tết Đinh Hợi (21-1-1947) tết đầu tiên của cuộc KCCP, Hồ Chủ tịch đã đến chùa Trầm, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông nơi Đài Tiếng nói Việt Nam sơ tán đọc bài thơ chúc tết trực tiếp vào máy thu thanh, kêu gọi "Toàn dân kháng chiến", "Toàn diện kháng chiến".

Ngày 3-2-1947, Hồ Chủ tịch về ở chùa Một Mái trên núi Thầy, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây để chỉ đạo các mặt trận chống Pháp lúc này, Người ở đây tới ngày 2-3-1947, trong thời gian này, các ông Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp đã thường xuyên đến đây báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo của Người.

Hưởng ứng lời hiệu triệu của Hồ Chủ tịch, tăng ni Phật tử các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đều trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia kháng chiến dưới nhiều hình thức.

Tại Hà Nội nhiều tăng ni, Phật tử đã đã tham gia bộ đội, du kích, vận động tuyên truyền đường lối kháng chiến, che giấu cán bộ. Nhiều chùa là cơ sở bí mật của Việt Minh như: chùa Quảng Bá (Tây Hồ), chùa Linh Quang (Trung Liệt, Đống Đa), chùa Vĩnh Trù (59 phố Hàng Lược), chùa Viên Minh (quận Hai Bà Trưng), chùa Tiên Linh (Vạn Phúc, Thanh Trì), chùa Linh Quang Phòng (Đào Xuyên, Gia Lâm)... Đó là những địa điểm liên lạc, nơi che giấu cán bộ và bàn đạp tấn công của các đơn vị bộ đội chủ lực. Nhiều nhà sư đã tham gia kháng chiến tích cực, có những đóng góp quí báu như Hòa thượng Thanh Lạc trụ trì chùa Tự Khánh, Đông Ngạc, huyện Từ Liêm từng làm chủ tịch xã. Trong KCCP ngôi chùa này là trạm giao thông và trụ sở của Ủy ban Liên Việt huyện, bản thân Hòa thượng từng bị Pháp bắt giam 2 lần ở nhà tù Hỏa Lò và Liễu Giai v.v...

Chùa Thanh Trì (Triều Khánh tự) thôn Thanh Lân, quận Hoàng Mai, Hà Nội là nơi đi vào nội thành hoạt động của cán bộ và du kích địa phương và được nhà sư trụ trì là Thượng tọa Lê Văn Đương hết sức giúp đỡ. Thượng tọa đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhì.

Có thể nói trong 9 năm KCCP, Phật giáo Hà Nội là một điểm sáng về tinh thần yêu nước, về sự gắn bó đạo với đời khi đất nước bị ngoại xâm.

Tại Hải Phòng, ngay những chùa nội thành sát địch khó khăn nguy hiểm nhất, cũng một lòng ủng hộ kháng chiến: chùa Lạc Viên giúp đỡ lương thực và các thức cần dùng cho 40 tự vệ đối phó với quân Pháp cuối năm 1946; nhất là chùa Dư Hàng thường che chở nuôi dưỡng các anh em hoạt động bí mật.

Ở huyện Thủy Nguyên, khi toàn quốc kháng chiến chư tăng ni lập trung đội tăng già có 15 vị sư ông tình nguyện cởi áo cà sa xung phong gia nhập để ra chiến trường, toán quân này sau chuyển ra vệ quốc đoàn. Trong đó có ba vị đã anh dũng hy sinh.

Tại Sơn Tây, chùa Sùng Giáo ở Thanh Chiểu, Phú Cường, huyện Ba Vì là trụ sở họp bàn của chính quyền cách mạng, nơi nuôi giấu cán bộ hoạt động bí mật. Khi quân Pháp tiến đánh xã Phú Cường, cả làng bị càn quét lớn, nhà cửa bị đốt cháy, ngôi chùa cũng bị chìm trong cảnh thương tâm.

Ở Hà Đông, Thượng tọa Thích Thanh Chân (1905-1989) trụ trì chùa Hương từ sau Cách mạng Tháng Tám đến suốt cả thời kỳ KCCP. Ngài là Uỷ viên MTVM các cấp, Uỷ viên Mặt trận Liên Việt Liên khu 3. Những năm giặc Pháp đánh phá ác liệt vùng Hương Sơn, tăng chúng phải rời khỏi nơi này, chỉ còn ngài là người duy nhất ở lại với chùa, trông nom coi sóc để mọi người tản cư. Hành động đó cũng có nghĩa rằng ngài là điểm tựa để các tổ chức kháng chiến địa phương bám trụ. Ngài đã cho 5 sư ông và một sư bác đi bộ đội đánh Pháp. Tấm lòng yêu nước nồng nàn của ngài đã được thể hiện mãnh liệt trong thời gian, hoàn cảnh đó.

Ở Hà Nam, chùa Bà Đanh (Ngọc Sơn, Kim Bảng) được Uỷ ban kháng chiến và Ban chỉ huy xã đội chọn làm điểm thành lập Chiến khu 2 để bám sát cơ sở chỉ đạo cuộc chiến đấu. Từ năm 1953 trở đi nơi này trở thành trung tâm các cơ quan đầu não của xã để lãnh đạo kháng chiến. Vị trụ trì chùa - sư cụ Thích Tâm Ngọ đã vinh dự đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng nhất do những đóng góp tích cực của cụ cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Chùa Cổ Lễ ở thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được xây dựng từ thế kỷ XII thời Lý là một danh lam thắng cảnh linh ứng. Đất nước bị xâm lăng, cửa Phật có quỷ ác đe dọa, các nhà sư không thể bình yên trong thiền đường. Tuân lời Phật dạy: “Cứu khổ, Độ sinh” và đáp lời khích lệ động viên của Hồ Chủ tịch nói với Tăng Ni: “việc Phật pháp không rời việc thế gian...” chùa trở thành nơi hoạt động cách mạng, nơi ẩn giấu cán bộ trong địch hậu, là trụ sở của tỉnh, huyện PGCQ trong nhiều năm. Bản thân Thượng tọa Phạm Thế Long, ngoài việc phụng đạo, còn nhiệt tình tham gia công tác kháng chiến kiến quốc. Cũng tại chùa này, ngày 27-02-1947 tỉnh hội PGCQ Nam Định cùng chính quyền, tín đồ trong vùng đã làm lễ phát nguyện cho 27 nhà sư (có 2 sư cô): “Cởi áo cà sa ra trận”.

Hai mươi bảy chiến sĩ ra trận đã chiến đấu dũng cảm, lập công xuất sắc, 12 vị đã hiến thân vì đại nghĩa, số còn lại có vị trở thành sĩ quan cấp cao của Quân đội nhân dân Việt Nam, có vị sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc trở về được phục hồi giáo phẩm, tiếp tục tu hành (18).

Tại Ninh Bình, chùa Hoa Sơn là nơi đặt sở chỉ huy hai chiến dịch Quang Trung và Tây Nam. Chùa là nơi làm việc của tỉnh uỷ Ninh Bình. Ông Đỗ Mười khi ấy là Bí thư tỉnh uỷ Ninh Bình đã thường xuyên làm việc và hội họp trong chùa. Chùa Bích Động là nơi đặt công binh xưởng chế tạo vũ khí đánh giặc.

Vào những năm đầu của cuộc KCCP, tổ đình Đồng Đắc do Thượng tọa Thích Đức Nhuận trụ trì là cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng. Ngài còn vận động tăng ni tín đồ vùng Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam ủng hộ và tham gia kháng chiến. Năm 1952, quê hương ngài bị quân Pháp chiếm đóng, một số tín đồ Phật giáo bị ép bỏ đạo, chùa chiền bị phong tỏa hoặc đập phá, tinh thần Phật tử bị khủng hoảng nghiêm trọng. Với cương vị là người đứng đầu hàng cao Tăng trong vùng, Thượng tọa đã kiên quyết bảo vệ tôn giáo tín ngưỡng của nhân dân. Kẻ thù đã dùng mọi thủ đoạn mua chuộc hăm dọa tù đày hòng uy hiếp tinh thần ngài, nhưng Thượng tọa vẫn thản nhiên và hiên ngang trước mọi sự đe dọa. Để tránh nguy cơ bị ám hại, ngài phải tạm lánh lên Hà Nội

Từ 1947 đến 1954, Thượng tọa Thích Minh Luân được bầu làm Chủ tịch Hội PGCQ tỉnh Hải Dương. Thượng tọa đã động viên các tăng ni Phật tử tham gia kháng chiến kiến quốc. Trong đó có 2 đệ tử là sư bác Tâm Huy, Tâm Quang lên đường tòng quân cứu nước, một vị đã hy sinh anh dũng. Ngài còn được cử làm Trưởng ban vận động xây dựng ủng hộ “quỹ kháng chiến”. Khi giặc chiếm đóng chùa Đại Tỉnh, Thượng tọa được cử giữ chức Trưởng ban liên lạc, hoạt động bí mật nắm tình hình tin tức của địch.

Thượng tọa Giám Sinh, trụ trì chùa Côn Sơn, Chí Linh, Hải Dương tham gia du kích đánh Pháp, bị giặc bắt, ông không hề khai báo. Chúng phải thả ông vì không có chứng cớ. Ông tiếp tục hoạt động bí mật cùng dân quân phối hợp với bộ đội tiến công lấy bốt đánh đồn. Ông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhì.

Chùa Diều, xã Hiến Nam, tỉnh Hưng Yên đã đào một cái hầm bí mật lớn có thể chứa hàng chục người. Năm 1953, bộ đội ta đã từ chùa này bất thần xuất kích bắn cháy 2 xe vận tải quân sự, bắt sống quan hai Pháp Gromba và tóm gọn một trung đội địch. Về sau, bọn Pháp trả thù bằng cách thiêu cháy toàn bộ ngôi chùa, chỉ còn một tháp mộ nhà sư.

Trong thời kỳ này nhiều chùa bị tàn phá, nhiều tăng ni đã hy sinh quên mình vì công cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc, ở đây chỉ nêu một số gương tiêu biểu:

Sư Thích Thanh Thu trụ trì chùa Quýt, Thường Tín, Hà Nôi, bị giặc bắt (19). Chúng tra tấn ông để truy tìm cán bộ Việt Minh, ông không xưng khai. Căm uất

bởi khí tiết của Đại đức, chúng tưới xăng thiêu sống ông trước cửa chùa. Các tín đồ và nhân dân quanh vùng ca ngợi ông-một nhà sư đã thắp lên một ngọn đuốc thiêng liêng rực sáng vì đại nghĩa.

Đại đức Thích Thanh Tiến trụ trì chùa Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội. Chùa là cơ sở của cán bộ hoạt động nội thành. Bị địch bắt, tra tấn hăm dọa không được, chúng dùng thủ đoạn mua chuộc dụ dỗ, nhưng đều bất lực trước khí tiết của sư. Chúng đã hèn hạ treo cổ ông trước cửa chùa để uy hiếp nhân dân. Nhưng ngược lại, nhân dân càng căm thù, càng gây nhiều cơ sở vững mạnh hơn để che giấu cán bộ hoạt động cách mạng.

Thượng tọa Thích Thanh Diệp trụ trì chùa Hòa Nhuệ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chùa có hầm bí mật bảo vệ cán bộ. Khi địch phát hiện được hầm, Thượng tọa nhảy lên khỏi miệng hầm cho nổ lựu đạn tiêu diệt một số địch. Ngài đã anh dũng hi sinh để bảo vệ cán bộ.

Đại đức Thích Thanh Thông trụ trì chùa Thọ Vực, Xuân Phong, Xuân Trường, Nam Định, là Chủ tịch Mặt trận Liên Việt xã. Ông khoác áo thiền đi khắp vùng, vận động quần chúng tham gia kháng chiến, gây dựng nhiều cơ sở trong địch hậu. Địch phát hiện bắt và bắn ông ngay trước cửa chùa. Trước khi chết ông vẫn niệm Phật. Nhân dân trong vùng đều ca ngợi ông là một nhà sư dũng cảm, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng và bí mật làm lễ cầu siêu cho ông.

Chùa Giáp Nhất ở phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội những ngày đầu kháng chiến chống Pháp là trạm quân y dã chiến. Chùa là trạm liên lạc của cán bộ kháng chiến. Đặc biệt, sư thầy Đàm Ty vì nuôi giấu cán bộ nên bị Pháp bắt và xử bắn. Bà được truy tặng danh hiệu liệt sĩ.

Ở Trung Bộ

Phật giáo Cứu quốc Trung Bộ dù ở chiến khu hay vùng tạm chiếm, nội thành, bạo động hay bất bạo động, họ vẫn tiếp tục đấu tranh. Người thì vào dân quân du kích bảo vệ xóm làng, hoặc lên đường nhập ngũ tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Người thì tham gia tiếp vận lương thực, thuốc men. Nhiều chùa, tự viện là cơ sở che giấu cán bộ hoạt động nội thành. Các tỉnh hội PGCQ được thành lập, có nơi xuống tới cấp huyện, xã.

Tại Liên khu 5, nơi bác sĩ Lê Đình Thám làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ, tăng sĩ và cư sĩ hoạt động mạnh mẽ trong Ủy ban PGCQ các cấp. Các tăng sĩ trẻ như Tâm Hoàn, Kế Châu, Huyền Quang v.v... được sự công tác đắc lực của một số đoàn viên Đoàn Phật học Đức dục cũ như Nguyễn Hữu Quán, đã gây được những sắc thái đặc biệt cho hoạt động của tổ

chức Phật giáo trong Liên khu.

Theo Nguyễn Lang (20) thì riêng về tu sĩ, trên 400 thanh niên tăng ni đã hy sinh trong khoảng thời gian từ 1947 - 1954:

Sư Thích Minh Tâm (Nguyễn Quang Lý) đệ tử thiền sư Quảng Nhuận, chính trị viên trung đoàn Trần Cao Vân gục ngã tại huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Sư Thích Tánh Huyền (Nguyễn Văn Hàm) đệ tử của Thượng tọa Thích Mật Nguyện, làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính khu phố 7, Huế ngã xuống sau lưng chùa Tường Vân.

Sư Thích Trí Nghiêm, đệ tử của Thượng tọa Thích Đôn Hậu ngã gục ở chiến khu Quảng Trị; các sư Thích Viên Minh và Nguyễn Chính hy sinh tại mặt trận Phan Thiết.

Thượng tọa Thích Trí Thuyên thế danh là Trần Trọng Thuyên, đã bị quân Pháp bắn chết ngày chủ nhật 3-2-1947 ngay tại Tùng lâm Kim Sơn, Huế. Ngày Phật đản năm 1948 tại Phật học đường Báo Quốc Huế, một số tăng sinh và giáo sư âm thầm tổ chức lễ cầu nguyện và truy điệu ông, và cầu nguyện cho tất cả những tăng ni khác đã bỏ thân vì cách mạng.

Dân tộc Việt Nam và những thế hệ Phật tử kế tiếp mãi mãi khắc ghi công ơn của họ.

Ở Nam Bộ

Năm 1947, cư sĩ Lê Hoàng Minh và Yết ma Pháp Long chùa Thiên Quang, Hóc Môn, Sài Gòn vận động thành lập PGCQ Nam Bộ. Tại Sài Gòn các Hòa thượng: Hồng Từ chùa Giác Viên, Hồng Hưng chùa Giác Lâm là hội viên sáng lập. Ban Trị sự Hội gồm có: Hòa thượng Tam Không (21) chùa Bửu Long, Mỹ Tho - Hội trưởng; hai Phó Hội trưởng là Hòa thượng Huệ Thành chùa Long Thiền, Biên Hòa và ông Commis Hải; ông Đào Không Không-Ủy viên Tuyên huấn; ông Lê Hoàng Minh–Uỷ viên Thủ quỹ; Thượng tọa Thiện Sĩ chùa Kim Cang, huyện Cai Lậy–Uỷ viên Xã hội; hai Uỷ viên Kiểm soát là ông Huệ Phương và Yết ma Pháp Tràng chùa Thiên Quang; ông Thiện Lý ở Hóc Môn–Uỷ viên Liên lạc. Trong BTS còn có 21 ủy viên đại diện 21 tỉnh như các Hòa thượng: Huệ Quang (Trà Vinh), Pháp Dõng (Gia Định), Trí Long (Mỹ Tho), Pháp Long (Vĩnh Long), Bửu Ý (Chợ Lớn) v.v...

Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ xuất bản tờ *Tinh tấn* do Hòa thượng Tam Không làm Chủ nhiệm, Giáo sư Lê Văn Đông tức Trọng Thư La Kim Trọng làm Chủ bút. Tòa soạn đặt tại chùa Bửu Lâm (chùa Tổ) xã Mỹ Thọ, tỉnh Cao Lãnh. Cơ quan

PGCQ Nam Bộ đặt tại chùa Ô Môi, xã Mỹ Quý, trong Đồng Tháp Mười, nguyệt san có khi được phổ biến lên tận Sài Gòn.

PGCQ các địa phương đã vận động phong trào thanh niên lên đường tòng quân cứu nước; tham gia phong trào ủng hộ Quỹ Tài chính kháng chiến; ủng hộ Tuần lễ đồng (thu đồng để làm đầu đạn, nhưng chỉ thu đồng phế liệu, chuông, lư đỉnh, mâm, nồi... chứ không thu tượng thờ).

Ngày 8-4 năm Kỷ Sửu, tức ngày 5-5-1949, Ban chấp hành PGCQ Nam Bộ phối hợp cùng PGCQ liên tỉnh Mỹ Tho-Sa Đéc tổ chức rất long trọng ngày lễ đản sinh đức Phật Thích ca Mâu ni tại một địa điểm ở vùng Đồng Tháp Mười. Các cấp Dân-Quân-Chính, đồng bào, Phật tử đến tham dự trên 6.000 người.

Hòa thượng Tam Không phát biểu ý kiến giải thích ý nghĩa, thành tích tham gia kháng chiến của Phật tử Nam Bộ: "Phật giáo đồ Nam Bộ đã khai sát giới, gia nhập Vệ quốc quân và dân quân, cầm súng mang dao, giết giặc trừ gian. Đặc biệt tỉnh Bạc Liêu, số hội viên PGCQ chỉ hơn 5.000 mà đã sung vào dân quân đến 1.500 người.

Ngoài ra còn có nhiều nhà sư cùng với Vệ quốc quân ba khu Nam Bộ đền nợ nước tại chiến trường.

Việc cứu giúp đồng bào, đỡ đầu bộ đội, ủng hộ quân nhu, Phật giáo đồ đã thực hành đúng lý tưởng lợi tha, bác ái của đức Phật. Chuông, khánh là của quý nhà chùa mà tỉnh Mỹ Tho đã hiến cho binh công xưởng 50 đại hồng chung, 14 tiểu hồng chung và tỉnh Sa Đéc trên 2 tấn đồ đồng.

Toàn Nam Bộ số hội viên Phật giáo Cứu quốc có chừng 30.000 mà đã ngót 1.000 cha, mẹ, chị tham gia Hội mẹ chiến sĩ đỡ đầu chiến sĩ..." (22).

Để kết thúc, ông nhấn mạnh lòng kính mến của Phật giáo đồ Nam Bộ đối với Cụ Hồ - vị Bồ tát noi gương Đức Phật Thích Ca hoàn toàn hy sinh cho dân tộc. Ông hô to khẩu hiệu: *"Thích từ phụ bất tử"* tất cả Phật giáo đồ cúi đầu quán tưởng đức Từ Phụ. Tiếp theo khẩu hiệu *"Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muôn năm"* và *"Hồ Chí Minh muôn năm",* muôn năm vang một góc trời từ tận đáy lòng, trái tim tất cả già trẻ, gái trai vang lên.

Buổi lễ rất long trọng, thân ái, để thêm phần vui tươi và dồi dào ý nghĩa Phật giáo kháng chiến, Ban Ca kịch hiến khán giả một vở kịch đặc sắc nhan đề *"Cởi áo cà sa, xông ra chiến trường."*

Lễ tất, giải tán vào 12 giờ khuya, ai nấy ra về, hiểu rõ đạo Phật và cảm kích lòng yêu nước của Tăng ni, Phật tử (23).

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ đã có nhiều tăng ni Phật tử hy sinh, bị bắt cầm tù. Một số gương tiêu biểu:

Sư bà Diệu Tấn, chùa Kim Sơn vì che giấu cán bộ hoạt động nội thị Sài Gòn, bị Pháp bắt tra tấn dã man đến khi bị bệnh nan y và tịch năm 1947, thọ 38 tuổi, 20 tuổi đạo;

Hòa thượng Trí Quang, Hội trưởng PGCQ tỉnh Gia Định hy sinh tại mặt trận An Phú Đông.

Hòa thượng Minh Giác chùa Giác Lâm và Hòa thượng Minh Thành ở Gia Định bị địch bắt cầm tù vì là cơ sở kháng chiến.

Nhìn chung, trong cuộc KCCP đầy khó khăn gian khổ, Tăng ni khắp ba miền vẫn giữ vững lòng tin ở cách mạng, ở Hồ Chủ tịch. Hội PGCQ đã đoàn kết được tăng ni Phật tử tham gia kháng chiến, xứng đáng là một thành viên của MTVM và Liên Việt.

2. Phật giáo vùng tạm chiếm

Đến năm 1948, nhân tình thế trong nước bớt đen tối, những hoạt động Phật giáo bị một thời gian gián đoạn, được tiếp tục lại mạnh mẽ.

2.1. Hoạt động Phật giáo ở từng miền

Ở Bắc Việt

Ở Hà Nội, các sư ly tán vì thời cuộc lần lượt trở về, kế đó tăng giới cũng như Hội Phật giáo được chỉnh đốn. Tháng 5 năm 1949, Hội Tăng ni Chỉnh lý Bắc Việt được thành lập, sau đổi tên là Hội Tăng ni Bắc Việt do Thượng tọa Tố Liên làm Hội trưởng đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, ra tạp chí *Phương tiện*, đến tháng 9 năm 1950 cải tổ thành Hội Tăng già Bắc Việt, Hòa thượng Thích Mật Ứng được suy tôn ngôi Pháp Chủ. Cũng trong tháng 5 năm 1949 tái thành lập Hội VNPG do Tổng đốc trí sĩ Bùi Thiện Cơ làm Hội trưởng, Thượng tọa Tố Liên làm Phó Hội trưởng, cư sĩ Viên Quang làm Tổng Thư ký, Hội ra tờ Tuần báo *Tin Tức Phật giáo*. Trên 300 chi hội Phật giáo địa phương đã được thành lập. Hai Hội đã phối hợp thành lập Trường Bảo trợ Giáo dục Nhi đồng, Trường Tiểu học Khuông Việt (nam ở chùa Quán Sứ, nữ ở chùa Vân Hồ), lập một số cơ quan từ thiện cứu trợ nạn nhân chiến tranh và tái lập nhà in Đuốc Tuệ tại Hà Nội, in ấn nhiều kinh sách trong một tình thế rất khó khăn.

Tháng 9 năm 1949, Hội Phật tử Việt Nam được thành lập tại chùa Chân Tiên, phố Bà Triệu, Hà Nội do một số cư sĩ mến mộ đạo Phật như Văn Quang Thùy,

Nguyễn Văn Chế, Lê Văn Giáp, Bùi Hưng Gia...góp sức. Hội ra tờ *Bồ Đề Tân Thanh* làm cơ quan hoằng dương Phật pháp do Tuệ Nhuận Văn Quang Thùy làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút.

Ở Trung Việt

Năm 1947, Thượng tọa Thích Trí Thủ vận động mở cửa lại Phật học đường Báo Quốc; tháng Sáu năm 1948 Hội Việt Nam Phật học, hậu thân của Hội An Nam Phật học trước đây được thành lập, đặt trụ sở tại số 1B đường Nguyễn Hoàng, Huế do cư sĩ Chơn An Lê Văn Định làm Hội trưởng. Hội bắt đầu nối liên lạc và tái thành lập các tỉnh hội và chi hội ở miền Trung.

Tới năm 1950, Hội Việt Nam Phật học đã có đến 17 tỉnh hội, 30 chi hội và ngót một nghìn khuôn Tịnh độ. Riêng ở tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế, Hội đã thành lập được 102 khuôn Tịnh độ. Khuôn Tịnh độ Phú Hòa là khuôn thứ 102 có tới 200 hội viên.

Một số thanh niên tu sĩ và cư sĩ trong đó có Võ Đình Cường, Kao Khả Chính, Phạm Đăng Trị, Trúc Diệp v.v... chủ trương xuất bản tạp chí Phật học *Giác ngộ*. Sau đó nguyệt san *Viên âm* được tục bản do Thượng tọa Thích Trí Quang chủ trì, làm cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Phật học.

Năm 1949, các huynh trưởng Gia đình Phật hóa phổ cũng quy tụ thanh thiếu niên Phật tử lại và đoàn ngũ hóa tổ chức. GĐPHP có màu sắc y phục và cách chào riêng. Tổ chức này có sức thu hút thanh thiếu niên khá mạnh cho nên không những nó lan khắp tỉnh Thừa Thiên và Huế mà đến năm 1950 nó phát triển và lan ra tới Bắc Việt, vào tới Nam Việt.

Từ ngày 24-26, tháng 4 năm 1951, Đại hội Huynh trưởng GĐPHP toàn quốc họp tại chùa Từ Đàm, Huế. Có đại diện của 8 tỉnh Trung Việt, một số tỉnh ở Bắc Việt và đại diện Ban Hướng dẫn Nam Việt tham dự. Kết quả hội nghị này là danh xưng GĐPHP được đổi thành Gia đình Phật tử Việt Nam (riêng Bắc Việt vẫn giữ nguyên tên cũ). Một bản nội quy và thiết lập cơ cấu hoạt động thanh niên như cắm trại, học cứu thương, học cách truyền tin v.v...cho tổ chức.

Cũng trong năm này Sơn môn Tăng già Huế và Thừa Thiên cùng với các Ban Trị sự của các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Lâm Viên, Ninh Thuận họp tại chùa Linh Quang ở Huế thành lập "Hội Sơn môn Tăng già Trung Việt", cùng suy tôn Hòa thượng Thích Tịnh Khiết ở chùa Tường Vân làm Pháp chủ của Hội. Trụ sở Hội đặt tại chùa Linh Quang, Thượng tọa Thích Mật Hiển ở chùa Trúc Lâm được công cử làm Trị sự trưởng năm 1951. Cơ quan hoằng pháp của Hội là tạp chí *Liên hoa*. Riêng Hội Sơn môn Tăng già Huế-Thừa Thiên thì

Thượng tọa Thích Mật Nguyện được suy cử làm trụ trì chùa Linh Quang đồng thời làm Chánh Trị sự Hội vào đầu năm 1951.

Các Hội tiến hành quy tập tăng lữ và chỉnh đốn mọi việc... Đó đây, những am tự bị tàn phá được trùng tu, các nhà phiên dịch và trước tác hăm hở làm việc trở lại. Tác phẩm *Tăng già Việt Nam* của Thượng tọa Thích Trí Quang được Sa môn Tố Liên giới thiệu và nhà in Đuốc Tuệ của Hội Việt Nam Phật giáo ở chùa Quán Sứ, Hà Nội xuất bản.

Năm 1951, Thượng tọa Thích Trí Thủ, Ủy viên Hoằng pháp của Hội Việt Nam Phật học đặt viên đá xây dựng ngôi trường trung học Bồ đề đầu tiên của Hội tại nội thành Huế.

Từ đó về sau, các trường tư thục Bồ đề được liên tiếp dựng lên ở các tỉnh hội, chi hội khắp miền Trung.

Ở Nam Việt

Đầu năm 1947, tổ sư Minh Đăng Quang, thế danh Nguyễn Thành Đạt, sinh năm 1923, quê làng Phú Hậu, tổng Bình Phú, quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, rời Linh Bửu tự (làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho) quyết tâm thực hiện tâm nguyện "Nối truyền Thích Ca chính pháp - đạo Phật Khất sĩ Việt Nam". Từ Phú Mỹ, ngài đi khắp nơi để giáo hóa như Long An, Mỹ Tho, Gò Công, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu... sau đó là khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ, khai sơn Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, một sắc thái Phật giáo đặc thù, biệt truyền tại Nam Việt.

Năm 1950, theo gương Trung, Bắc Việt, tại Nam Việt quý ngài Trí Hữu, Nhật Liên, Huyền Dung, Trí Tịnh và Quảng Minh họp tại chùa Ứng Quang quyết định thống nhất các Phật học đường Liên Hải, Mai Sơn và Ứng Quang ở Chợ Lớn lại thành Phật học đường Nam Việt bên tăng đặt trụ sở tại chùa Ứng Quang, sau đổi thành Ấn Quang; bên ni đặt tại chùa Từ Nghiêm, sau dời về chùa Dược Sư, Gia Định. Tới năm 1953, Phật học đường Phật Quang cũng gia nhập Phật học đường Nam Việt và Thượng tọa Thích Thiện Hòa được mời về chùa Ấn Quang để cộng tác.

Thấy ngoài Trung và Bắc Việt đều lập cơ sở tu học cho các cư sĩ, ngài Chánh Tri Mai Thọ Truyền đã vận động các đồng chí họp nhau thành lập Hội Phật học Nam Việt tại chùa Khánh Hưng ở Hòa Hưng, quận 3, Sài Gòn vào ngày 25-2-1951, suy cử bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, một cư sĩ từng làm Phó Hội trưởng Hội LXPH làm Hội trưởng. Sau đó ít lâu dời về chùa Phước Hòa ở Bàn Cờ. Tới 1957, Hội PHNV dựng chùa Xá Lợi ở đường Bà Huyện Thanh Quan, quận 3 làm trụ sở. Hội ra tạp chí *Từ quang* để hoằng dương chính pháp.

Ngày 5-6-1951, chư tăng Nam Việt đã họp tại chùa Hưng Long và thành lập Hội Tăng già Nam Việt; sau dời trụ sở về chùa Ấn Quang, Sài Gòn. Hội suy cử Hòa thượng Thích Đạt Từ làm Trị sự trưởng, Thượng tọa Nhất Liên làm Tổng Thư ký. Hòa thượng Thích Đạt Thanh ở chùa Giác Ngộ được suy tôn làm Pháp chủ lâm thời. Đại hội ngày 8-3-1953 của GHTG Nam Việt đã bầu Thượng tọa Thích Thiện Hòa làm Trị sự trưởng và suy tôn Hòa thượng Thích Huệ Quang làm Pháp chủ.

Ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thìn 1952, thành lập Giáo hội Lục hòa Tăng Việt Nam do Hòa thượng Thích Thiện Tòng chùa Trường Thạnh làm Tăng trưởng, Hòa thượng Pháp Nhạc chùa Long An làm Phó Tăng trưởng, cư sĩ Đoàn Trung Còn làm Thủ quỹ. Giáo hội xuất bản *Phật học tạp chí* và mở *Khánh Hòa Phật học Tùng thư.*

Tóm lại, hệ thống tổ chức PGVN lúc bấy giờ gồm có 6 tập đoàn, mỗi miền có 2 tập đoàn: Một hội Tăng già lo việc chư tăng ni và lãnh đạo tinh thần cho cư sĩ, một hội cư sĩ lo việc của cư sĩ và hỗ trợ vật chất cho tăng ni trên con đường "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự".

Các tập đoàn Phật giáo ở ba miền đã trở thành những lực lượng hoằng dương chính pháp đáng kể và đã bắt đầu gây ảnh hưởng trực tiếp tới thời cuộc.

2.2. Tiến tới thống nhất Phật giáo cả nước

Đến năm 1950, trên ba miền Bắc, Trung, Nam đã xuất hiện nhiều Hội Phật giáo, Hội Phật học của tăng sĩ và cư sĩ. Lúc này, thống nhất các hiệp hội Phật giáo thành một tổ chức duy nhất làm tốt đạo đẹp đời trong cả nước là vấn đề mà tất cả những người nhiệt tình vì đạo Phật khắp nơi đều mong muốn.

Sự thống nhất này đã trở nên một điều cần thiết kể từ ngày 8-6- 1950 là ngày Việt Nam chính thức làm hội viên Hội Phật giáo Thế giới (WFB), nhờ công sức vận động của Thượng tọa Tố Liên, Phó hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo và Trưởng phái đoàn Việt Nam đi dự hội nghị Phật giáo quốc tế tại Côlômbô thủ đô Sri Lanka từ ngày 25-5 đến ngày 8-6-1950.

Sau một thời gian công tác trù bị hoàn tất, ngày 10-4-1951, Pháp chủ Thích Mật Ứng, đại diện Phật giáo Bắc Việt; Pháp chủ Thích Tịnh Khiết, đại diện Phật giáo Trung Việt, và Hòa thượng Thích Đạt Thanh, trụ trì chùa Giác Ngộ, đại diện cho Phật giáo Nam Việt ký vào lời hiệu triệu thống nhất Phật giáo gửi tới các tổ chức, giáo hội, sơn môn, hệ phái Phật giáo ở ba miền Bắc, Trung, Nam.

Ngày 6-5-1951, Hội nghị Phật giáo thống nhất toàn quốc Việt Nam cử hành lễ khai mạc tại chùa Từ Đàm, Huế với 51 đại biểu Phật giáo ba miền. Họp luôn trong bốn ngày (từ ngày 6-5 đến ngày 9-5). Kết quả hội nghị đã nhất trí thông

qua bản điều lệ và nội quy của Hội và bầu được Ban Tổng Trị sự nhiệm kỳ 3 năm. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết được suy bầu là Hội trưởng, Thượng tọa Thích Trí Hải làm phó Hội chủ. Hội lấy tên là *Tổng hội Phật giáo Việt Nam*, trụ sở đặt tại Huế và lấy ngày Phật đản (mồng 8 tháng Tư âm lịch) làm ngày kỷ niệm thành lập Tổng hội PGVN. Hoạt động của Hội gồm những nội dung sau:

1. Thống nhất lực lượng, ý chí và hành động của Phật tử Việt Nam.

2. Hướng dẫn Phật tử Việt Nam theo đúng tinh thần Phật pháp.

3. Đào tạo tăng tài có đủ khả năng để hoằng dương Phật pháp.

4. Sách lệ và hộ trì tăng ni nghiêm trì Giới luật.

5. Tu tạo và bảo tồn các tu viện, các cơ quan văn hóa xã hội giáo dục của Phật giáo.

6. Giao thiệp hay liên lạc với tất cả các tổ chức Phật giáo trên thế giới nếu tổ chức ấy theo đúng chính pháp.

Tổng hội PGVN là tổ chức Phật giáo có tính thống nhất, quy mô, tập hợp tăng, ni và Phật tử của 6 tập đoàn Phật giáo lớn trên cả ba miền đất nước và có khả năng thu hút các tập đoàn Phật giáo còn lại. Tuy nhiên, nghịch duyên vẫn còn, thực dân Pháp tìm cách phá hoại (thành lập từ 1951 nhưng mãi đến 1953 chính quyền mới chính thức công nhận và cho phép Tổng hội hoạt động bằng Nghị định số 45MI/DĐP ngày 8-7-1953), chia rẽ các lực lượng yêu nước trong đó có Phật giáo. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta còn gặp những khó khăn, đất nước chưa có chủ quyền nên mọi hoạt động của Tổng hội có những hạn chế nhất định. Nhất là sự thống nhất mới chỉ đóng khung trong người Việt, chưa thống nhất trọn vẹn trong phạm vi quốc gia, vì thiếu vắng các thành phần sau: 1) Phật giáo Khmer; 2) Phật giáo Nam tông người Việt; 3) Phật giáo người Hoa; 4) Phật giáo Khất sĩ; 5) Phật giáo Cứu quốc ở vùng tự do cũng như vùng tạm chiếm trên cả ba miền.

Sau một thời gian chuẩn bị, từ ngày 8 đến ngày 14-9-1952, các đại biểu của Tăng già Bắc, Trung, Nam đã tề tựu tại chùa Quán Sứ để họp Đại hội đồng thành lập Giáo hội Tăng già toàn quốc. Đại hội đồng đã thông qua bản Quy chế của Giáo hội; bầu ra Hội đồng Pháp chủ gồm ba vị Pháp chủ ở ba miền, có nhiệm vụ chứng minh và ủng hộ về mọi công việc do vị Thượng thủ cùng Tổng Trị sự đảm nhiệm; suy tôn vị Thượng thủ đứng đầu Giáo hội và bầu ra Tổng Trị sự (nhiệm kỳ 2 năm) cùng các chuyên ban để thực hành các công việc của Giáo hội. Hòa thượng Tuệ Tạng - Thích Tâm Thi được suy tôn là Thượng thủ. Thượng tọa Trí Hải là Tổng Trị sự.

Giáo hội lấy tên là *Giáo hội Tăng già Việt Nam* trụ sở đặt khắp Bắc, Trung, Nam tuỳ theo nơi vị Thượng thủ ở.

GHTG Việt Nam ra đời nhằm mục đích thiết lập một cơ chế lãnh đạo nhất quán để hoạt động Phật sự hữu hiệu hơn; trên cơ sở đó tạo mối quan hệ rộng rãi với các tổ chức Phật giáo trên thế giới, nhất là đối với *Hội Liên hữu Phật giáo thế giới* mà PGVN là một trong những thành viên sáng lập.

Ngay sau khi thành lập, GHTG Việt Nam liền tiến hành một số việc lớn sau:

+ Công nhận Ban chấp hành Chi hội Phật giáo Thế giới tại Việt Nam;

+ Can thiệp với chính quyền bãi bỏ việc bắt các sư từ 18 - 45 tuổi phải tòng quân;

+ Cử các sư thanh niên xuất dương du học tại nước ngoài: sang Nhật Bản 4 người là các sư ông: Tâm Giác, Chân Từ (Thanh Kiểm) ở Bắc; Thiện Ân ở Trung; Quảng Minh ở Nam. Sang Ấn Độ ba người: Phúc Tuệ (Quảng Độ) ở Bắc; Minh Châu và Trí Không ở Trung.

+ Quy định thống nhất phẩm phục của chư Tăng toàn quốc.

Năm 1953, với tư cách Thượng Thủ Giáo hội Tăng già toàn quốc Hòa thượng Tuệ Tạng đã gửi một bức Tâm thư lời lẽ thống thiết kêu gọi tăng sĩ toàn quốc giúp sức trùng hưng Phật giáo.

Sự tập hợp thành một khối thống nhất cả nước, thông qua việc thành lập Tổng hội PGVN năm 1951 và GHTG Việt Nam năm 1952 là sự đồng thuận đầu tiên cho quá trình chấn hưng Phật giáo Việt Nam, đặt nền tảng cho sự phát triển Phật giáo sau này.

2.3. Hội nhập với Phật giáo quốc tế

Sau Hội nghị Phật giáo quốc tế tại Sri Lanca, với nỗ lực hoạt động của Thượng tọa Tố Liên, uy tín của PGVN trên trường quốc tế đã được tạo dựng. Ngày 13-5-1951 (8-4 âm lịch), Văn phòng Trung tâm Địa phương Hội Phật giáo Thế giới đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội khai trương và lễ thượng kỳ Phật giáo thế giới lần đầu tiên được cử hành tại Việt Nam.

Hội nghị Phật giáo thế giới lần thứ hai, họp tại Đông Kinh (Tokyo), Nhật Bản, tháng 9 năm 1952, đã giúp cho Phật giáo thống nhất Việt Nam một cơ hội biểu dương lần đầu lực lượng của mình.

Phái đoàn Phật giáo Sri Lanca, đi phó hội Đông Kinh có thỉnh theo một viên ngọc xá lợi Phật tổ để tặng nước Nhật và chiếc tàu Pháp La Marseillaise chở phái đoàn phải dừng ở cảng Sài Gòn hai mươi bốn giờ. Hay được tin này, các đại diện PGVN liền quyết định tổ chức một lễ cung nghênh long trọng. Dưới danh nghĩa Phật giáo thống nhất, mà từ nay gọi là Phật giáo Việt Nam, một cuộc tập hợp vĩ đại đã diễn ra, trên năm vạn người tham gia, mà chỉ sắp đặt không đầy sáu ngày. Thật là một quang cảnh chưa từng thấy ở Sài Gòn; tuy đông mà vẫn trật tự, người người đều biểu lộ một niềm tin tưởng chí thành.

Cuộc biểu diễn êm ái ấy, về sau đã gây được nhiều ảnh hưởng hay. Từ Bắc chí Nam, PTCH được mọi nơi tiếp đón nồng hậu, khiến cho phạm vi hoạt động càng ngày càng mở rộng, lấn áp một phần nào uy thế của những chi phái tạp nhạp. Từ đó các cơ quan từ thiện, Phật học đường, tư thục Phật giáo và Thanh niên Phật tử được nảy nở thêm và ngày càng thịnh vượng.

Trên phương diện truyền bá giáo lý, nhiều tiến triển cũng quan trọng như thế đã được thu hoạch, và có lẽ sẽ thành tựu hơn nhiều nếu đất nước không bị chia cắt.

Các danh tăng và cư sĩ tiêu biểu

Hòa thượng Tố Liên (1903-1977)

Ngài tên đời là Nguyễn Thanh Lai, quê làng Quỳnh Lôi, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông (nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Ngài xuất gia năm 13 tuổi, tại chùa Hương Tích, là đệ tử của tổ Thanh Tích. Mặc dù được chọn làm người kế vị chùa Hương nhưng ngài quyết tâm du phương tham học các đạo tràng danh tiếng như Đào Xuyên, Vĩnh Nghiêm, Tế Xuyên, Bằng Sở, và đã đi trụ trì chùa Côn Sơn, Thanh Mai, Hải Dương. Nhờ giới đức trang nghiêm, trí tuệ minh mẫn và sở học uyên thâm, năm 1936 ngài được Hội Phật giáo Bắc Kỳ cung thỉnh ra chùa Quán Sứ, Hà Nội để chung lo Phật sự, ngài đã đóng góp rất nhiều cho Phật học đường Quán Sứ như giảng dạy, chủ sám và giới sư các Đại giới đàn, cùng tham gia tích cực những hoạt động văn hóa xã hội của Phật giáo Bắc Kỳ.

Năm 1945, sau một thời gian dài trụ trì tại chùa Côn Sơn ở huyện Chí Linh, Hải Dương, ngài lại trở về làm Phật sự tại chùa Quán Sứ. Ngài cùng Thượng tọa Trí Hải, cư sĩ Thiều Chửu thành lập Tổng hội Cứu tế do ông Nguyễn Văn Tố là Hội trưởng để giúp đỡ những người đói khổ, trẻ mồ côi.

Năm 1949, ngài thành lập Hội Tăng ni Chỉnh lý Bắc Việt, sau đổi tên là Hội Tăng ni Bắc Việt và tháng 9 năm 1950 đổi tên GHTG Bắc Việt vẫn do ngài làm Hội

trưởng, đồng thời giữ chức Phó Hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo. Tháng 5 năm 1950, ngài đại diện cho PGVN đi dự Hội nghị thành lập Hội thế giới Phật giáo Liên hữu (WFB) tại Sri Lanka. Ngài được Đại hồi bầu làm Phó Hội trưởng thứ nhất và là Đại diện Ban chấp hành Hội Phật giáo Tăng già tại Việt Nam, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Năm 1951, ngài là một sáng lập viên Tổng hội PGVN và là Ủy viên Nghi lễ của Tổng hội. Năm 1952, GHTG toàn quốc được thành lập, ngài được cử làm Tổng Thư ký.

Về xã hội, từ 30-1-1952 đến 1954, ngài là trụ trì chùa Quán Sứ, một trung tâm đào tạo tăng tài và điều hành Phật sự ở miền Bắc. Ngài đã lập nên các các tổ chức cứu trợ đồng bào hoạn nạn bởi nạn đói, thiên tai và chiến tranh và lập Cô nhi viện Quán Sứ. Về văn hóa, ngài là Chủ nhiệm tạp chí *Phương tiện*, hậu thân của báo *Đuốc tuệ*. Và là Chủ nhiệm tuần báo *Tin tức Phật giáo*-phụ trương của báo *Phương tiện* từ năm 1951 - 1954 .

Về giáo dục, ngài có công thành lập trường Tiểu học Khuông Việt tại chùa Quán Sứ, trường Ni học Vân Hồ, Hà Nội. Ngài đã quan tâm gửi các tu sĩ du học ở nước ngoài để sau này trở về nước phục vụ công cuộc hoằng dương Phật pháp.

Năm 1954, đất nước bị chia cắt, ngài cùng các Hòa thượng đồng chí hướng như Tuệ Tạng, Trí Hải, Vĩnh Tường ở lại Hà Nội làm cột trụ vững chắc trong việc truyền thừa Phật sở đã có từ năm 1949. Đến năm 1958, Hội PGTNVN ra đời, với nội dung và nhân sự mới, kế thừa sự nghiệp của ngài trong giai đoạn mới. Vì bệnh duyên và tuổi ngày một thêm cao, ngài phải nghỉ dưỡng bệnh tại chùa Quán Sứ và một số nơi khác như chùa Quỳnh Trân, bệnh viện Phú Thọ.

Chiều ngày 13, tháng 2 năm Đinh Tỵ (1-4-1977) ngài an nhiên viên tịch tại chùa Quán Sứ, trụ thế 75 năm, hoằng pháp độ sinh 45 năm. Bảo tháp của ngài được tạo dựng tại chùa Sùng Phúc, thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Bảo hiệu là Chân Không tháp.

Về trước tác, Hòa thượng còn để lại những tác phẩm:

Tấm gương quy y; Sự lý lễ tụng; Ký sự phái đoàn Phật giáo Việt Nam đi Ấn Độ và Tích Lan.

Hòa thượng Tố Liên là một người có nhiều công lao trong phong trào CHPG nước nhà và đưa đạo Phật Việt Nam góp mặt với Phật giáo thế giới. Ngài là tấm gương sáng cho các thế hệ tăng ni, Phật tử vì đã trọn đời cống hiến cho Phật sự.

Hòa thượng Thích Trí Hải (1906-1979)

Ngài thế danh Đoàn Thanh Tảo, pháp danh Thích Thanh Thao, hiệu Trí Hải; quê làng Quần Phương Trung, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Năm 17 tuổi ngài xuất gia ở chùa Mai Xá, 18 tuổi thụ giới Sa di ở tổ đình Tế Xuyên. Năm 20 tuổi ngài thụ đại giới; năm 25 tuổi, ngài về trụ trì chùa Phú Đa, xã Yên Lập, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Năm sau vì bản sư viên tịch, ngài trở lại trông coi chùa Mai Xá.

Năm 27 tuổi, cùng với một số tăng sĩ và cư sĩ, ngài thành lập Ban Phật học tùng thư. Năm 1934, Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập, đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Ngài là thành viên sáng lập, nhưng chỉ làm Đương gia chùa Quán Sứ.

Tháng 3 năm 1937, ngài cùng Thượng tọa Thích Mật Thể ở Trung Kỳ đi du học ở Trung Quốc. Ngài được tiếp xúc với đại sư Thái Hư - lãnh tụ Phật giáo Trung Hoa và cư sĩ Đường Đại Viên nhà Duy thức học nổi tiếng của Trung Quốc.

Về nước đầu năm 1938, thấy việc xây dựng chùa Quán Sứ không tiến triển, ngài đề nghị Hội củng cố lại Ban Hưng công, cử cư sĩ Thiều Chửu phụ trách phần tài chính, ngài phụ trách về kiểu mẫu chùa, thợ thuyền và mua sắm vật liệu. Nhờ khả năng tổ chức và nỗ lực cố gắng của hai người, năm 1942 chùa Hội quán đã được hoàn thành về cơ bản.

Năm 1938, ngài tích cực vận động có được 37 mẫu ruộng tại huyện Phụ Dực, tỉnh Thái Bình để giải quyết vấn đề tài chính cho các tăng sinh. Đầu năm 1945, ngài cùng Thượng tọa Tố Liên, cư sĩ Thiều Chửu thành lập Tổng hội Cứu tế do ông Nguyễn Văn Tố làm Hội trưởng, để giúp đỡ những người đói khổ, trẻ mồ côi trong nạn đói...

Cuối năm 1945, Thượng tọa Trí Hải được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm cố vấn cho Bộ trưởng Cứu tế xã hội Nguyễn Văn Tố. Ngài được dự phiên họp đầu tiên do Hồ Chủ tịch chủ toạ tại trường Viễn Đông Bác Cổ để thành lập Ban Cứu đói.

Đầu năm 1947, ngài cử các sư Tâm Giác và Quảng Thạc xuống Đan Thầm, Thanh Oai, tỉnh Hà Đông đón hơn 30 em trên 10 tuổi trong đoàn của cư sĩ Thiều Chửu tản cư kháng chiến. Ban đầu, đoàn về chùa Đông Kiệt, Khoái Châu, Hưng Yên; sau sang chùa An Ninh, Phụ Dực, Thái Bình. Cuối cùng, đoàn về chùa Mai Xá, Lý Nhân là nơi trước đây ngài trụ trì dạy nghề thủ công để tự túc.

Năm 1950, ngài thỉnh được Đại Tạng Kinh từ Nhật Bản bổ sung cho thư viện Phật giáo tại chùa Quán Sứ.

Năm 1951, Tổng hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, ngài làm Phó Hội chủ thứ nhất.

Từ 30-11-1952 đến 1954 ngài là Phó trụ trì chùa Quán Sứ. Năm 1952, Phật giáo Tăng già toàn quốc được thành lập tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Suy bầu ngài làm Trưởng Ban Trị sự. Năm 1953, ngài đứng ra xây trường Trung, Tiểu học Vạn Hạnh trong khuôn viên chùa Hàm Long, Hà Nội giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Năm 1954, vào thời gian đất nước tạm chia đôi, dù gặp bao khó khăn tài chính, không có kiến trúc sư... ngài vẫn quyết tâm xây dựng hoàn tất chùa Phật Giáo (nay là chùa Nam Hải - Hội quán Phật giáo Hải Phòng) để tiếp tục Phật sự và ổn định tinh thần Phật tử.

Năm 1958, Hội PGTNVN ra đời, ngài về chùa Phật Giáo Hải Phòng hướng dẫn Phật tử, sáng tác và biên dịch nhiều tác phẩm, gồm 40 đầu sách. Hòa thượng còn kiêm trụ trì chùa Bồ Đề, Gia Lâm trên 30 năm.

Năm 1979, ngài vào thăm miền Nam, được tăng ni, Phật tử nghênh tiếp trọng thị. Việc này có ý nghĩa lớn đối với cuộc vận động thống nhất Phật giáo năm 1981. Khi trở về Bắc được mấy hôm, ngài lâm bệnh và thị tịch ngày 7 tháng 6 năm Kỷ Mùi (30-6-1979) tại chùa Phật Giáo Hải Phòng. Trụ thế 74 tuổi, hoằng đạo 57 năm.

Hòa thượng Thích Trí Hải là một trong những bậc cao tăng của lịch sử PGVN, ngài có công đầu trong việc thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ và đã suốt đời xây dựng cho cơ sở Phật giáo tại miền Bắc.

Tuệ Nhuận Văn Quang Thùy (1887-1967)

Ông quê tỉnh Hải Dương. Năm 1928, thân phụ qua đời, Văn Quang Thùy bắt đầu tìm hiểu và nghiên cứu kinh điển đạo Phật. Bẩm tính thông minh, lại có vốn Hán học vững vàng, ông thâm nhập giáo lý Phật đà một cách nhanh chóng và uyên thâm, trở nên một cư sĩ Phật tử thuần thành.

Ông là thành viên sáng lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ cuối năm 1934, giữ chức Phó Thư ký. Đến Đại hội đồng họp ngày 26-6-1938 ông được bầu vào Ban Cố vấn. Ông còn tham gia diễn giảng giáo lý Phật và là cây bút quen thuộc với độc giả báo *Đuốc tuệ*.

Ngày 3-5-1940 (26-3 âm lịch), tại chùa Quán Sứ, Hà Nội ông được Thái Hư đại sư trao Bồ tát giới, ban pháp danh là Tuệ Nhuận và khuyên: “Tôi thấy Việt Nam toàn tu Tịnh Độ, cư sĩ nên vâng theo” và tặng cư sĩ một mảnh giấy có hai câu thơ làm kỷ niệm:

Nhập Như Lai tạng

Văn tựa *Quang* minh *Thùy* vũ trụ

Phật môn *Tuệ* trạch *Nhuận* sinh linh

Từ đó ông chuyển sang nghiên cứu về tu Tịnh độ.

Tại phiên Đại hội đồng ngày 12-9-1942, ông được cử làm Trưởng ban Ban Cư sĩ học Phật. Tháng 11-1945, ông tham gia Ủy ban Tăng già Bắc Bộ, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Tháng 9 năm 1949, ông cùng một số cư sĩ mến mộ đạo Phật: Nguyễn Văn Chế, Lê Văn Lâm, Trương Đình Vy, Lê Văn Giáp và Bùi Hưng Gia họp nhau thành lập Hội Phật tử Việt Nam tại chùa Chân Tiên, Hà Nội. Hội có cơ sở tại các tỉnh, hoạt động nhất là chi hội Hải Phòng, trụ sở đặt tại chùa An Biên. Hội xuất bản nguyệt san *Bồ đề* để hoằng pháp.

Trên các trang báo này, ông đích thân phiên dịch, chú giải luận Duy Thức Tam Thập Tụng, Thập Mục Ngưu Đồ và viết nhiều bài giáo lý căn bản giúp cho việc học Phật của độc giả.

Sau Hiệp định Giơnevơ tháng 7 năm 1954, Tuệ Nhuận Văn Quang Thùy vào Nam, xin xuất gia làm đệ tử của Hòa thượng Thích Thiện Hòa, lấy việc chuyên tu làm chính.

Ông qua đời năm 1967 tại Sài Gòn, hưởng thọ 80 tuổi, để lại kho tàng kinh sách Việt Nam nhiều dịch phẩm có gia trị như *Kinh A Di Đà, Kinh Dược Sư, Kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền v.v...*

Chơn An Lê Văn Định (1893-1980)

Cư sĩ Lê Văn Định, tự Nguyên Tịnh, hiệu Vĩnh Xuyên, pháp danh Chơn An, quê làng La Qua, Vĩnh Điện, tỉnh Quảng Nam. Năm 10 tuổi, ông được thân phụ đưa đến chùa Triều Tôn, tỉnh Phú Yên xin quy y Tam bảo do Hòa thượng Tuệ Hương truyền giới.

Cuối thập niên 1930, ông bắt đầu tham khảo kinh sách, nhờ tinh thông Hán học nên đọc kinh sách Phật rất mau hiểu. Năm 1941, ông thỉnh Hòa thượng Đôn Hậu từ Huế vào Quảng Nam lưu lại trên hai tháng giảng pháp. Năm 1942-1943, khi nhận chức Bố chánh tỉnh Bình Định, ông đã dành thời gian đến nghe Thượng tọa Mật Nguyện giảng pháp.

Năm 1947, ông cùng gia đình dời về Huế, năm sau ông được Giáo hội mời làm Chánh Hội trưởng Tổng Trị sự Hội Việt Nam Phật học ở Trung Bộ.

Với lòng biết ơn sâu dày đối với đức Từ Phụ Như Lai, ông đã dành nhiều thời gian để xúc tiến Việt hóa và thống nhất hóa của giới cư sĩ ; soạn thảo nhiều bài sám, bài phát nguyện, bài tụng... kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: lễ Phật đản sinh, lễ Phật xuất gia, lễ Phật thành đạo, lễ Phật nhập Niết bàn, lễ Vu lan...; quen thuộc nhất đối với giới Phật tử là bài tụng Phát nguyện và Quy y.

Đầu năm 1950, ông làm Chủ nhiệm tờ *Viên âm* vừa tục bản. Năm 1951, ông thôi làm Hội trưởng Tổng Trị sư Hội Việt Nam Phật học, cùng năm ông được bầu làm Phó Hội chủ Tổng hội PGVN.

Cuối mùa hè năm 1955, ông vào Sài Gòn tham dự Đại hội kỳ 2 Tổng hội tại chùa Phước Hòa và được tái bầu làm Phó Hội chủ.

Năm 1958, ông ra Nha Trang thụ Bồ Tát giới tại đại giới đàn Hải Đức do Đại lão Hòa thượng Thích Giác Nhiên làm Đàn đầu. Cuối năm này, cư sĩ Chơn An xin từ chức Phó Hội chủ Tổng hội PGVN.

Ông mất ngày 5-11-1980 tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 88 tuổi.

IV. PHẬT GIÁO THỜI KỲ 1954 - 1974

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 8-5-1954, hội nghị Giơnevơ bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đêm ngày 21-7, hội nghị kết thúc, các bên tham gia hội nghị đã ký kết Hiệp định ngừng bắn và lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo Hiệp định, Việt Nam bị chia đôi bởi vĩ tuyến 17: miền Bắc từ sông Bến Hải trở ra; phần còn lại là miền Nam và qui định năm 1956, hai miền Nam - Bắc mở cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

1. Phật giáo miền Bắc

1.1. Từ năm 1954 đến 1964

Những năm này, nhân dân miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam tiến hành các nhiệm vụ khôi phục kinh tế từ 1954 -1957; cải tạo và phát triển kinh tế (1958-1960) và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965 xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH, đồng thời tiếp tục đấu tranh đòi thực hiện triệt để Hiệp định Giơnevơ, củng cố hòa bình và tiến tới thực hiện thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử; ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm.

1- Từ 1954 đến 1957

Hòa bình lập lại, Hòa thượng Thích Trí Độ từ vùng tự do Thanh Hóa trở lại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Hòa thượng Tố Liên tiếp tục giảng kinh thuyết pháp cho tín đồ Phật giáo, phụng đạo, yêu nước đến tháng tư năm Mậu Tuất 1958 mới nghỉ. Ngài cùng quý ngài: Kim Cương Tử, Thích Thanh Chân, Lê Phúc Tiến, Giám Sinh... tham gia vận động thành lập Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô, tham gia Ban Vận động thành lập *Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam*.

Hòa thượng Thích Trí Hải trên cương vị Trưởng ban Hưng công tiếp tục xây dựng trường trung tiểu học cho ni giới tại khu vực chùa Hàm Long - một danh lam cổ tích của Hà Nội. Ngoài số tiền do Tăng ni, thiện tín phát tâm ủng hộ, thiếu bao nhiêu thì Ban Hưng công tự vay tạm rồi trả dần sau, không cho phép lạc quyên ở đâu cả. Mùa hè năm 1954, tại chùa Hàm Long trường Vạn Hạnh với hai ngôi nhà hai tầng, được hoàn thành và khai giảng.

Ngài cũng về Hải Phòng hoằng đạo và trực tiếp chỉ đạo thi công chùa Phật Giáo - hội quán thành hội Phật giáo Hải Phòng hiện nay) (24). Ngày 8 tháng 12 năm Giáp Ngọ (1954) làm lễ khánh thành ngôi chùa toàn bằng xi măng, nền cao 1m, rộng 400 m^2.

Ngày 17-9-1954 HĐCP ban hành 8 chính sách đối với các thành phố mới giải phóng. Những chính sách này nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của toàn thể nhân dân, bảo vệ công thương nghiệp tư doanh, bảo hộ tính mạng và tài sản của mọi người, thực hiện tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Ngày 21-9, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Chỉ thị số 94-CT/TƯ về "Thi hành chính sách tôn giáo ở vùng mới giải phóng".

Ngày 14-6-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 234/ SL, ban hành chính sách tôn giáo nhằm bảo đảm tự do tín ngưỡng. Đây là văn bản qui định khá chi tiết về quyền tự do tín ngưỡng của công dân. Điều 1 của Sắc lệnh ghi rõ: "Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo...".

Ngày 2-8-1955, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 566 - TTg về việc thành lập các Ban Tôn giáo ở Trung ương (Phủ Thủ tướng), khu, tỉnh.

Ban Tôn giáo Phủ Thủ tướng (nay là Ban Tôn giáo Chính phủ thuộc Bộ Nội vụ) có nhiệm vụ: "Nghiên cứu kế hoạch thi hành những chủ trương chính sách của chính phủ về vấn đề tôn giáo, giúp Thủ tướng phối hợp với các ngành ở Trung ương và theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương trong việc thực hiện những chính sách của Chính phủ về vấn đề tôn giáo và liên hệ với các tổ chức

tôn giáo".

Trong những năm 1954-1956, nhất là từ khi Chính phủ ban hành Sắc lệnh bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng (14-6-1955) ở miền Bắc đã có 25 nhà thờ và 6 ngôi chùa đền lớn được trùng tu. Các chùa có chùa Một Cột (Hà Nội), Hương Tích (Hà Đông), Cổ Lễ (Nam Định), đền Sòng (Thanh Hóa), đền Hùng (Phú Thọ).

Thể theo nguyện vọng thiết tha chính đáng của chư Hòa thượng, Thượng tọa, tăng ni và các tín đồ đạo Phật, ngày 8-10-1956, Ban Đại diện Phật giáo thủ đô được thành lập nhằm mục đích thờ đạo yêu nước do Hòa thượng Thích Mật Ứng làm Trưởng ban, Thượng tọa Tâm Nguyệt làm Phó ban. Trụ sở đặt tại chùa Bà Đá, số 3 phố Nhà Thờ, Hà Nội, xuất bản tờ *Phật giáo Đặc san* phát hành vào các ngày lễ Phật Đản, lễ Vu Lan và ngày đức Phật thành đạo trong năm, mỗi kỳ 1000 số. Báo do Thượng tọa Tâm Nguyệt làm Chủ nhiệm, cư sĩ Ngô Đăng Ban là Chủ bút, trụ sở tạm thời cũng đặt tại chùa Bà Đá.

Từ ngày 10 đến 17 tháng 11 năm 1956, nhận lời mời của Chính phủ Ấn Độ và Chính phủ Nepal dự Hội nghị Phật giáo thế giới lần thứ 4 và dự lễ kỷ niệm đức Phật nhập diệt, đoàn đại biểu Phật giáo miền Bắc do bác sĩ Lê Đình Thám dẫn đầu và Pháp sư Thích Trí Độ đã đến Catmanđu, thủ đô Nepal. Vua Nepal đã thân hành chủ lễ khai mạc và bế mạc. Đoàn đã gặp gỡ đoàn đại biểu Tổng hội PGVN do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Trưởng đoàn, Hòa thượng Thích Huệ Quang làm Phó trưởng đoàn và đoàn đại biểu Phật giáo Tiểu thừa Việt Nam. Ba đoàn gặp nhau mừng mừng tủi tủi, mừng được gặp nhau sau bao năm xa cách, tủi vì chỉ được gặp nhau nơi đất khách quê người. Với cảm tình chan chứa ấy, mặc dù không có sự chuẩn bị hợp đồng từ trước, ba trưởng đoàn đã đề nghị Ban Tổ chức sát nhập các đoàn thành một đoàn PGVN duy nhất, không phân biệt Bắc - Nam, không phân biệt Đại thừa và Tiểu thừa. Cả ba đoàn đi cùng nhau, cùng ngồi với nhau, cùng góp ý kiến cho nhau, làm cho đại biểu Phật giáo các nước đều nhận thấy PGVN là một, dân tộc Việt Nam là một, Tổ quốc Việt Nam là một, quyết không một lực lượng nào có thể chia cắt được.

Lễ kỷ niệm Đức Phật nhập diệt cử hành trong một cuộc mít tinh long trọng tại thủ đô Niuđeli (Ấn Độ) có Tổng thống Pơraxat, ngài Phó tổng thống và Thủ tướng Neru đến chủ tọa. Pháp sư Thích Trí Độ đã đọc bài tham luận về sự cống hiến của Phật giáo đối với văn học Việt Nam. Đoàn đã gặp gỡ ông Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội PHNV và Tỷ khiêu Thích Bảo Chân thuộc Tiểu thừa Phật giáo Nam Bộ.

Lúc bấy giờ trong cải cách ruộng đất việc chấp hành chính sách tôn giáo đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, xúc phạm đến tín ngưỡng các tôn giáo như lấy cả ao vườn nội tự chia cho nông dân, có nơi cán bộ đã quy kết tội oan cho

các nhà tu hành v.v... Phạm những sai lầm này là do chỉ đạo quan liêu không sát tình hình, do cán bộ không nắm vững chính sách, không hiểu hết tục lệ các tôn giáo.

Những sai lầm trên đã khiến cho nhiều đồng bào các tôn giáo thắc mắc một cách chính đáng và thiết tha mong đợi việc sửa chữa... Nghị quyết của HĐCP về sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức có nhấn mạnh: "Từ Trung ương đến xã, cơ quan phụ trách phải đặc biệt coi trọng việc sửa sai ở vùng tôn giáo, đảm bảo chính sách đối với tôn giáo được thi hành đúng đắn". Bản Nghị quyết nêu rõ những điểm sau đây:

"Nơi nào để lại ruộng đất cho nhà chung, nhà chùa, miếu mạo, từ đường họ chưa đúng chính sách qui định thì phải điều chỉnh lại cho đủ dùng vào việc đèn hương thờ cúng và đủ sinh sống cho những người làm nghề tôn giáo.

- Nơi nào đã trưng thu, trưng mua sai nhà, vườn, ao trong khu nội tự thì phải trả lại.

Không được dùng nhà thờ, chùa, thánh thất, miếu mạo và từ đường họ làm kho tàng hay trụ sở cơ quan, nơi nào đang dùng thì phải chuyển đi nơi khác, cơ quan nào đã dùng mà làm hư hỏng thì phải sửa chữa.

... những người làm nghề tôn giáo nếu bị qui sai là địa chủ, bị qui kết tội oan thì được trả lại tự do, danh dự, tài sản bị tịch thu trưng thu trưng mua thì được đền bù như những người khác bị quy oan.

... việc sửa chữa phải có kế hoạch từng bước... đồng bào và tín đồ các tôn giáo cần nhìn rõ những quyền lợi vì ruộng đất và địa vị chính trị của mình do cải cách ruộng đất đã mang lại và tin tưởng vào sự quyết tâm sửa chữa sai lầm của Đảng. Chính phủ và Mặt trận, ra sức đoàn kết giúp đỡ chính quyền, giúp đỡ cán bộ tiến hành sửa chữa cho được kết quả tốt".

Tính đúng đắn và kịp thời của Nghị quyết đã động viên khích lệ bà con rất nhiều.

Ngày 8-1-1957, kỷ niệm ngày đức Thích ca thành đạo đã được tổ chức tại nhiều tỉnh miền Bắc. Nhân dịp này, Hồ Chủ tịch đã gửi thư chúc mừng các vị tăng ni và tín đồ PGVN. Người *"khen ngợi các vị Tăng ni và tín đồ đã sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử"* và cho biết những năm qua *"Đời sống của nhân dân ta dần dần càng được cải thiện, cũng giống như tôn chỉ mục đích của Đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm. Người mong mỏi "các vị tăng ni đồng bào tín đồ đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn, để góp phần xây*

dựng hòa bình chóng thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước."

Nhân dịp tết Đinh Dậu (1957), Hòa thượng Thích Mật Ứng Pháp chủ GHTG Bắc Việt, thay mặt *Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô* gửi thư cho giáo hữu Phật tử miền Nam. Cụ nêu lên lòng mong mỏi thiết tha của nhân dân miền Bắc nói chung và giới phụ lão nói riêng là được trao đổi thư từ bưu thiếp để giáo hữu hai miền hiểu rõ tin tức của nhau, giúp nhau trên con đường phụng đạo.

Chiều 19-5-1957, tại trụ sở Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức trao tặng huân chương cho một số nhân sĩ tôn giáo trong Mặt trận. Chủ tịch MTTQ Tôn Đức Thắng làm chủ tọa buổi lễ, Phó Thủ tướng Phan Kế Toại thay mặt Chính phủ tuyên đọc danh sách và gắn huân chương, về Phật giáo có:

Huân chương Độc lập hạng 3: Bác sĩ Lê Đình Thám; Huân chương Kháng chiến hạng 2: Hòa thượng Thích Trí Độ, Thượng tọa Giám Sinh, các sư bà Đàm Giám, Đàm Ký; Huân chương Kháng chiến hạng 3: Thượng tọa Phạm Thế Long.

2) Từ 1958 đến 1960

Ngày 4-2-1958, Hồ Chủ tịch dẫn đầu đoàn đại biểu nước ta sang thăm nước Cộng hòa Ấn Độ và Liên bang Myanmar. Ngày 6-2, Người đã ủy nhiệm Phó Thủ tướng Phan Kế Toại và Bộ trưởng Bộ Văn hóa Hoàng Minh Giám đi viếng mộ Hòa thượng Huệ Quang- mất tại Ấn Độ, trong lúc đi dự kỷ niệm 2500 năm lễ Phật đản.

Ngày 16 đến ngày 18-3-1958 Đại hội đại biểu thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tiến hành tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Tham dự Đại hội có Tôn Đức Thắng Chủ tịch MTTQ Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Trưởng ban Tôn giáo phủ Thủ tướng, Chủ tịch MTTQ thành phố Hà Nội v.v...

Tới dự đại hội gồm hơn 200 vị Hòa thượng tôn túc tăng ni và các cư sĩ tiêu biểu trong Phật giáo. Có cả vị sư tăng Miên kiều và một vị sư Hoa kiều cùng tới dự đại hội.

Đại hội mời cụ Tôn Đức Thắng, cụ Bùi Kỷ (nguyên sáng lập viên Hội PGBK), cụ Doãn Kế Thiện tham gia Chủ tịch đoàn gồm 22 vị Hòa thượng tôn túc. Hội nghị dành riêng một ghế Chủ tịch đoàn danh dự dâng Hồ Chủ tịch và hai ghế dành đại biểu miền Nam.

Sau khi Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô, Thượng Tố Liên chào mừng Đại hội, tổ Cao Đà, thành viên Ban Chứng minh Đạo sư Hội VNPG, đọc diễn văn khai mạc; Thượng tọa Tâm Nguyệt đọc thư của Ủy ban MTTQ Trung ương, Ủy ban Liên lạc Công giáo, Hội Thánh Tin lành, Cao Đài miền Bắc chào mừng đại hội.

Đại hội quyết nghị đặt trụ sở Hội tại chùa Quán Sứ. Thượng tọa Thái Hòa nhân danh sáng lập viên Hội VNPG tán thành Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ.

Đại hội đã bầu BTS Trung ương Hội, gồm 45 vị trong đó có 2 ghế dành các hội viên sau này công tác tiến bộ được đề bạt; và 10 ghế dành các đại biểu Phật giáo miền Nam. Thực tế gồm 33 vị, BTS đã bầu Ban Thường trực do Hòa thượng Thích Trí Độ làm Hội trưởng, Hòa thượng Tuệ Tạng-Thích Tâm Thi, Thượng tọa Thích Đức Nhuận, Thượng tọa Phạm Đức Chính, Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám được bầu làm Phó Hội trưởng Hội PGTNVN.

Tối 18-3-1958, Đại hội đã cử một phái đoàn gồm hơn 40 vị Tăng ni và cư sĩ do Pháp sư Thích Trí Độ dẫn đầu lên yết kiến Hồ Chủ tịch, trong đó có sư cụ Đàm Phúc 99 tuổi và sư cụ Tống Cắm Sáng gốc Hoa tu tại Cẩm Phả. Hồ Chủ tịch nói: “Trước đây phong kiến và đế quốc đã kìm hãm không cho người tu hành được yêu nước, yêu dân. Nay thì khác. Các vị được tự do phụng đạo, yêu nước, cứu khổ cứu nạn cho mình và cho người theo như lời Phật dạy.” Đoạn, Hồ Chủ tịch giải thích: “Cứu khổ, cứu nạn là phải làm thế nào không còn người áp bức người, ai nấy đều có cơm ăn, áo mặc, việc làm, không ai khổ nữa”.

Hồ Chủ tịch đã trao tặng lại cho Hội một bảo vật là cây Bồ đề do Tổng thống Ấn Độ tặng Người ngày 7-2-1958 nhân dịp Người dẫn đầu đoàn đại biểu nước ta sang thăm Ấn Độ và Liên bang Miến Điện. Người nói: “Tôi đã ủy ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa đem cây ấy tặng lại các vị để đánh dấu ngày thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam”.

Ngày 27-3-1958, ngày kỷ niệm Đức Phật Thích Ca xuất gia tu đạo, nhân dịp này Hội PGTNVN làm lễ trồng cây Bồ đề. Đồng thời treo tấm biển đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ. Hành lễ xong, 9 giờ sáng, cây Bồ đề đã rước từ chùa Quán Sứ lên chùa Một Cột.

Ngày 28-4-1958, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 147 – NV, cho phép Hội PGTNVN được “hoạt động trong phạm vi luật lệ hiện hành và Điều lệ của Hội đã được duyệt, đính theo Nghị định này”. Điều lệ Hội có 14 mục với 23 điều, quy định Hội có hai cấp: Ban Trị sự Trung ương và Ban Trị sự các tỉnh thành (chi hội). Nhiệm kỳ Ban Trị sự Trung ương là ba năm, Ban Trị sự chi hội là hai năm. Ban Trị sự Trung ương có ba tiểu ban là tiểu ban Tuyên giáo, tiểu ban Nghi lễ và tiểu

ban Từ thiện xã hội.

Ngày 31-12-1959, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới. Quyền tự do tín ngưỡng được đề cập trong Điều 26: "Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có các quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào".

Ngày 19-5-1960, trong khi Thượng tọa Thích Thanh Chân, trụ trì chùa Hương, Chứng minh Đạo sư Hội PGTNVN ra Hà Nội để cùng phái đoàn Phật giáo vào chúc thọ và mừng sinh nhật lần thứ 70 của Hồ Chủ tịch, thì ngay 5 giờ sáng hôm đó, chính Hồ Chủ tịch lại vào thăm chùa Hương Hà Tây. Tại đây Người đã căn dặn chính quyền địa phương phải sửa lại thuyền bè, bắc thêm cầu phao và làm thêm một con đường mới để tăng ni Phật tử đi lại chiêm bái được dễ dàng và an toàn.

Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra tại Hà Nội. Trả lời báo *Cứu quốc* nhân sự kiện này, Pháp sư Thích Trí Độ nói: Sự quan tâm đến vấn đề tôn giáo của Đảng làm cho người Phật giáo chúng tôi vô cùng phấn khởi.

3) Từ 1961 đến 1964

Tháng 3 năm 1961, Đại hội đại biểu Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam lần thứ 2 diễn ra tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Đại hội đã lưu nhiệm pháp sư Thích Trí Độ làm Hội trưởng.

Từ ngày 25 đến ngày 29-4-1961 Đại hội MTTQ Việt Nam lần thứ 2 đã diễn ra tại Hà Nội. Pháp sư Thích Trí Độ được bầu vào Ủy viên Chủ tịch đoàn; Hòa thượng Phổ Minh Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam tỉnh Quảng Bình và Ni sư Đàm Dung trụ trì chùa Xã Đàn, khu Đống Đa, Hà Nội Ủy viên Ban Trị sự Trung ương Hội PGTNVN được bầu là Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Toàn bộ kinh Lăng Nghiêm mà Tâm Minh Lê Đình Thám dày công phiên dịch và chú giải trong nhiều năm (đã được đăng trên tạp chí *Viên âm* trước năm 1945) đã được ông hoàn tất và xuất bản tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Đây là ấn phẩm Phật giáo đầu tiên được xuất bản ở miền Bắc, kể từ năm 1954.

Trong năm này, sau khi làm việc ở Tam Đảo, Hồ Chủ tịch về thăm chùa Hà Tiên, xã Đại Trung, thị xã Vĩnh Yên. Lần 2, sau khi làm việc với tỉnh ủy Vĩnh Phúc trong chuyến thăm huyện Vĩnh Tường, Người về nghỉ và ăn cơm nắm dưới tán cây muỗm (xoài) cổ thụ trong vườn chùa Hà Tiên và dặn dò cán bộ và nhân dân địa phương.

Tháng 5 năm 1962, những người làm công tác bảo tồn, bảo tàng đã khám phá di tượng anh hùng dân tộc Quang Trung tại chùa Bộc ở Khương Thượng, Hà Nội. Lần sát tường chùa, đằng sau cái bệ gỗ của pho tượng, có một dòng chữ kín đáo phải bắc ghế cao hoặc thang mới đọc được, dịch nghĩa: "Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng". Bính Ngọ tức 1846, tức 60 năm sau ngày người anh hùng áo vải phất cờ kéo quân Tây Sơn ra hạ thành Thăng Long, lật đổ chúa Trịnh (1786).

Tháng 7 năm 1963, được tin Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (14-6-1963), Hồ Chủ tịch rất cảm động trước sự hy sinh anh dũng của Hòa thượng. Người đã trân trọng cắt cột báo đăng tin và ghi lại công đức Hòa thượng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết câu đối trang trọng kính viếng Hòa thượng Thích Quảng Đức:

Vị pháp thiêu thân vạn cổ uy hùng thiên nhật nguyệt

Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà.

Dịch nghĩa:

Vị pháp thiêu thân muôn thuở hùng uy trời nhật nguyệt

Lưu danh bất tử, trăm năm chính khí đất sơn hà.

Sau khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, Ban Trị sự Trung ương Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam đã truy tặng Hòa thượng là *Đại hùng hộ pháp danh dự chứng minh đạo sư*, đặt bát hương *Từ đàm - Xá lợi* tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Để tỏ lòng biết ơn của Phật giáo thủ đô, đối với Phật giáo miền Nam, tăng ni thiện tín đã phát Bồ đề tâm, người giúp công người giúp của, riêng Hòa thượng Thích Tâm Huy trụ trì chùa Hòe Nhai, một tổ đình lớn ở Hà Nội ủng hộ 500 đồng và dâng một miếng đất vườn nội tự để Thành hội Phật giáo Hà Nội xây ngọn tháp đặt tên là "Ấn Quang bảo tháp" để tưởng nhớ vị Hòa thượng đã anh dũng tự thiêu. Ngày 20-7-1963, Thành hội đã làm lễ khánh thành một cách trọng thể, có hơn 1000 tăng ni Phật tử tới dự.

Hầu hết các chùa trên miền Bắc đã làm lễ cầu siêu cho Phật tử và đồng bào miền Nam bị đế quốc Mỹ và tay sai giết hại; đã trồng hàng vạn "cây Từ đàm", "cây Xá lợi"; đặt tên các khóa Hạ là "khóa Hạ Từ đàm"...để khắc sâu tội ác của đế quốc Mỹ và tay sai và để ghi nhớ những tấm gương đấu tranh bất khuất của Phật tử miền Nam.

Ngày 28-8-1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tuyên bố lên án hành động tàn bạo của Mỹ - Diệm đối với đồng bào theo đạo Phật miền Nam "Tội ác của chúng, trời

đất không thể dung, Hành động hung tàn của chúng, nhân dân ta đều căm giận. Cả thế giới đều lên tiếng phản đối, nhân dân tiến bộ Mỹ cũng đều đồng tình ủng hộ", và "Thay mặt nhân dân Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn nhân dân và chính phủ các nước Phật giáo, các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cảm ơn nhân dân yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới, cảm ơn nhân dân và nhân sĩ tiến bộ Mỹ đã nghiêm khắc lên án Mỹ - Diệm và nhiệt tình ủng hộ nhân dân miền Nam."

Năm 1963-1964, trên công trường đắp đê sông Hoàng Long ở làng Đất, khu vực kinh đô Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) dân công đào đất ở độ sâu từ 10 cm xuống hơn 200 cm so với mặt ruộng đã phát hiện được 20 cột kinh bằng đá. Cột kinh ghi rõ rằng Nam Việt Vương Đinh Khuông Liễn đã dựng 100 cột kinh vào năm Quý Dậu (973).

Trên cột kinh tìm được năm 1964, ngoài bài chú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà la ni, còn một bài kệ chữ Hán khá dài liên quan đến Phật giáo Đại thừa.

Từ ngày 28-9 đến ngày 1 tháng 10 năm 1964, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội diễn ra Đại hội đại biểu Hội PGTNVN lần thứ 3, gồm 200 đại biểu tăng ni, cư sĩ và tín đồ, thể hiện tinh thần đại hòa hợp phấn khởi, tin tưởng. Đại hội vinh dự và phấn khởi được Hồ Chủ tịch viết thư thăm hỏi, căn dặn và Phó Chủ tịch nước - Chủ tịch Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương MTTQ Tôn Đức Thắng đến thăm và nói chuyện. Sau lời khai mạc của Hòa thượng Hội trưởng, các đại biểu lắng nghe ông Trần Xuân Bách đọc thư của Hồ Chủ tịch gửi Đại hội, tiếp đó ông phát biểu ý kiến với Đại hội; đại ý ông nêu lên thành tích yêu nước của giới PGVN từ trước tới nay, đồng thời ông cho biết những âm mưu lợi dụng chia rẽ, đàn áp của đế quốc Mỹ và tay sai đối với đồng bào Phật giáo miền Nam. Những ý kiến quí báu của ông đã khích lệ Đại hội rất nhiều.

Sáng 30-9-1964, Đại hội đã suy cử 27 Hòa thượng vào Ban Chứng minh Đạo sư, bầu Ban Trị sự mới gồm 37 vị trong đó có 27 vị tăng, 7 vị ni và 3 cư sĩ. Suy bầu 10 vị vào Ban Thường trực Trung ương Hội:

1) Pháp sư Thích Trí Độ - Hội trưởng;

2) Hòa thượng Trần Quảng Dung - Phó Hội trưởng;

3) Bác sĩ Lê Đình Thám - Phó Hội trưởng;

4) Hòa thượng Thích Đức Nhuận - Phó Hội trưởng;

5) Hòa thượng Tâm An - Phó Hội trưởng;

6) Hòa thượng Thái Hòa - Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký;

7) Thượng tọa Viên Tu - Phó Tổng Thư ký;

8) Ông Việt Đoàn - Phó Tổng Thư ký;

9) Thượng tọa Phúc Tuệ - Ủy viên Thường trực;

10) Sư bà Thích Đàm Dung - Ủy viên Thường trực

Ban Trị sự có 3 Tiểu ban:

1) Tiểu ban Tuyên giáo do Pháp sư Thích Trí Độ, Trưởng tiểu ban, Bác sĩ Lê Đình Thám, Phó trưởng Tiểu ban; 2) Tiểu ban Nghi lễ: Hòa thượng Trần Quảng Dung, Trưởng tiểu ban, Thượng tọa Thích Giám Sinh, Phó trưởng tiểu ban;

3) Tiểu ban Từ thiện xã hội: Thượng tọa Thích Viên Tu, Trưởng tiểu ban, Thượng tọa Phạm Thế Long, Phó trưởng tiểu ban.

Buổi chiều, Đại hội nghe đại biểu quân đội nói về chiến thắng ngày 5-8-1964 của quân và dân ta. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần chiến đấu dũng cảm phi thường của quân và dân ta, đồng thời càng thấy rõ âm mưu đen tối và tội ác của đế quốc Mỹ khiêu khích phá hoại miền Bắc để gỡ thế bí của chúng đang thất bại ở miền Nam nước ta.

Sáng ngày 1-10 Đại hội được đón tiếp Phó Chủ tịch Tôn Đức Thắng đến thăm và nói chuyện. Đại hội đã thông qua thư gửi lên chúc thọ Hồ Chủ tịch, thư gửi Ủy ban MTTQ Việt Nam, thư gửi đồng bào Phật giáo miền Nam và thông qua bản Nghị quyết của Đại hội. Tiếp đến Ban Trị sự mới ra mắt Đại hội, đến 10 giờ 30 ngày 1-10 Đại hội bế mạc.

Tóm lại, trong những năm 1957 - 1964 các trường Hạ và đại giới đàn vẫn được duy trì, các ngày lễ Phật đản, đức Phật thành đạo, ngày vía đức A di đà vẫn được tổ chức, tuy nhiên các trường Phật

học đào tạo tăng tài đều ngưng, báo chí Phật giáo cũng đình bản, Hội không còn cơ sở in ấn kinh sách...

Các tổ chức như Hội Việt Nam Phật giáo, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội PGCQ, Hội Phật tử Việt Nam đã giải thể, cử đại biểu họp Đại hội thành lập Hội PGTNVN và tiến hành các đại hội nhiệm kỳ hướng dẫn tăng ni Phật tử thực hiện nhiệm vụ.

Các tăng ni Phật tử đã cùng nhân dân hoàn thành cải cách ruộng đất, tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, hăng hái tham gia công cuộc

cải tạo và xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đời sống đồng bào ngày càng được cải thiện, nhiều nhà tu hành đã dần dần hòa mình trong cuộc sống chung của dân tộc, cùng với tín đồ tham gia hoạt động yêu nước.

Nhiều nhà tu hành và tín đồ Phật giáo đã liên tục liên tiếp tố cáo những hành động tội ác của Mỹ - Diệm đối với đồng bào ta ở miền Nam; nhiều cuộc đấu tranh chung của các tôn giáo chống Mỹ

- Diệm đã được tổ chức ở Thủ đô Hà Nội và các địa phương.

Hội PGTNVN trở thành thành viên của MTTQ Việt Nam đã hướng dẫn tăng ni, Phật tử thực hiện cương lĩnh của Mặt trận, tích cực chấp hành các chính sách của Chính phủ, hăng hái tham gia ủng hộ các phong trào hợp tác xã, học tập văn hóa, bài trừ mê tín dị đoan.

Tăng ni, Phật tử ngày càng hòa hợp, đoàn kết rộng rãi trong Hội PGTNVN, tích cực xây dựng Hội thành một tổ chức tiêu biểu cho tinh thần yêu nước của tôn giáo mình.

1.2. Từ 1965 đến 1974

Đầu tháng 2 năm 1965, đế quốc Mỹ bắt đầu tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Lúc này chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc, của nhân dân từ Bắc chí Nam.

1- Góp phần cùng toàn dân đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ

Trong 8 năm dùng không quân đánh phá miền Bắc, đế quốc Mỹ đã gây ra vô vàn tội ác đối với nhân dân ta. Riêng Phật giáo, đã bị máy bay Mỹ bắn phá, ném bom, phá hủy ngót 256 ngôi chùa, có chùa bị máy bay Mỹ đánh đi đánh lại nhiều lần, gần bị san phẳng như chùa Vọng Cung Nam Định; các chùa Sặt Hải Dương, Hoàng Mai (Nga Mi thiền tự) ở Thanh Trì, Hà Nội, Tam Sơn Bắc Ninh bị bom phá hủy tượng Phật, giết hại Tăng ni. Bên cạnh những ngôi chùa bị tàn phá là những làng mạc, bệnh viện, trường học, nhà thờ, thánh thất, công trình thủy lợi đê điều cũng bị chúng đánh phá có tính chất hủy diệt.

Chùa Phả Quang, một di tích lịch sử của tỉnh Quảng Bình, chùa Phật Giáo, trụ sở tỉnh hội Phật giáo Quảng Bình ở thị xã Đồng Hới cùng với 15 chùa khác trong tỉnh bị giặc Mỹ ném bom phá hoại.

Ở Thanh Hóa, các chùa: Giác Hoa (Hàm Rồng), chùa Đông Tác (huyện Đông Sơn), chùa Quảng Thọ, Quảng Hóa (Tp Thanh Hóa), chùa Bia (Đò Lèn) bị đánh

phá hỏng nặng. Sư ông Nguyễn Ngọc Ngoạn trụ trì chùa Quảng Thọ trong khi đang tụng kinh, phụng Phật thì bị bom Mỹ giết hại.

Nhiều chùa khác ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình bị máy bay Mỹ bắn phá hư hỏng nặng.

1) Nhiều chùa trở thành nơi sơ tán các cơ quan nhà nước hoặc nơi trú đóng của các đơn vị quân đội, công an

Chùa Phổ Chiếu (Hải Phòng), những năm 1954 - 1955 là trụ sở của Liên hiệp Công đoàn Hải Phòng chỉ đạo các cuộc đấu tranh cưỡng ép người di cư và chuyển máy móc vào Nam.

Trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, chùa là Sở chỉ huy của Sở Công an Hải Phòng từ năm 1965 đến 1972. Chùa Đồng Thiện là nơi đóng quân của hậu cần các đơn vị pháo cao xạ bảo vệ cầu Niệm và cầu Rào, Hải Phòng.

Chùa Yên Phú, huyện Thanh Trì, Hà Nội là nơi đóng quân của hậu cần đơn vị phòng không phía Nam Hà Nội.

2) Một số nhà sư trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ chiến đấu

Ở chùa Nam Ngạn, sư thầy Đàm Xuân đã phủ những tấm cà sa quí nhất của đời mình lên mâm pháo khi không còn lá cây ngụy trang dưới làn bom đạn dày đặc của giặc Mỹ. Sư thầy Đàm Xuân đã làm rạng danh Phật tử xứ Thanh và được Hồ Chủ tịch tặng huy hiệu của Người. Sư cụ Đàm Ninh (chùa Chương Các), sư ông Thanh Cầm (chùa Gia Đầu) đều trực tiếp phục vụ chiến đấu, các vị đã được giấy khen từ Trung ương đến địa phương.

Sư cụ và chú tiểu chùa Giẽ, Phú Xuyên, Hà Tây cách trận địa cao xạ chừng hơn một cây số, đã ngày đêm gánh các thức ăn và nước uống giúp anh em bộ đội ăn no để đánh thắng giặc Mỹ, bảo vệ cầu. Các vị này đã được thưởng huy hiệu của Bác Hồ. Nhiều vị khác như sư cụ Thanh Tiếp ở chùa Bích Động, Ninh Bình; sư cụ Đàm Gián chùa Đò Quan, Nam Định; sư cụ Thanh Đại chùa Thị Sơn, Hà Nam đã tham gia chuyển đạn, cứu thương và phục vụ ăn uống cho các đơn vị pháo cao xạ bảo vệ địa phương.

Tại Hà Nội, có vị tham gia dân quân du kích như sư bác Đàm Dần (chùa Nam Dư Hạ, Thanh Trì), sư thầy Đàm Nhâm (chùa Ngọc Trục, Từ Liêm) trực tiếp cầm súng bắn máy bay Mỹ. Nhiều vị tham gia phục vụ chiến đấu như sư thầy Đàm Luận (chùa Hương Thể), sư thầy Đàm Đạt (chùa Hộ Quốc), sư thày Đàm Vân ở khu Đống Đa, sư cụ Đàm Chung chùa Thổ Khối, sư thầy Đàm Biên ở chùa Trạm

Thôn, sư cụ Đàm Niệm chùa Đông Dư, Gia Lâm,...nhiều vị đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 2, 3, Bằng khen, Giấy khen.

2- Tham gia phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm

Trong 10 năm qua, nhất là trong thời gian chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nhiều chùa và các vị sư đã tích cực đóng góp công lao động để xây dựng hợp tác xã. Sư thầy Đàm Khuê chùa Quang Thượng, Thanh Trì, Hà Nội hằng năm đạt trên 300 công lao động trong hợp tác xã. Các chùa ngoại thành Hà Nội chỉ riêng năm 1970 đã bán cho Nhà nước 46.579 kg gia súc, một chùa ở Yên Duyên, xã Yên Sở, Thanh Trì, Hà Nội bán được 800 kg lợn; chùa Khuyến Lương bán trên 300 kg gia cầm.

Ni sư Thích Đàm Lý trụ trì chùa Thiện Trạo, xã Ninh Sơn, huyện Gia Khánh (nay thuộc phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình) cho biết: Năm 1967, ngoài việc sản xuất tự túc, các tăng ni tỉnh Ninh Bình đã bán cho nhà nước 2650 kg lạc, gần 5 tạ gia cầm, gần 9 tấn gia súc, hơn 14 tấn thóc. Nhiều thửa ruộng của nhà chùa đã đạt năng suất cao. Riêng chùa Đồng Đắc ở huyện Kim Sơn đạt tới 7 tấn thóc/1ha (25).

Đi đôi với sản xuất tốt, tất cả các chùa ở tỉnh Nam Hà đều lập *Hũ gạo chống Mỹ cứu nước* và gửi tiền tiết kiệm. Năm 1970, Phật giáo tỉnh Nam Hà dẫn đầu phong trào với số tiền gửi là 915.837 đồng, trong đó chùa Cổ Lễ gửi 5000 đồng.

Nhiều chùa đã gửi tiết kiệm theo số máy bay Mỹ bị bắn rơi trong thành phố, có chùa gửi theo số máy bay bị bắn rơi trong tỉnh (trên 80 đồng), trong quân khu (300 đồng). Đặc biệt chùa Vọng Cung còn gửi tiền tiết kiệm đạt số máy bay giặc Mỹ bị bắn rơi trên toàn miền Bắc (trên 2000 đồng).

Thượng tọa Phạm Thế Long, chùa Cổ Lễ, từ 2400 đồng gửi thêm 2160 đồng nữa đưa tổng số tiền gửi của cá nhân Thượng tọa là 4160 đồng (là người dẫn đầu các Phật tử có số tiền gửi cao nhất tỉnh Nam Hà trong đợt mới). Tín đồ chùa Cổ Lễ có 346 người đã nâng bình quân tiền gửi từ 108 đồng/người lên 121 đồng/người. Chùa Đầm có số dư gửi tiết kiệm cao thứ hai trong các chùa toàn huyện. Sư thầy Đàm Nhung đã làm ngạc nhiên giới Phật tử trong huyện, từ 400 đồng gửi lên 1800 đồng.

Tháng 3 năm 1970, gần 70 đại biểu tăng ni tín đồ Phật giáo huyện Hiệp Hòa, tỉnh Hà Bắc đã họp Hội nghị mừng công 5 năm chống Mỹ cứu nước. Một chùa đã bán cho Nhà nước 341 kg thóc; một chùa bán 200 kg mật; 6 chùa bán 826 kg lợn, 10 chùa đã gửi tiết kiệm được 850 đồng và ủng hộ bộ đội, đồng bào kết nghĩa 70 đồng và 120 cây tre. Chùa nào cũng trồng thêm được trên dưới 100

cây ăn quả và cây lấy gỗ.

Ngày 19-6-1970, Đại hội đại biểu Phật giáo lần thứ nhất của tỉnh Hà Tây khai mạc. Thượng tọa Thích Thanh Viên, Thư ký Chi hội PGTNVN tỉnh đã báo cáo thành tích trong 5 năm qua của 618 vị sư trong tỉnh. Ngoài việc thờ phụng, chăm sóc chùa chiền và tham gia KCCMCN, các vị sư còn tăng gia sản xuất và bán cho nhà nước 214.557 kg gia súc và gia cầm; vận động gửi tiền tiết kiệm tăng từ 40,72 đồng bình quân đầu người lên 428,97đồng; trồng được 77.933 cây vải thiều, nhãn, mít... và hàng vạn cây các loại.

Nhiều vị như sư cụ Thanh Tiếp (chùa Bích Động tỉnh Ninh Bình), sư thầy Đàm Dần (chùa Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương), đã được bầu là chiến sĩ thi đua trong nông nghiệp.

3- Phật giáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh

1) Hồ Chủ tịch với Phật giáo

Trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, nhất là sau ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời và trong cuộc KCCP, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, tôn trọng quyền tự do bình đẳng tín ngưỡng của các tôn giáo trong đó có Phật giáo. Mặc dù bận trăm công nghìn việc, Người vẫn dành thời gian về thăm các chùa và tiếp các vị trong hàng giáo phẩm đến thăm Người, trọn tình trọn nghĩa với những người từng che giấu mình trong thời kỳ hoạt động bí mật.

Ngày 19-5-1960, trong lúc Thượng tọa Thích Thanh Chân cùng đoàn đại biểu Phật giáo Hà Tây trên đường ra Hà Nội chúc thọ Hồ Chủ tịch thì Người lại khởi hành từ 5 giờ sáng về thăm chùa Hương Tích, Hà Tây. Tại đây Người đã căn dặn chính quyền địa phương phải sửa lại thuyền bè, bắc thêm cầu phao và làm thêm một con đường mới để tăng ni Phật tử đi lại chiêm bái được dễ dàng và an toàn.

Năm 1961, sau khi làm việc ở Tam Đảo, Hồ Chủ tịch về thăm chùa Hà Tiên, xã Đại Trung, thị xã Vĩnh Yên. Ít lâu sau, sau khi làm việc với tỉnh ủy Vĩnh Phúc trong chuyến thăm huyện Vĩnh Tường, Người về nghỉ và ăn cơm nắm dưới tán cây muỗm cổ thụ trong vườn chùa Hà Tiên và dặn dò cán bộ và nhân dân địa phương.

Ngày 15-2-1965, Hồ Chủ tịch về thăm Côn Sơn. Tại đây người đã đọc văn bia trùng tu di tích chùa, ngắm nghía các ngọn tháp. Trên đường lên Thạch Bàn, Bác dừng chân chờ sư cụ Quá Hải, Bác hỏi:

- Nhà sư tên gì? Có tên họ Phật, họ Thích gì không?

- Bẩm tên tự là Quá Hải không có Thích ạ!

- Nhà sư bao nhiêu tuổi?

- Bẩm 59 tuổi.

- Cứ gọi là 60 tròn đi. Nhờ ơn trời, Phật Tổ, nhà sư thọ 20-30 năm nữa, nếu mỗi năm nhà sư trồng 50 cây, thì sau này nhà chùa có một rừng cây rất đẹp, đời sau nhân dân sẽ nói đó là rừng cây của nhà sư Quá Hải đời trước. Liệu có làm được không?

- Dạ! Bẩm Bác làm được ạ!

- Cố làm! Mỗi năm làm một ít, mình làm lại động viên mọi người cùng làm. Bây giờ trồng thì khó khăn về cây giống, phải nhờ đồng bào địa phương giúp đỡ.

Hồi hoạt động bên Thái Lan (thập niên 1930-1940), Người được cụ Bình Lương, trụ trì chùa Lô kanukho ở Bangkok nuôi giấu. Sau sự kiện Việt kiều ở Thái Lan, Hòa thượng xin về nước. Lúc Hòa thượng lâm bệnh nằm viện Việt-Xô, Hồ Chủ tịch đã đến thăm. Khi Ngài viên tịch (20-4-1966) Bác đã cử ông Hoàng Văn Hoan mang vòng hoa tới viếng, băng vòng hoa nội dung viết: “Kính viếng Hòa thượng Bình Lương tức Phạm Ngọc Đạt nhà tu hành yêu nước”, hàng chữ nhỏ ở dưới đề “Đồng chí Hồ Chí Minh”.

Ngày tết Đinh Mùi (1967), Hồ Chủ tịch đi thăm quân và dân tỉnh Hà Bắc đã ghé thăm chùa Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Đây là chuyến thăm cuối cùng của Bác đối với Đảng bộ và nhân dân Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang). Chính ở những bậc thềm cổng chùa này, Bác đã ngồi nghỉ và ở sân chùa này Bác đã chúc tết nhân dân Hà Bắc.

Năm 1969, Hồ Chủ tịch về thăm chùa Keo, tỉnh Thái Bình. Khi về Hà Nội, Người đã yêu cầu chính phủ chuyển cho tỉnh 160.000 đồng để trùng tu chùa.

2) Phật giáo với Hồ Chủ tịch

Tình cảm của Phật giáo Việt Nam đối với Hồ Chủ tịch thật là sâu đậm, nhất là khi được tin Người qua đời vào ngày 2 tháng 9 năm 1969 tại Hà Nội.

Từ ngày 6-9 đến ngày 9-9, lễ viếng và truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh tại hội trường và quảng trưởng Ba Đình, Hà Nội. Pháp sư Thích Trí Độ là thành viên Ủy ban Lễ tang Hồ Chủ tịch cấp Nhà nước gồm 26 người do ông Lê Duẩn Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam làm Trưởng

ban.

Thượng tọa Phạm Thế Long, trụ trì chùa Cổ Lễ, tỉnh Nam Định được vinh dự đứng túc trực bên linh cữu Hồ Chủ tịch.

Ngày 14-9, Hòa thượng Thích Đôn Hậu trong đoàn đại biểu Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam do Luật sư Trịnh Đình Thảo, Chủ tịch Ủy ban dẫn đầu dự lễ tang Hồ Chủ tịch tại Hà Nội.

Biến đau thương thành hành động, toàn thể tăng ni và tín đồ các chùa nội ngoại thành Nam Định đã kết thúc đợt học Hạ năm 1969 bằng những hành động cụ thể để tỏ lòng thương nhớ sâu sắc đối với Hồ Chủ tịch: trồng 79 cây tượng trưng cho tuổi thọ của Người xung quanh chùa Tháp; mở đầu đợt tiết kiệm dài hạn 5 năm được hơn 200 đồng; thỉnh chuông và đọc kinh siêu độ cho Hồ Chủ tịch hết đủ 100 ngày.

4- Tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân

1) Đại hội đại biểu Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam

Ngày 12 đến ngày 15-4-1972, Hội PGTNVN họp Đại hội lần thứ 4 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã gửi thư chúc mừng Đại hội. Sau lời khai mạc của Hòa thượng Hội trưởng, Đại hội đã nghe Hòa thượng Thích Tâm An đọc báo cáo của BTS Trung ương Hội "Hoằng dương Phật pháp, Lợi lạc quần sinh, tích cực góp phần cùng toàn dân đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chế độ mới ở miền Bắc".

Đại hội đã nghe phát biểu của Ủy viên Chủ tịch đoàn Ủy ban MTTQ Việt Nam Hoàng Quốc Việt, và ông Trần Hữu Duyệt, Trưởng ban Tôn giáo Phủ Thủ tướng, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Phó Chủ tịch UBLMCLLDTDC và HBVN, Uỷ viên HĐCV Chính phủ cách mạng Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Trưởng đoàn đại biểu Phật giáo miền Nam. Đại hội đã nghe tham luận của đại biểu Phật giáo các tỉnh: Hà Nội, Quảng Bình, Nam Hà... Thông qua Nghị quyết Đại hội và Thư gửi Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Thư gửi Phật tử miền Nam.

Đại hội suy bầu:

- Ban Chứng minh Đạo sư gồm 15 vị; Ban Trị sự Trung ương, gồm 30 vị; Ban Thường trực Trung ương Hội gồm 9 vị, có 1 ni sư là sư Đàm Xuân ở Thanh Hóa.

- Các Tiểu ban: Tiểu ban Hoằng pháp gồm 7 người, có 1 cư sĩ; Tiểu ban Nghi lễ, gồm 6 người, có 2 cư sĩ; Tiểu ban Từ thiện xã hội, gồm 5 người có 2 ni sư, 1 cư sĩ, Pháp sư Thích Trí Độ tiếp tục làm Hội trưởng, các Hòa thượng: Thích Đức

Nhuận, Thích Tâm An, Trần Quảng Dung làm Phó Hội trưởng, Hòa thượng Phạm Thế Long là Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký, hai Thượng tọa Viên Tu và Giám Sinh là Phó Tổng Thư ký.

2) Tham gia xây dựng chính quyền các cấp

Thực hiện lời chư Tổ dạy "Phật pháp bất ly thế gian pháp" nhiều vị Tăng ni đã hăng hái tham gia xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và các đoàn thể các cấp:

Trong Quốc hội các khóa đều có đại biểu Phật giáo, khóa IV, Phật giáo có tới 3 vị Hòa thượng tham gia. Trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa 5 năm 1971, Pháp sư Thích Trí Độ, các Hòa thượng Trần Quảng Dung, Thích Tâm An đều đắc cử đại biểu với số phiếu trên 90%.

Nhiều vị trúng cử là đại biểu hội đồng nhân dân các cấp tỉnh, thành phố, quận huyện, xã.

Để tăng cường khối đoàn kết toàn dân, giới tăng ni còn tham gia MTTQ từ Trung ương đến các tỉnh, cùng các tôn giáo bạn, thi đua yêu nước, thực hiện giáo lý nhà Phật trong đời sống hằng ngày, đồng thời chống mê tín dị đoan.

3) Chính quyền với Phật giáo

Ngày 16-5-1966, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Thông tư số 180 TT/TƯ về việc chấp hành chính sách tôn giáo đối với đạo Phật.

Ngày 24-10-1966, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 188- TTG/VG về việc bảo vệ và phát huy tác dụng di tích.

Sau ngày Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết (27-1-1973), công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc đã được khởi động. Để bảo đảm thi hành đúng chính sách tự do tín ngưỡng, chính sách đối với tôn giáo và để bảo vệ các chùa, ngày 26-4-1973, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 88 - TTg Về việc chấp hành chính sách đối với việc bảo vệ các chùa thờ Phật và đối với Tăng ni.

PHỦ THỦ TƯỚNG

Số: 88-TTg

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 1973

CHỈ THỊ

Về việc chấp hành chính sách đối với việc

bảo vệ các chùa thờ Phật và đối với tăng ni

Trên miền Bắc nước ta có nhiều chùa thờ Phật. Tại nhiều chùa vẫn có Tăng ni ở. Từ trước đến nay nói chung, các tăng ni đều chấp hành đúng chính sách và Pháp luật của Nhà nước và tổ chức của những người tu hành đạo Phật ở nước ta (đạo Phật) là một tổ chức tôn giáo có tinh thần yêu nước, tích cực tham gia sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và ủng hộ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều chùa lại là những di tích lịch sử, di tích nghệ thuật, quý báu cần được bảo vệ giữ gìn chu đáo.

Tại các địa phương, nhiều cấp chính quyền và đoàn thể nhân dân đã chấp hành nghiêm chỉnh chính sách tự do tín ngưỡng và chính sách tôn giáo, theo đúng tinh thần của thông tri số 180-TT/TW ngày 16-5- 1966 về việc chấp hành chính sách tôn giáo đối với đạo Phật của Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Nhiều địa phương cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh việc bảo vệ các chùa di tích lịch sử, di tích nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, theo đúng tinh thần chỉ thị số 188-TTG/ VG ngày 24-10-1966 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo vệ và phát huy tác dụng di tích.

Tuy nhiên, ở một số nơi cũng đã để xảy ra những việc làm không đúng chính sách nói trên.

Để bảo đảm thi hành đúng chính sách tự do tín ngưỡng, chính sách đối với tôn giáo và để bảo vệ các chùa, các cấp chính quyền đoàn thể và các ngành có liên quan cần chấp hành nghiêm chỉnh những điều ở dưới đây:

1) Ở những chùa đang thờ Phật, dù có tăng ni ở hay không nhưng nhân dân vẫn lễ bái, thì không được dùng nơi lễ bái vào việc khác.

2) Nhà, sân, ruộng đất, cây cối, vườn ao ở trong và ngoài khu nội tự mà Pháp luật đã thừa nhận là của nhà chùa thì đều thuộc quyền quản lý sử dụng của nhà chùa, không ai được xâm phạm.

Nếu nhà chùa không sử dụng hết nhà cửa, sân trong khu nội tự mà hợp tác xã nông nghiệp muốn mượn sử dụng thì phải được sự thỏa thuận của nhà chùa. Trong khi sử dụng nhà cửa và sân của chùa, nếu hợp tác xã làm hư hỏng, hợp tác xã phải tu sửa lại hoặc bồi thường thích đáng.

Vườn, đất, cây cối, hồ ao trong khu nội tự đều do tăng ni chăm sóc và thu sản phẩm. Nếu tăng ni không đủ sức chăm sóc và yêu cầu giúp đỡ thì hợp tác xã cần giúp đỡ như đối với xã viên.

Đối với ruộng đất của nhà chùa ở ngoài khu nội tự thì giải quyết như sau: Trường hợp tăng ni tự nguyện đưa ruộng đất vào hợp tác xã và tham gia lao động sản xuất thì hợp tác xã căn cứ vào khả năng lao động thực tế và điều kiện hoạt động tôn giáo của Tăng ni mà phân công hoặc cho thích hợp, cố gắng bảo đảm đời sống của Tăng ni. Hợp tác xã dù ở bậc thấp hay bậc cao cũng vẫn nên để cho Tăng ni được hưởng hoa lợi ruộng đất. Trường hợp Tăng ni tự trồng cấy lấy ruộng đất thì hợp tác xã cần giúp đỡ khi cần thiết để bảo đảm sản xuất kịp thời vụ và tăng năng suất. Việc chia sản phẩm cần được giải quyết thỏa đáng, theo sự bàn bạc thỏa thuận giữa hai bên và tinh thần chiếu cố đến đời sống của Tăng ni và giữ gìn tu bổ chùa.

Trong việc nhà chùa gửi ruộng đất vào hợp tác xã cũng như cho hợp tác xã mượn nhà cửa, sân phơi hai bên cần có văn bản hợp đồng cụ thể và có trách nhiệm thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Nếu trong việc xử lý đối với các nhà cửa, ruộng đất, hồ ao của nhà chùa có sai sót phải kiên quyết sửa lại.

Ruộng đất, hồ ao, cây cối của nhà chùa được hưởng chính sách chiếu cố về thuế nông nghiệp.

3) Đối với các hoa lợi thu về ruộng đất, vườn cây, hồ ao của nhà chùa cùng những khoản thu nhập khác (như tiền góp, tặng của tín đồ...) thì nhà chùa, ngoài phần thỏa đáng dành cho việc sinh hoạt của Tăng ni và việc hoạt động tôn giáo, phải sử dụng trước tiên vào việc bảo vệ, tu sửa chùa.

4) Đối với những Tăng ni già yếu, mất sức lao động đời sống gặp khó khăn, các địa phương cần quan tâm giúp đỡ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố, huyện, nên báo cáo và đề nghị với Ủy ban hành chính địa phương về biện pháp giúp đỡ cụ thể, thiết thực những Tăng ni kể trên. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Hội Phật giáo Thống nhất nên có kế hoạch bố trí những tăng ni già cả, sức yếu cùng ở với những tăng ni có sức lao động để có thể giúp đỡ lẫn nhau, trong công việc sản xuất và đời sống, và có thể xét trợ cấp cho những tăng ni mà đời sống có khó khăn.

5) Những chùa là những di tích lịch sử, di tích nghệ thuật hay danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu đối với cả nước hoặc từng địa phương, dù còn dùng vào việc thờ cúng hay không đều đặt dưới sự quản lý của ngành văn hóa và phải được nghiên cứu xếp hạng. Tại các xã, khu phố có di tích nói trên, cần thành lập các ban bảo vệ di tích là những tổ chức nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ và phát

huy tác dụng của di tích. Cần mời những tăng ni tham gia ban bảo vệ di tích, nhận nhiệm vụ trực tiếp trông nom di tích. Các ban bảo vệ di tích chỉ nên giúp đỡ tăng ni trong việc giữ gìn tu sửa di tích, không can thiệp vào các việc hoạt động tôn giáo. Ở những chùa tiêu biểu, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam nên cùng với chính quyền địa phương chọn cử những tăng ni có trình độ hiểu biết giúp đỡ việc đón tiếp khách tham quan và giới thiệu di tích, danh lam thắng cảnh. Những tăng ni làm việc này được hướng dẫn về nghiệp vụ và có thể được hưởng trợ cấp của ngành văn hóa, nếu xét thấy cần thiết.

Đối với những chùa còn tốt nhưng từ lâu nhân dân không đến lễ bái, không có Tăng ni ở và không phải là nơi danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử thì Ủy ban Hành chính xã sở tại có trách nhiệm quản lý. Khi cần thiết có thể cho mượn làm trường học, nơi hội họp, những cơ quan được sử dụng phải giữ gìn chu đáo, sạch sẽ, không được dùng vào những việc hoặc có những hành động xúc phạm đến tình cảm, tín ngưỡng của nhân dân, không được phá tượng và lấy đồ thờ Phật dùng vào việc khác.

6) Chiến tranh đã chấm dứt, những cơ quan, xí nghiệp, đơn vị bộ đội, trường học và hợp tác xã nào được phép tạm mượn sử dụng những nhà cửa, đất đai của các nhà chùa thuộc diện xếp hạng hoặc đang còn nhân dân lễ bái phải mau chóng thu xếp trả lại các tài sản trên; nếu trong khi sử dụng đã làm hư hỏng chỗ nào, thì phải sửa chữa lại hoặc bồi thường.

7) Đối với những chùa đã bị hư hỏng các Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố, huyện, xã cần phối hợp với Mặt trận Tổ quốc kiểm tra lại và có chủ trương tu sửa.

Đối với những chùa là di tích đã xếp hạng hoặc trong diện xếp hạng do Trung ương, tỉnh hay thành phố quản lý, Nhà nước sẽ cấp kinh phí và vật tư để tu sửa khi cần thiết. Đồng thời có thể huy động thêm sự đóng góp tự nguyện của tín đồ.

Đối với những chùa không phải là di tích được xếp hạng mà nhân dân vẫn đến lễ bái, nếu tăng ni và tín đồ muốn sửa chữa thì việc sửa chữa do tăng ni và tín đồ đảm nhiệm; chính quyền và Mặt trận Tổ quốc xã giúp đỡ.

Đối với những chùa đã lâu nhân dân không đến lễ bái, không có người trông coi, không phải là nơi danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử mà bị hư hỏng nặng, nếu được sự đồng ý của nhân dân địa phương, Ủy ban hành chính huyện, Chi hội Phật giáo tỉnh và Ủy ban Mặt trận tỉnh thì có thể dỡ đi và di chuyển tượng và đồ thờ đi chùa khác.

8) Những điều ghi trong chỉ thị này về việc bảo vệ các chùa thờ Phật được xếp hạng di tích cũng được áp dụng đối với các đình đền, đều nằm trong diện xếp hạng di tích của ngành văn hóa.

Bộ Văn hóa, Ủy ban Hành chính các cấp, các đoàn thể có liên quan cần chấp hành nghiêm chỉnh và có kế hoạch hướng dẫn nhân dân thi hành chỉ thị này.

T/M THỦ TƯỚNG CHÍNH

PHỦ PHÓ THỦ TƯỚNG

Đã ký: LÊ THANH NGHỊ

Đây là một văn bản có nhiều điều quy định rất cụ thể và được ban hành kịp thời, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo.

5- Các Phật sự khác

1) Văn hóa Phật giáo

Năm 1965, Sa môn Trí Hải viết xong Hồi ký thành lập Hội Việt Nam Phật giáo, cuốn hồi ký lịch sử Phật giáo đầu tiên ở nước ta do một người trong cuộc viết. Sách đã được in trên tạp chí truyền thông ở nước ngoài, còn trong nước mãi đến năm 2004, cuốn sách mới được nhà xuất bản Tôn giáo ấn hành, ra mắt độc giả xa gần.

Từ năm 1970 đến năm 1975, Hòa thượng Thích Trí Hải còn biên dịch các cuốn *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (xuất bản năm 1979 nhưng đứng tên một học giả Ủy ban Khoa học xã hội); trước tác: *Nhân gian Phật giáo đại cương* (xuất bản năm 2005).

Năm 1972, học giả Trần Huy Bá thống kê chùa Liên Phái, Bạch Mai, Hà Nội cò 74 bộ ván khắc in kinh Phật: *Từ bi thủy sám khai pháp, Từ bi tam muội thủy sám kinh văn (1739), Tứ phần đại luật tạng (1746), Phật thuyết Phật danh kinh (1730) Đại bi xuất tướng (1881), Bát Nhã kinh (1891), A Di Đà kinh (1905).* Số ván này có bộ phận được khắc in ngay tại chùa Liên Phái qua các thời kỳ, lại có một số được mang về từ chùa Đại Giác ở làng Bồ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, chùa Liên Trì ở Hà Nội.

Năm 1974, Sở Văn hóa Hà Nội đã chuyển toàn bộ số khắc ván ở đền Ngọc Sơn về chùa Liên Phái.

2) Công tác giáo dục Phật giáo

Ở Trung ương cũng như ở các địa phương, đã tổ chức những khóa Hạ hằng năm, tăng ni về dự thực hiện lục hòa lục độ, giúp đỡ nhau giữ giới luật nghiêm túc và trau dồi trí tuệ để mỗi ngày tu hành thêm tinh tiến. Mặc dù máy bay Mỹ đánh phá, các trường Hạ vẫn được duy trì, có nơi phải sơ tán để đảm bảo an toàn.

Trong 10 năm từ 1965 đến 1974, Phật giáo đã mở 9 giới đàn để trao truyền giới pháp, nhiều nhất là tỉnh hội Nam Định mở giới đàn ở các chùa: Thạch Cầu, Cổ Lễ, Thánh Ân (chùa Cả), La Ngạn, Trà Khê; Hà Tây mở hai giới đàn; Ninh Bình và Hải Phòng mỗi tỉnh mở một giới đàn, Đàn đầu Hòa thượng là các Hòa thượng Phạm Thế Long, Thích Thanh Chân v.v... Số lượng giới tử thụ giới tuy còn ít, những đó là những vốn quý cho việc phát triển Phật giáo miền Bắc những năm sau này, như quý Thượng tọa Thích Thanh Nhiễu, Thích Quảng Tùng, Thích Bảo Nghiêm, Thích Thanh Duệ, Thích Viên Thành, Thích Thanh Nhã, Thích Gia Quang, Ni sư Đàm Nguyện v.v...

Lần đầu tiên, ở miền Bắc kể từ năm 1954, Hội PGTNVN tổ chức hai lớp tu học Phật pháp tại chùa Quảng Bá, Hà Nội vào năm 1969 và năm 1970. Số lượng tăng ni theo học không nhiều (gần 120 tăng ni sinh), tuổi tác, trình độ, chức sắc của mỗi vị khác nhau. Có vị ngoài 60 tuổi thuộc hàng giáo phẩm, đã từng nhiều năm nghiên cứu đạo Phật (như các Thượng tọa: Giám Sinh, Thích Minh Luân, Thích Tâm Minh ở Hải Hưng; Thích Quảng Khâm, Thích Thanh Hào, Thích Thanh Thiệu tỉnh Ninh Bình; Thích Ninh Quang, Kim Cương Tử...) nhưng cũng có vị 18-19 tuổi mới bước vào nghiên cứu đạo Phật. Có các Ni sinh như: Thích Đàm Ánh, Đàm Mai (Hà Nội); Đàm Hiên, Đàm Tùy (Ninh Bình), Đàm Tuấn ở Bắc Ninh... giảng sư là các Hòa thượng: Thích Trí Độ, Trần Quảng Dung v.v... Hiệu trưởng là Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hiệu phó là Hòa thượng Thích Tâm An.

Nội dung học tập năm 1969: *Lịch sử Phật giáo sơ lược, Phật pháp khái luận v.v* ..., đồng thời học thêm văn hóa, nghiên cứu chính trị nhằm nâng cao nhận thức về chính trị xã hội, văn hóa, lên từng bước phục vụ cho việc phụng đạo cũng như yêu nước có hiệu quả tốt. Năm 1970, chương trình có các môn: văn hóa, một số chính sách về tự do tín ngưỡng của Đảng và Chính phủ, giáo lý, giáo luật và lịch sử đạo Phật Việt Nam. Mỗi buổi lên lớp cuối giờ đều có trao đổi. Tất cả sách, một số kinh học viên học tập, nghiên cứu đều được dịch ra tiếng Việt.

Phát huy kết quả hai khóa trên, Hội mở tiếp lớp thứ 3 học từ 1972-1974, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

6- Quan hệ quốc tế

Quan hệ quốc tế của Phật giáo Việt Nam trong những năm 1967 - 1975 đã khởi sắc so với trước bởi có nhiều đoàn Phật giáo các nước trên thế giới sang thăm Việt Nam và Phật giáo Việt Nam cũng đã cử nhiều đoàn đi dự các hội nghị Phật giáo quốc tế.

Tháng 8 năm 1967, đoàn Đại biểu Phật giáo Nhật Bản gồm Thượng tọa Matchưia làm Trưởng đoàn và Thượng tọa Xudưki đến thăm Việt Nam. Pháp sư Thích Trí Độ, Hội trưởng Hội PGTNVN đã tiếp đoàn tại chùa Quán Sứ. Đoàn đã đến thăm chùa Tứ Kỳ, chùa Trực Liệt bị máy bay Mỹ đánh phá hỏng.

Ngày 28-5-1970, Xămđéc Nôrođôm Xihanuc - Quốc trưởng Campuchia, Chủ tịch Mặt trận Thống nhất dân tộc Campuchia và phu nhân từ Trung Quốc sang thăm hữu nghị nước ta đã đến thăm chùa Quán Sứ, Hà Nội và dự lễ cầu siêu cho mẹ ngài.

Năm 1969, cuộc gặp gỡ giữa Phật giáo các nước Ấn Độ, Liên Xô, Mông Cổ, Sri Lanca, tiếp tục (công việc từ năm 1961) bàn việc thành lập một tổ chức Phật giáo châu Á, và Mông Cổ được đề nghị đứng ra triệu tập Đại hội thành lập tổ chức này với sự hợp tác của Phật giáo Liên Xô.

Năm 1970, Đại hội lần thứ nhất Tổ chức Phật giáo châu Á được triệu tập tại Ulan Bator, thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Tại Đại hội này *Tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình* (viết tắt ABCP) được chính thức thành lập. Đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam do Pháp sư Thích Trí Độ - Hội trưởng Hội PGTNVN dẫn đầu gồm các Hòa thượng: Thích Tâm An - Phó Hội trưởng Hội PGTNVN, Thích Đôn Hậu - Phó Chủ tịch Uỷ ban Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam, Ủy viên hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Thích Thiện Hào - Ủy viên Đoàn chủ tịch MTDTGPMNVN đi dự.

Năm 1972, Đại hội ABCP lần thứ 2 họp tại Colombo, Sri Lanca. Đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam đi dự do Pháp sư Thích Trí Độ - Hội trưởng Hội PGTNVN dẫn đầu gồm các Hòa thượng: Thích Tâm An, Thích Đôn Hậu, Thích Thiện Hào.

Năm 1974, ABCP tổ chức Đại hội lần thứ 3 tại Newdeli, Ấn Độ.

Đoàn đại biểu Việt Nam do Pháp sư Thích Trí Độ dẫn đầu cùng các Hòa thượng Thích Tâm An, Thích Đôn Hậu, Thích Thiện Hào đi dự.

Qua các cuộc hội nghị, tiếp xúc giữa PGVN và Phật giáo quốc tế đã giúp cho bạn bè năm châu hiểu rõ hơn về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, từ đó tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của các hội Phật giáo trên thế giới, đặc biệt là Phật giáo các nước châu Á trong cuộc đấu tranh vì hòa bình,

độc lập, dân tộc và tiến bộ xã hội.

1.3. Danh tăng và cư sĩ tiêu biểu từ 1954 - 1974

Hòa thượng Thích Trí Độ (1894-1979)

Ngài pháp danh Trí Độ, hiệu Hồng Chân, thế danh Lê Kim Ba, quê thôn Phổ Trạch, xã Kỳ Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Lúc thiếu thời ngài học chữ Hán và năm 18 tuổi học trường Sư phạm với sở học uyên thâm lại thêm lòng mến mộ đạo Phật, ngài đi sâu vào nghiên cứu giáo lý và trở thành một nhà Phật học uyên bác.

Năm 1929, ngài bắt đầu giảng dạy Phật pháp tại Bình Định. Năm 1931, vào Sài Gòn cộng tác với tạp chí *Từ bi âm*. Năm 1935, ngài được mời làm Đốc giáo và giảng dạy tại trường An Nam Phật học ở chùa Báo Quốc, Huế.

Năm 1940, ngài trở vào Bình Định, xin xuất gia làm đệ tử của Hòa thượng Trí Hải trụ trì chùa Bích Liên ở làng Hào Xá, quận An Nhơn. Sau đó theo học Hòa thượng Phước Huệ ở chùa Thập Tháp, được sư phụ đặt pháp hiệu là Hồng Chân. Năm 1941, ngài thụ Tam đàn Cụ túc với Hòa thượng Đắc Quang chùa Quốc Ân, Huế. Năm 1946, ngài được Hội Việt Nam Phật giáo mời ra dạy tại trường tăng tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Năm 1950, ngài được bầu làm Ủy viên Ủy ban Liên Việt tại Thanh Hóa và năm 1953 được chỉ định làm Ủy viên UBBVHBTG của Việt Nam.

Cuối năm 1954, ngài trở về chùa Quán Sứ, tích cực vận động tăng ni, Phật tử các tỉnh miền Bắc để thành lập một tổ chức Phật giáo thống nhất. Tháng 3 năm 1958, cơ duyên hội đủ, Hội PGTNVN được thành lập. Hòa thượng được bầu làm Hội trưởng. Và, giữ cương vị này suốt 24 năm liền cho tới cuối đời. Trong thời gian này ngài có nhiều hoạt động trong việc đào tạo tăng tài như mở lớp học ngắn hạn đào tạo cấp tốc một số giảng sư nòng cốt cho các tỉnh thành: tổ chức khóa "Xuân an cư" vào những năm 1963-1964 để nâng cao trình độ giảng dạy giáo lý; mở lớp "Trung, Tiểu học Phật pháp Trung ương" (1972-1974). Ngài là Uỷ viên Uy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa các khóa II, III, IV và V. Năm 1976, ngài là thành viên trong đoàn của Nhà nước vào TP. Hồ Chí Minh dự Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước.

Sau khóa lễ chiều ngày 24-10-1979, Hòa thượng an nhiên thị tịch ngay tại tòa đọc ở chùa Quán Sứ, Hà Nội, hưởng thọ 85 tuổi với 47 năm hoằng dương chính pháp. Sau khi ngài mất, Hòa thượng Thích Đức Nhuận đặt cho Giác Linh ngài hiệu Kim Quang. Bảo tháp xây tại tổ đình Quảng Bá. Tháp hiệu là "Đại Nhạn Bảo tháp".

Ngài được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 2 và Huân chương Kháng chiến hạng 3.

Hòa thượng Thích Trí Độ là bậc danh tăng có đóng góp nhiều cho sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam. Công hạnh Đạo - Đời của ngài đã để lại dấu son trong một giai đoạn lịch sử Phật giáo nước nhà.

Hòa thượng Thích Tâm An (1892-1982)

Hòa thượng họ Phạm, pháp danh Tâm An, pháp hiệu Từ Tuệ, quê tỉnh Nam Định.

Năm 19 tuổi, ngài đầu Phật xuất gia tại chùa Phổ Quang Hà Đông. Năm 22 tuổi, sau khi lo lễ tang chu tất cho mẹ, ngài đến chùa Văn Mai tỉnh Hà Nam xin sống cuộc đời phạm hạnh, được Hòa thượng Thích Khai Quyền chấp nhận, sớm tối hầu thầy học đạo, chuyên tu tập noi gương tiên hiền cổ đức.

Năm 1914, ngài được cầu Sa di thập giới tại chùa Văn Mai. Tiếp đó năm 24 tuổi, ngài được thụ Cụ túc giới tại giới đàn Tế Xuyên - Bảo Khám do sư tổ Phổ Tụ làm giới sư Hòa thượng truyền giới. Rồi được sư tổ cho tham học các bậc cao tăng ở các khóa Hạ an cư như trường: Tế Xuyên (Hà Nam), trường Quế Phương (Nam Định).

Năm 1920, nhờ trình độ viết Tống tự giỏi ngài phụng mệnh sư tổ Tế Xuyên tới chùa Vĩnh Nghiêm (Đức La, Yên Dũng, Bắc Giang), chép bộ "Hoa Nghiêm sớ kinh" để sư tổ cho khắc ván ấn hành. Cũng tại chốn tổ này, ngài được tổ Vĩnh Nghiêm truyền thụ "Bồ Tát giới" để viên mãn hạnh nguyện.

Từ năm 1922 đến đầu năm 1924, sau khi cùng huynh đệ chép xong bộ "Hoa Nghiêm sớ kinh", ngài tiếp tục sao chép phẩm Phổ Hiền, kinh "Đại Bảo Tích", luật "Trùng Trị" và bộ "Tỷ khiêu Ni Sao". Năm 1924, ngài nhận trụ trì chùa Quốc Sư ở thị xã Hưng Yên. Năm 1925, nhận lời mời của sư tổ Thông Toàn ở chùa Bà Đá (Hà Nội) ngài trở về Tổ đình sao chép kinh "Đại Bảo Tích" và "Thức Xoa Giới Bản" để khắc ván lưu thông, công việc kéo dài 3 năm; tiếp đó ngài sao chép bộ "Tỳ khiêu Ni Sao" tới năm 1939 mới hoàn tất.

Năm Bính Tý (1936), ngài đã quy tụ tăng ni các tỉnh về mở trường dạy học tại chùa Quốc Sư. Ngài chú trọng tới môn luật học, lo cho Phật pháp mai sau thiếu luật, kỷ cương lỏng lẻo. Ngài được mời tham dự các trường Hạ Gia Hòa (Nam Định), Tế Xuyên, Cao Đà tỉnh Hà Nam. Đến đâu ngài cũng được mời làm Duy na cương lĩnh trong chúng. Trong các giới đàn tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, Quán Sứ - Hà Nội, ngài đã ứng thỉnh ngôi Giới sư, Tuyên luật sư.

Năm 1958, Hội PGTNVN ra đời, ngài được mời tham gia Ban Trị sự Trung ương. Qua đến các nhiệm kỳ sau, ngài được cử giữ chức Phó Hội trưởng kiêm trụ trì chùa Quán Sứ, Hà Nội. Ngài đã cùng các Hòa thượng Thích Trí Độ, Thích Đức Nhuận và bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám chèo lái con thuyền Phật giáo vượt qua bao khó khăn trở ngại mở các lớp học Phật, kể cả những năm chiến tranh phá hoại.

Năm 1963, ngài được cử tham gia đoàn giáo phẩm cấp cao sang Trung Quốc dự hội nghị do Phật giáo châu Á tổ chức để ủng hộ miền Nam Việt Nam chống Mỹ-Diệm. Với đạo đức, học vấn uyên thâm, ngài được bầu làm đại biểu quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa các khoá II, III, IV, V.

Năm 1969, Hội mở trường Tu học Phật pháp Trung ương tại chùa Quảng Bá, Hà Nội, ngài được cử làm Hiệu phó phụ trách giảng môn Luật tạng. Năm 1972, ngài đề xướng và mời thợ về chùa Quán Sứ để in một số bộ *"Nhị khóa hợp giải", Thức xoa giới bản* để tăng ni có sách đọc. Bộ *Nhị khóa hợp giải* do Hòa thượng Thích Trí Độ giảng dạy. Ngài dạy chư tăng luật Tứ Phần, Yết ma chỉ nam, Huyền Tỵ. Trong các khóa Hạ tại chùa Quán Sứ, ngài liên tục được thỉnh vào ngôi vị Đường chủ để tăng chúng an cư. Các năm 1970, 1972, 1974, ngài cùng các Hòa thượng Thích Trí Độ, Thích Đôn Hậu, Thích Thiện Hào dự hội nghị ABCP tại tại Mông Cổ và Liên Xô.

Năm 1977, Trung ương Hội chiêu sinh khai giảng trường "Phật học Trung ương" thời gian 4 năm. Tuy tuổi cao sức yếu nhưng tinh thần vẫn minh mẫn, ngài hoan hỷ nhận lời thỉnh cầu của Trung ương Hội đảm trách nhiệm vụ Hiệu trưởng, làm Bồ đề thụ cho hậu học nương nhờ.

Ngày 29-10-1982, Hòa thượng đã an nhiên thị tịch tại thiền sàng Quán Sứ. Thế thọ 91 tuổi, trải qua 66 mùa Hạ an cư.

Suốt hơn nửa thế kỷ tận tuỵ phục Phật sự, ngài có những đóng góp quan trọng trong việc lưu truyền Hán tạng Kinh, Luật, Luận tại các tổ đình, tự viện cũng như công đức to lớn trong việc đào tạo Tăng Ni cho Giáo hội.

2. Phật giáo miền Nam

2.1. Từ 1954 - 1963

1- Phật giáo miền Nam đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm

Ngay từ năm 1955 nhận lệnh Mỹ về miền Nam, Ngô Đình Diệm đã hất Bảo Đại thực hiện "quốc sách tố Cộng", lập ấp chiến lược mà đa phần là Phật tử trong vòng kìm kẹp. Nhưng những hành vi tàn ác đó không ngăn cản được những

người con Phật. Họ đã phản kháng quyết liệt.

1) Những cuộc đấu tranh của tín đồ Phật giáo địa phương

- Trong âm mưu đẩy lùi những hoạt động kinh tế của tín đồ Phật tử, chính quyền Diệm đã tìm cách vu khống họ là hoạt động chính trị, rồi bắt giam, tra tấn hoặc kê biên tài sản, kết án tù đày, có người bị giết hại. Điển hình là vụ ông Vĩnh Cơ, Hội trưởng Hội Phật giáo Nguyên thủy tại Đà Nẵng, một nhà buôn gạo đã bị tòa đại hình sơ thẩm ngày 28-8-1956 kết án mười năm khổ sai và tịch thu gia sản. Ngày 15-10, Ban Quản trị PGNT tại Đà Nẵng đã gửi thư tới Ngô Đình Diệm phản đối việc này và khẳng định "ông Vĩnh Cơ là một tín đồ Phật giáo rất chân thật, có công sáng lập Hội PGNT Việt Nam. Gia sản hiện hữu của ông cũng do sự làm ăn buôn bán cần cù lâu năm mà có".

- Ngô Đình Diệm còn lợi dụng Công giáo, gắn chiêu bài và xúi giục người Công giáo chống Cộng sản. Bắt người lương và Phật tử phải theo đạo Thiên chúa. Người dân Sài Gòn đã chống lại: không chịu vào đạo vì bị bắt ép, không nhận rửa tội để ra khỏi trại giam. Trên núi Thiên Bút, tỉnh Quảng Ngãi vốn có nền chùa cũ của Phật giáo, chính quyền Diệm tìm cách cưỡng chiếm để cho Thiên chúa giáo xây cất nhà thờ, Tín đồ Phật giáo địa phương đã phản kháng quyết liệt việc này. Cuộc đấu tranh giành giữ chùa ở núi Thiên Bút kéo dài cho đến đầu năm 1963, chính quyền buộc phải hoãn việc xây dựng nhà thờ.

- Ngày 27-7-1961, tại Cà Mau, binh lính Diệm đã bắn hàng loạt đạn cối vào chùa Cao Dân, xã Tân Lộc khi 200 đồng bào và sư sãi Khmer đang làm lễ nhập Hạ, làm hơn 20 người chết và bị thương. Lập tức, hàng trăm sư sãi và đồng bào Khmer đã kéo vào thị xã Cà Mau đòi chính quyền bồi thường sinh mạng và tài sản, đòi trừng trị bọn tội phạm. Vị sư trụ trì chùa đã mang hai đầu đạn súng cối lên tỉnh lỵ, cực lực phản đối tên thiếu tá tỉnh trưởng, rồi đi Cần Thơ tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm đối với các chùa, thánh thất các tôn giáo khác. Được sự ủng hộ của các tôn giáo khác, ông lại lên Sài Gòn, vẫn mang theo hai đầu đạn đến Bộ Quốc phòng đấu tranh và yêu cầu đại sứ Campuchia can thiệp.

- Sự phản kháng của đồng bào bên Lương đối với chính sách áp bức của chính quyền Diệm có lúc được thể hiện ngấm ngầm nhưng không kém phần quyết liệt để bảo vệ tôn giáo truyền thống của dân tộc. Điều này được thể hiện trong việc phát triển hệ thống chùa làng. Có thể nói, dưới thời Diệm chùa chiền được xây dựng nhiều nhất. Số tín đồ cũng gia tăng với tốc độ cao, chính Ngô Đình Diệm cũng thừa nhận có tới tám mươi phần trăm dân số miền Nam theo Phật giáo.

2) Những cuộc đấu tranh do Tổng hội Phật giáo Việt Nam lãnh đạo

Ngày 9-1-1956, chính quyền Diệm ra Dụ số 4 hủy bỏ ngày lễ Phật đản trong danh sách những ngày nghỉ lễ tôn giáo dành cho các học đường, công chức và binh sĩ, trong khi đó lễ Noel lại được nghỉ đến 15 ngày. Điều này lập tức gây nên sự công phẫn trong dư luận xã hội nói chung và Tăng ni, Phật tử miền Nam nói riêng. Ngày 13-1- 1956 Hòa thượng Hội chủ Tổng hội PGVN Thích Tịnh Khiết đã gửi kháng thư tới Ngô Đình Diệm. Sau đó Đại hội Hội PHNV họp tại chùa Phước Hòa từ 15 đến 17-1-1956 và Đại hội lần thứ 2 Tổng hội PGVN tại chùa Ấn Quang ngày 21-4-1956 đã gửi thỉnh nguyện thư và văn bản yêu cầu chính quyền Diệm công nhận ngày lễ Phật đản và buổi sáng ngày lễ Trung Nguyên rằm tháng 7 thay cho buổi chiều.

Cuối cùng chính quyền Diệm phải chấp nhận cho các công sở nghỉ trọn ngày lễ Phật đản năm 1957.

Trước chính sách khủng bố của chính quyền Diệm mà nổi bật nhất là việc bắt ép tín đồ Phật giáo cải đạo qua Thiên chúa giáo với nhiều biện pháp tàn nhẫn, cuối năm 1961 đầu năm 1962 hàng loạt đơn khiếu nại của các tín đồ Phật giáo từ khuôn hội, quận hội, tỉnh hội, tổng hội gửi các cấp chính quyền từ địa phương đến Trung ương đòi chính sách bình đẳng tôn giáo, tập trung nhất là ở các tỉnh Quảng Ngài, Bình Định, Phú Yên. Nhiều nơi đồng bào không chịu rửa tội để ra khỏi trại giam.

3) Hoạt động ủng hộ cách mạng

Nhiều chùa là cơ sở liên lạc, nơi cán bộ cách mạng qua lại như chùa Thiên Tôn ở đường Trần Hưng Đạo, quận 5, Sài Gòn là nơi các lãnh đạo thành ủy từng nhiều lần về hội họp chỉ đạo phong trào đấu tranh nội thành... Người con dâu của ông Võ Văn Tần (một trong những người lãnh đạo khởi nghĩa Nam Kỳ 1940) đã xuất gia nhưng vẫn dùng chùa mình làm nơi giao liên, tiếp tế thuốc men vũ khí. Đồng thời ở huyện Củ Chi, Bà Điểm, Hóc Môn và cả Phú Thọ Hòa, sát hang ổ địch, vẫn là căn cứ quần chúng, bí mật đào hầm, nuôi giấu cán bộ, đặc công, bộ đội.

Nhiều cơ sở cách mạng nội thành bị lộ. Trường Phật học Lục Hòa (chùa Giác Viên), tạp chí *Phật học*, nhà in bị đóng cửa. Hòa thượng Thành Đạo (chùa Phật Ấn), Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Huệ Chí, thầy Hoằng Minh (trước trụ trì chùa Tân Thanh, huyện Châu Thành, Mỹ Tho) bị bắt đày ra Côn Đảo mãi tới năm 1970 mới được trao trả tù binh về, ở chùa Giác Lâm... Thượng tọa Thích Thiện Hào thoát ra chiến khu tham gia MTDTGPMNVN thành lập ngày 20-12-1960.

Tháng 11 năm 1963, Hòa thượng Thiện Hào được Ủy ban Trung ương Mặt trận cử đi dự Hội nghị Phật giáo 11 nước và khu vực châu Á họp ở Bắc Kinh, Trung

Quốc (25). Sau Hội nghị ngài được về thăm miền Bắc thân yêu và lần đầu tiên trong đời ngài được đến Thủ đô Hà Nội, trái tim của Tổ quốc và vinh dự được gặp Hồ Chủ tịch.

4) Pháp nạn 1963

Cũng như mọi năm, các tăng ni Phật tử miền Nam thượng cờ Phật giáo để mừng ngày Phật đản. Ngày 7-5-1963 (14-4 Quý Mão), đầu tiên tại Huế, cảnh sát đã thừa hành công điện số 9195 của phủ Tổng thống, đi từng chùa, từng nhà của Phật tử bắt phải hạ cờ Phật giáo. Thấy lệnh bất công vô lý, phản tự do trong một chế độ mang danh là dân chủ, một phái đoàn Phật giáo gồm Hòa thượng Hội chủ Tổng hội PGVN Thích Tịnh Khiết, Hòa thượng Thích Huyền Tôn, Pháp chủ GHTG cùng nhiều cao tăng khác đã đến trụ sở tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đằng kiêm thị trưởng Huế để phản đối, trong khi đó bên ngoài có khoảng 5000 người tụ họp để chờ nghe ngóng. Trước sức ép của đoàn, tỉnh trưởng Thừa Thiên đành nhượng bộ. Vì vậy, 4 giờ sáng ngày 15-4, Quý Mão, một đám rước như thường lệ được cử hành từ chùa Diệu Đế đến chùa Từ Đàm một cách trọng thể. Buổi lễ đã được thu thanh để truyền thanh lại vào lúc 20 giờ 5 phút cùng ngày như chương trình của đài phát thanh Huế thông báo. Tối đến, vì không nghe được phóng sự phát thanh nên quần chúng Phật tử tụ họp về đài Phát thanh để tìm biết nguyên do. Mọi người đều tỏ thái độ bất bình trong khi đó người tụ họp mỗi lúc một đông, lên tới cả vạn người. Chính quyền điều lực lượng thiết giáp, bảo an cùng rất đông cảnh sát, quân cảnh bao vây đám đông mà họ gọi là biểu tình. Chúng dùng xe cứu hỏa xịt nước vào đám đông, không giải tán được họ, chính quyền dùng lựu đạn cay cuối cùng dùng súng máy, súng trường bắn xả vào rừng người. Mặc cho tiếng người la hét phản đối viên thiếu tá Phó tỉnh trưởng còn cho xe thiết giáp tuôn thẳng vào đám đông. Kết quả 8 người chết, 4 người bị thương. Máu Phật tử đã đổ! Các cấp lãnh đạo Phật giáo đủ các môn phái tổ chức một cuộc họp vào ngày 10-5 tại chùa Từ Đàm, để quyết định đường lối bảo tồn Phật giáo truyền thống của dân tộc, đường lối là ôn hòa, bất bạo động nhưng cương quyết, ra một bản Tuyên ngôn có 5 điểm:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam cộng hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt giáo kỳ Phật giáo;

2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong đạo dụ số 10;

3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo;

4. Yêu cầu cho tăng ni Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo;

5. Yêu cầu chính phủ phải bồi thường cho gia đình các nạn nhân và trừng trị thích đáng những ai đã gây ra đổ máu" (26).

Ngày 15-5-1963, tại chùa Từ Đàm, một bản Phụ đính của Tuyên ngôn được công bố, giải thích rõ 5 nguyện vọng nói trên.

Ngày 15-5 một phái đoàn Phật giáo Việt Nam gồm nhiều đại đức cao tăng của nhiều môn phái đã vào Sài Gòn, đến dinh Gia Long trao cho Ngô Đình Diệm bản Tuyên ngôn nói trên, nhưng kết quả chẳng tới đâu.

Ngày 16-5, phái đoàn mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi công bố rộng rãi cho thế giới biết bản Tuyên ngôn, đồng thời tố cáo trước dư luận những âm mưu kỳ thị tôn giáo, những sự giết chóc, tàn hại Phật giáo đồ mà chế độ Ngô Đình Diệm đã thi hành mười năm qua (1954-1963).

Ngày 21-5, theo lệnh của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, toàn miền Nam tổ chức một đại lễ cầu siêu cho các Phật tử bị thảm sát ở Huế vào tối trước lễ Phật đản (7-5). Những Phật tử đã hy sinh cho đạo pháp được tôn lên hàng "Thánh tử đạo".

Ngày 25-5, một UBLPBVPG được thành lập do Thượng tọa Thích Tâm Châu làm Chủ tịch dưới quyền Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, ngay sau đó, các giáo phái có mặt tại chùa Xá Lợi công bố một bản Tuyên ngôn ngắn gọn, bày tỏ quyết tâm đoàn kết đấu tranh bất bạo động cho sự thực hiện 5 nguyện vọng. Ngoài ra còn có các đoàn thể sinh viên, học sinh khắp miền Nam cũng lên tiếng yểm trợ đắc lực cho Phật giáo và đưa kiến nghị yêu cầu thủ tướng giải quyết thỏa đáng 5 nguyện vọng của Phật giáo.

14 giờ ngày 30-5, một cuộc tuyệt thực của các tăng ni trong toàn quốc kéo dài 48 giờ, nhưng chính quyền Diệm - Nhu không những làm ngơ mà còn cho phong tỏa, hăm dọa, khủng bố. Vì vậy, ngày 11 tháng 6 (20-4 Quý Mão), một cuộc diễu hành hơn 800 vị Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, tăng ni được tổ chức tại Sài Gòn để đòi hỏi cho công bằng xã hội và lý tưởng tín ngưỡng của con người. Đoàn diễu hành đến ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng thì Hòa thượng Thích Quảng Đức trong tư thế kiết già đã lấy xăng đổ vào áo cà sa và châm lửa để làm ánh đuốc thiêng soi sáng cho một chế độ đầy vô minh tàn bạo.

Sự hy sinh cao cả và hào hùng của Hòa thượng không những gây xúc động mãnh liệt cho toàn thể tăng ni Phật tử và đồng bào Việt Nam mà còn làm cho cả thế giới bàng hoàng xúc động và lưu tâm. Nhất là trước hiện tượng phi phàm độc nhất về trái tim bất diệt của ngài trước sức nóng hàng nghìn độ (27).

Dư luận thế giới bắt đầu sôi nổi, các hãng thông tấn, báo chí của các nước dành nhiều tin tức xác đáng cho vụ tranh đấu này. Phật giáo thế giới kêu gọi sự can thiệp của Tổng thống Mỹ và quốc tế. Đồng thời còn gửi điện tới PGVN chia buồn và động viên cùng hỗ trợ cho cuộc tranh đấu chính nghĩa. Chính quyền Diệm bắt đầu hòa hoãn để tìm phương kế khác, đầu tiên là lập một Ủy ban liên bộ do Phó tổng thống đứng đầu cùng Bộ trưởng Phủ Tổng thống và Bộ trưởng Nội vụ tiếp xúc với phái đoàn Phật giáo gồm quý Thượng tọa Thiện Minh, Thiện Hoa, Huyền Quang và Đại đức Thích Đức Nghiệp tại hội trường Diên Hồng, họp suốt từ ngày 14 đến ngày 16- 6. Sau khi thảo luận, một bản Thông cáo chung của chính quyền Diệm được ra đời nhằm giải quyết thỏa đáng 5 nguyện vọng của Phật giáo. Ai ai cũng tưởng rằng mọi việc đã trở nên êm đẹp. Nhưng không, chính quyền Diệm - Nhu vẫn ngấm ngầm cho cảnh sát, mật vụ canh gác kiểm soát và khủng bố Phật tử vào chùa; chúng thỏa thuận với một vài tu sĩ trong giáo phái *Lục hòa Tăng* để cấp tốc thành lập một Tổng hội Phật giáo lấy tên là *Tổng hội Phật giáo Cổ sơn môn* để chống lại phong trào, thảo một điện văn bằng tiếng Anh để tổ chức này đánh qua cho Hội Phật giáo Sri Lanca tố cáo Tổng hội PGVN là "một chi nhánh của Hội Phật giáo Tích Lan" đang lợi dụng danh nghĩa của Hội để làm chính trị và yêu cầu Hội Phật giáo Sri Lanca lên tiếng phản đối. Nhận được điện tín, ông Tổng Thư ký Trung tâm Tích Lan trả lời ngay rằng Hội Phật giáo Sri Lanca không có chi hội nào ở Việt Nam cả, rằng "Tổng hội PGVN không bao giờ làm một điều gì hoặc có thái độ nào có thể gọi là phản Phật giáo cả", rằng Phật tử Sri Lanca "phản đối mạnh mẽ những hành động kỳ thị tôn giáo và những đối xử có tính cách lăng nhục".

Bị thất bại nước cờ này, chính quyền Diệm bất chấp công lý thẳng tay khủng bố Phật giáo hơn trước. Nhân dân trong nước nói chung, Phật tử, sinh viên học sinh nói riêng đã căm hận tận cùng. Họ nghỉ học phản đối và chờ đợi tham gia các phong trào đấu tranh bất bạo động của UBLPBVPG kêu gọi.

Ba tuần sau ngày ra Thông cáo chung, nhận thấy chính quyền không những không thực tâm thi hành Thông cáo chung mà còn tìm biện pháp làm yếu mòn tiềm lực đấu tranh của Phật giáo, ngày 14-7- 1963, Hòa thượng Tịnh Khiết cương quyết phát động lại cuộc tranh đấu. Ngày 15-7, nhân danh vị lãnh đạo tối cao của UBLPBVPG, Hòa thượng Tịnh Khiết lại ra một *Thông Bạch* quy định phương thức tiến hành cuộc tranh đấu. Sau khi Thông Bạch này được tung ra, tình hình khắp nơi trở nên sôi động. Cuộc tranh đấu quyết liệt của Phật tử bắt đầu.

Từ ngày 15-7, chư tăng tại chùa Xá Lợi, kể cả các vị lãnh đạo phong trào trong UBLPBVPG bắt đầu tuyệt thực. Sáng ngày 17-7 gần 400 tăng ni vân tập đến chùa Xá Lợi, sau khi lễ Phật và mặc niệm tại chính điện, họ diễu hành từ chùa

đến chợ Bến Thành. Chính quyền điều cảnh sát đến bắt các tăng ni lên xe bịt thùng chở đi an trí tại An dưỡng địa Phú Lâm rồi phong tỏa không cho liên lạc. Càng bị đàn áp, phong trào tuyệt thực, xuống đường của Phật giáo càng tăng, số người bị bắt giữ và bị thương rất nhiều.

Trước tình hình trên, nhiều giáo chức đại học trong nước lên tiếng phản đối, có nơi giáo sư Hiệu trưởng cùng 30 giảng viên từ chức tập thể. Người nước ngoài làm việc ở Sài Gòn bất mãn bỏ về nước, một số khác bị trục xuất vì kể chuyện Phật giáo đấu tranh với bà con, bạn bè một cách trung thực. Dư luận quốc tế càng sôi nổi hơn, mặc dù Ngô Đình Diệm đã từng phủ nhận hành vi tàn ác của mình trước dư luận quốc tế và vu khống phong trào đấu tranh của Phật giáo là cộng sản. Từ 4-8 đến 27-10-1963. Bảy ngọn lửa tự thiêu (28) tiếp nối ngọn đuốc thiêng của Hòa thượng Thích Quảng Đức nhằm soi đường cho một kẻ độc tài gia đình trị đang ngập chìm trong bóng tối. Nhưng sự hy sinh cao cả của quý vị không làm chùn bước chính quyền họ Ngô. 22 giờ 30 ngày 20 tháng tám, 200 lính của lực lượng đặc biệt tấn công chùa Xá Lợi, bắt 250 vị tăng ni trong đó có Hòa thượng Tịnh Khiết, chư Thượng tọa: Tâm Châu, Thiện Minh, Quảng Độ, Giác Đức. Chùa bị phá tan hoang. Cùng thời điểm này, trên toàn lãnh thổ Việt Nam cộng hòa các chùa lớn (29) làm căn cứ cho cuộc đấu tranh của Phật giáo đều bị lực lượng đặc biệt tấn công. Khắp nơi hàng nghìn tăng sĩ và cư sĩ đều bị đánh đập và bắt trói trước khi dẫn đi. *Phật tử gọi 20-8-1963 là ngày Pháp nạn.*

Sáng sớm ngày 21-8, trên toàn lãnh thổ Việt Nam cộng hòa, sắc lệnh thiết quân luật được ban bố, chính quyền loan tin "chính phủ đã diệt xong bọn phản động" tới khắp phố phường và thôn xã. Năm hôm sau, học sinh sinh viên các trường trung học, đại học Sài Gòn nhất tề đứng dậy. Trong một đoàn biểu tình ra chợ Bến Thành hôm ấy, nữ sinh Quách Thị Trang bị bắn chết. Sự hy sinh của Trang như một phát pháo lệnh làm bùng nổ những cuộc đấu tranh dữ dội của giới trẻ làm rung chuyển Sài Gòn, cả nước và thế giới Á - Phi, khiến LHQ ngày 16-10 phải cử một phái đoàn sang Việt Nam để điều tra tội ác của Diệm-Nhu. Ngày 25-10, phái đoàn LHQ đến Sài Gòn mở cuộc điều tra, đã tới gặp Ngô Đình Diệm và tổ chức họp báo về nhiệm vụ của đoàn. Ngày 27-10, Phái đoàn tìm cách tiếp xúc với Hòa thượng Tịnh Khiết ở chùa Ấn Quang. Ba ngày sau, phái đoàn ra Huế viếng các tăng ni.

13 giờ 30 phút ngày 1-11-1963 tiếng súng đảo chính nổ vang ở nhiều nơi tại Sài Gòn. Ngày 2-11, Diệm - Nhu bị bắt và bị sát hại ở Chợ Lớn, chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô sụp đổ; lãnh đạo Phật giáo, thanh niên Phật tử, học sinh, sinh viên...được tự do. Ngày 3-11, phe đảo chính thành lập Hội đồng Quân nhân Cách mạng, đọc tuyên cáo và các quyết nghị tạm ngưng Hiến pháp ngày 26-10-1956, giải tán quốc hội bầu ngày 27-9-1963, ngày 4-11 thành lập chính phủ lâm

thời Sài Gòn. Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam sang trang mới.

2 - Các hoạt động Phật giáo tiêu biểu

1) Tổ chức, hệ phái và các kỳ đại hội

Tháng 12 năm 1954, bộ phận Hội Việt Nam Phật giáo ở Bắc Việt di cư vào Nam được Hội Phật học Nam Việt nhường chùa Phước Hòa làm trụ sở. Giáo hội Tăng già Bắc Việt di cư vào Nam đặt trụ sở tại chùa Giác Minh, đường Phan Thanh Giản (nay là đường Điện Biên Phủ) Sài Gòn.

Đại hội Tổng hội PGVN nhiệm kỳ 2 tiến hành chùa Ấn Quang ngày 1-4-1956. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết tái nhiệm Hội chủ, hai Phó Hội chủ là ngài Huệ Quang và cư sĩ Chơn An Lê Văn Định, ông Mai Thọ Truyền làm Tổng Thư ký, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, đến năm 1958 dời về Xá Lợi. Tạp chí Phật giáo Việt Nam - cơ quan hoằng pháp của Tổng hội ra đời, do Thượng tọa Thích Nhất Hạnh, một cây bút xuất sắc của Phật giáo làm Chủ bút (30); Ngoài ra Tổng hội còn tổ chức phát thanh hàng tuần trên đài Sài Gòn để cụ thể hóa tiếng nói Phật giáo Việt Nam. Cũng trong năm này, GHTG Nam Việt tổ chức đại hội Ni bộ tại chùa Huê Lâm, GHTG chỉ đóng vai trò cố vấn. Từ đó Ni bộ được hình thành đặt trụ sở tại chùa Từ Nghiêm, đường Bà Hạt, Sài Gòn.

Ngày 31-3-1957 GHTG Nam Việt họp Đại hội nhiệm kỳ 3 tại chùa Ấn Quang, suy tôn Hòa thượng Khánh Anh làm Pháp chủ.

Ngày 18-12-1957, GHTG Nguyên thủy Việt Nam chính thức thành lập. Vị Tăng thống đầu tiên là Đại đức Hộ Tông, lúc này Giáo hội có khoảng 20 Tỷ khiêu và 50 Sa di. Tới năm 1962, Đại đức Bửu Chơn được suy cử làm Tăng thống GHTG Nguyên thủy Việt Nam.

Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 9 năm 1959, Đại hội kỳ 3 Tổng hội PGVN tại chùa Xá Lợi đã bầu Ban Quản trị Trung ương, lưu nhiệm Hòa thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết, hai Phó hội chủ là Thượng tọa Thích Tâm Châu và cư sĩ Mai Thọ Truyền, Tổng Thư ký là Minh Tuấn Võ Đình Dần.

Ngày 10-9-1959, Đại hội GHTG toàn quốc lần thứ 2 họp tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn, suy tôn Hòa thượng Khánh Anh làm Thượng Thủ, Thượng tọa Thiện Hòa làm Trị sự trưởng, trụ sở đặt tại chùa này.

2) Hoằng pháp

Để trau dồi đạo học cho tất cả cư sĩ, bất luận là hội viên hay không, công cuộc hoằng pháp lợi sinh được tổ chức đại quy mô: Ở Sài Gòn thì diễn giảng hằng

tuần, còn ở các tỉnh thì có những buổi thuyết pháp lưu động và định kỳ với sự trợ lực của những xe tuyên truyền được trang bị máy vi âm và máy chiếu bóng. Ngoài ra còn việc phổ biến kinh sách, báo chí Phật giáo một cách sâu rộng, cứ mỗi tháng xuất bản trung bình độ 3 vạn tập, do những nhà in của Tổng hội ấn loát. Thêm vào đó còn có những lớp Phật pháp đặc biệt, mới thành lập trong bước đầu ở Sài Gòn và ngoại ô, để giúp những Phật tử muốn có trình độ học Phật cao hơn. Sự hoạt động về mặt này còn được mở rộng thêm nhờ những thư viện rải rác nhiều nơi, hoặc không hoặc có phòng đọc sách.

3) Đào tạo tăng tài và tổ chức giới đàn

Tổng hội đã giải quyết vấn đề đào tạo cán bộ bằng cách gia tăng số Phật học đường từ 4 cơ sở năm 1956 lên 10 cơ sở vào năm 1962.(31) Sự học vấn ở Phật học đường được tổ chức theo lối hỗn hợp: các tăng sinh vừa học kinh điển, vừa học thế pháp theo chương trình của quốc gia. Nhiều vị đã tốt nghiệp hoặc đang theo đuổi việc đèn sách ở các trường trung học, đại học Sài Gòn và Huế.

Phật học đường Nam Việt phát triển: Các lớp Phật học phổ thông đầu tiên được tổ chức tại chùa Ấn Quang và các tỉnh cho giới cư sĩ; Ni viện tăng già khai giảng tại Vĩnh Hội, Sài Gòn. Ni học viện Từ Nghiêm khai giảng tại Sài Gòn; 1956, lập chi nhánh Phước Hòa Trà Vinh dạy 20 tăng sinh từ Sài Gòn đưa về và ở ngay tỉnh; tháng 12-1958 chi nhánh Lưỡng Xuyên, Trà Vinh mở lớp Sơ đẳng 5 năm có 20 học tăng. Năm 1962, các vị tốt nghiệp khóa này nhập học lớp Trung đẳng chuyên khoa mở tại Phật học đường Huệ Nghiêm, Bình Chánh, Sài Gòn; năm 1960 chi nhánh Giác Sanh ở Phú Thọ, Chợ Lớn khai giảng lớp Sơ đẳng với 40 tăng sinh v.v...

Một số tăng sĩ tiếp tục được gửi đi du học nước ngoài, một số giới đàn được tổ chức.

Từ năm 1954 đến 1963, hầu hết Phật giáo các tỉnh đều mở giới đàn, trao truyền pháp giới cho hàng nghìn giới tử.

Tổng số đàn giới được khai mở là 94 lần. Nhiều nhất là Sài Gòn

- Gia Định (34 lần), Khánh Hòa (12 lần), Huế (5 lần), Quảng Nam (4 lần) (32) ...

4) Thanh niên Phật tử

Các thanh thiếu niên Phật tử từ 8 đến 20 tuổi được các Gia đình Phật tử thu nhận. Họ được huấn luyện để về sau trở thành Phật tử thuần thành, thực tu thực học, dám hy sinh cho việc bảo vệ và phát triển mối đạo của ông cha, thành những công dân chân chính và hữu ích cho xã hội.

Tới năm 1963, đã có 1000 GĐPT do 3000 huynh trưởng điều khiển không nhận thù lao đông tới 7 vạn em, từ thành thị tới nông thôn. 25% các em đó theo học tại các trường trung và tiểu học do các Hội Cư sĩ dựng lên. Phần đông các trường tư thục Bồ đề ấy đã gặt hái được nhiều kết quả tốt ở các kỳ thi, làm cho công chúng phải lưu tâm.

5) Công tác từ thiện xã hội

Nhiều cố gắng đã được thực hiện trong lĩnh vực từ thiện xã hội, như việc xây cất phòng phát thuốc, nhà bảo sinh, bệnh viện. Nổi bật có phòng phát thuốc là phòng của chùa Xá Lợi, trụ sở của Tổng hội, mỗi ngày xem mạch và phát thuốc miễn phí cho trên 200 bệnh nhân nghèo. Phòng do một bác sĩ hội viên Hội Phật học Sài Gòn điều khiển, có hai thầy Sa di tình nguyện làm trợ tá, và 5 bác sĩ chuyên khoa hỗ trợ khi hữu sự.

Hai Ký nhi viện, công trình của các ni cô, hoạt động thường xuyên tại Sài Gòn và Đà Lạt. Các gia đình lao động, không phân biệt chủng tộc và tôn giáo, đều được đem con đến gửi không mất tiền.

Tại Sài Gòn, một Ban Từ thiện, gồm mấy trăm bà giàu lòng trắc ẩn, cứ thứ năm hằng tuần là đi thăm một bệnh viện hoặc một nhà bảo sinh để an ủi và phát quà cho bệnh nhân và sản phụ nghèo.

Ngoài những cơ quan từ thiện trên (do các hàng cư sĩ bỏ tiền ra sáng lập và cung cấp tịnh tài), còn có các cuộc chẩn tế đặc biệt mà giầu nghèo đều chung tay góp, mỗi khi có thiên tai, lũ lụt, nhất là khi có những vụ hỏa hoạn bất thường xảy ra trong xứ.

Đặc biệt có Thượng tọa Thích Trí Dũng ở chùa Phổ Quang lập Ban Xã hội để giúp đỡ đồng bào nghèo có thân nhân quá cố về việc lo xe tang, quan tài và đất chôn, thành lập nghĩa trang Bắc Việt.

6) Cơ sở thờ tự

Năm 1954, Thượng tọa Thích Trí Tịnh cải tạo một ngôi nhà do tín đồ dâng cúng thành Vạn Đức tự, dần dần trùng tu thành đại già lam, chuyên dịch kinh sách chữ Hán ra quốc ngữ.

Năm 1957, Hòa thượng Ngộ Chân Tử (1901-1988) lập chùa Hoằng Pháp tại Hóc Môn, mở đạo tràng Thiền học, ấn tống kinh sách, hoạt động xã hội.

Tháng 3-1958, PGNT dựng chùa Pháp Quang ở Gia Định. Cũng trong năm này, Thượng tọa Trí Dũng khởi công xây dựng chùa Nam Thiên Nhất Trụ ở Thủ Đức

tới 1977 lạc thành; Ni sư Huỳnh Liên khai sơn Tịnh xá Ngọc Phương, quận Gò Vấp, Khất sĩ Ni giới phát triển tại vùng Sài Gòn-Gia Định.

Năm 1961, Đại đức Bửu Chơn Tăng thống GHTG Nguyên thủy Việt Nam cùng Đại đức Narada người Sri Lanca vận động xây thắng tích Thích Ca Phật đài tại Vũng Tàu.

Ngày 24-1-1962, Hội Trung Việt ái hữu khánh thành chùa Hải Quang trong nghĩa trang Tân Sơn Hòa.

Ngày 9-12-1962, khánh thành bảo tháp và kim thân Phật tổ tại Bến Đình, Vũng Tàu.

Từ 1954 đến 1963 tại tỉnh Sóc Trăng dựng mới 16 chùa (có 6 chùa Khmer) và 2 tịnh xá; tỉnh Tiền Giang kiến thiết 32 chùa, 6 tịnh xá và 1 tịnh thất; tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Dương ngày nay) dựng 19 chùa, 2 tịnh xá và 1 tịnh thất; tại Sài Gòn trong những năm này dựng mới 211 chùa.

2.2. Từ 1964 - 1974

1- Tổ chức Phật giáo

1) Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

Từ ngày 30-12-1963 đến ngày 3-1-1964, Đại hội Phật giáo Việt Nam diễn ra tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn đã đi đến quyết nghị thống nhất các hệ phái và các tổ chức Phật giáo ở miền Nam trong một Giáo hội duy nhất là Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất. Đại hội đã suy tôn Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Tăng thống lãnh đạo Viện Tăng thống và bầu Thượng tọa Thích Tâm Châu làm Viện trưởng Viện Hóa đạo. Một bản Hiến chương của Giáo hội mới được công bố ngày 4-1-1964 (33). Ngày 12-1-1964, Giáo hội bầu xong Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo.

Trụ sở của Giáo hội được đặt tại chùa Ấn Quang cùng với văn phòng của hai viện Tăng thống và Hóa đạo. Phần lớn các văn phòng của các Tổng vụ cũng được đặt tại chùa Ấn Quang.

Ngày 22-9-1966, Đại hội kỳ 2 GHPG Việt Nam thống nhất họp, các thế lực chính trị can thiệp và lợi dụng nên đã tạo ra hai phe pháp trong Giáo hội: phái Việt Nam Quốc Tự do Thượng tọa Thích Tâm Châu đứng đầu và phái Ấn Quang của Thượng tọa Thích Trí Quang. Do xảy ra cãi vã, lộn xộn phái Ấn Quang tách riêng về họp tiếp ở chùa Ấn Quang, bầu Thượng tọa Thiện Hoa làm Viện trưởng viện Hóa đạo, văn phòng viện tạm đặt tại chùa Ấn Quang, Thượng tọa Trí Quang từ

chức Tổng Thư ký viện Tăng thống.

Phái Việt Nam Quốc Tự về sau bầu Thượng tọa Tâm Giác làm Viện trưởng viện Hóa đạo.

Sự chia rẽ này đã làm tổn hại về thực lực và uy tín của Phật giáo...

Từ ngày 18 đến 21-6-1968, Đại hội nhiệm kỳ 3, tại chùa Ấn Quang. Đại hội đã lưu nhiệm Thượng tọa Thiện Hoa làm Viện trưởng viện Hóa đạo.

Từ ngày 18 đến ngày 22-12-1971 Đại hội nhiệm kỳ 4, phát hành bản Tuyên cáo: Kêu gọi chấm dứt chiến tranh; Yêu cầu chính quyền đương nhiệm chấm dứt kỳ thị tôn giáo đồng thời kêu gọi Đoàn kết dân tộc. Đại hội quyết định lưu nhiệm Ban Chỉ đạo viện Hóa đạo.

Từ ngày 5 đến ngày 8 tháng 7 năm 1973, Đại hội đồng Giáo hội Trung ương họp suy cử Hòa thượng Thích Giác Nhiên làm Tăng thống GHPG Việt Nam thống nhất thay Hòa thượng Thích Tịnh Khiết vừa viên tịch và bầu ra các Hội đồng: Giám luật, Nghi lễ, phiên dịch Tam Tạng.

Từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 12 năm 1973, Đại hội nhiệm kỳ V GHPG Việt Nam thống nhất. Sau nhiều bế tắc và tranh cãi, cuối cùng Đại hội cung thỉnh Hòa thượng Thích Trí Thủ giữ chức Viện trưởng viện Hóa đạo.

Với việc thành lập GHPG Việt Nam thống nhất, đặt trụ sở tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn đã trở thành trung tâm lãnh đạo Phật giáo miền Nam.

2) Hội Phật học Nam Việt

Năm 1964, tổ chức Đại hội bất thường gồm 21 đại biểu tỉnh hội để tỏ thái độ về vấn đề thống nhất: Phản đối việc Viện Hóa đạo buộc giải tán Hội và chuyển giao tài sản cho GHPG Việt Nam thống nhất.

Tới năm 1973, Hội Phật học Nam Việt khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn có 5829 hội viên, có 12 tỉnh hội và 29 chi hội ở rải rác khắp miền Nam.

Hội có được mối giao lưu khá tốt với Phật giáo Sri Lanca và Singapore: Tháng 7 năm 1966, phái đoàn Phật giáo Sri Lanca trong đó có Tiến sĩ Malalasekera cựu Hội trưởng Hội Phật giáo thế giới (WFB) tới thăm Hội. Từ 1967 đến 1973, Đại đức Narada nhiều lần sang thăm Sài Gòn đều trú tại chùa Xá Lợi và thuyết pháp. Năm 1966 - 1967, các Pháp sư Tục Minh, Diễn Bồi từ Singapore đến thăm Hội và thuyết pháp tại chùa Xá Lợi. (34)

3) Đoàn sinh viên Phật tử Sài Gòn

Ngày 5-4-1964, Ban Thường vụ làm lễ phát nguyện và ra mắt tại chùa Ấn Quang do Huỳnh Bá Huệ Dương làm đoàn trưởng.

4) Giáo hội Phật giáo Cổ sơn môn

Ngày 11-5-1964, nhất trí "hòa mình vào trong tinh thần thống nhất của GHPG Việt Nam thống nhất" bằng một Thông cáo chung.

5) Giáo hội Phật giáo Cổ truyền

Tháng 3-1969, Giáo hội Lục hòa Tăng và Giáo hội Lục hòa Phật tử hợp nhất thành GHPG Cổ truyền.

6) Gia đình Phật tử Việt Nam

Ngày 28-6-1964, Đại hội Huynh trưởng GĐPT toàn quốc tại Sài Gòn nhằm "thống nhất hình thức, đường lối và tinh thần của gia đình Phật tử Việt Nam". Sau 3 ngày Đại hội, đã thông qua đề án tổ chức và hoạt động, bầu ra Ban Hướng dẫn GĐPT Việt Nam do cư sĩ Võ Đình Cường làm Trưởng ban, hai Phó ban là Tống Hồ Cầm (phụ trách ngành nam) và Hoàng Thị Kim Cúc (phụ trách ngành nữ), Cao Chánh Hậu làm Tổng Thư ký, 2 phó Tổng Thư ký, 1 thủ quỹ và 13 ủy viên khác. Đồng thời, Đại hội cũng cử các đại diện của Ban Hướng dẫn GĐPT Trung ương ở các miền Vạn Hạnh, Liễu Quán, Khuông Việt, Khánh Hòa, Huệ Quang, Vĩnh Nghiêm, Quảng Đức.

7) Phật giáo Khmer

Từ ngày 10 đến ngày 12-12-1964 diễn ra Đại hội đại biểu sư sãi 6 tỉnh miền Tây Nam Bộ. Đại hội quyết định thành lập một tổ chức của lực lượng Phật giáo Khmer yêu nước chống Mỹ lấy tên là "Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước".

8) Nha Tuyên úy Phật giáo

Ngày 2-3-1964, GHPG Việt Nam thống nhất ra quyết định thành lập Nha Tuyên úy Phật giáo tạm thời trực thuộc Viện Hóa đạo.

Theo đề nghị của Viện trưởng viện Hóa đạo, Tổng trưởng Quốc phòng Sài Gòn đã chấp nhận cử Thượng tọa Thích Tâm Giác giữ chức Giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo, Đại đức Hộ Giác là Phó Giám đốc. Nha sẽ trực thuộc Viện Hóa đạo và chịu trách nhiệm với Bộ Quốc phòng Sài Gòn. Các Tuyên úy Phật giáo sẽ do Viện Hóa đạo chỉ định. Tổng trưởng Quốc phòng Sài Gòn sẽ ban hành Nghị định bổ dụng.

Ngày 16-5-1966, Bộ Quốc phòng Sài Gòn chỉ thị giải tán các Ban Tuyên úy Phật giáo cấp tiểu đoàn và đại đội vì các Ban này chống chính phủ (vụ 24 Tuyên úy Phật giáo tuyệt thực phản đối chính quyền).

Ngày 8-7-1966, Thượng tọa Thích Tâm Giác, Giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo tuyên bố: "Tuyên úy không can thiệp vào việc chính trị".

9) Báo chí Phật giáo

Những năm 1964 - 1975 báo chí Phật giáo miền Nam khá phát triển với nhiều thể loại: nhật báo, tuần báo, nguyệt san v.v... nhiều tờ báo đăng tin ảnh về phong trào đấu tranh chống chính quyền kỳ thị tôn giáo, đàn áp đồng bào và tăng ni Phật tử, kêu gọi chấm dứt chiến tranh, vãn hồi hòa bình.

Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1964:

- *Đuốc tuệ* tuần báo của Phật giáo miền Vĩnh Nghiêm ra số đầu tiên, đình bản tháng 4 năm 1967.

- *Liên hoa nguyệt san* của GHTG miền Trung (Huế) ra bộ mới, đình bản năm 1966.

- *Hải triều âm*, tuần báo văn nghệ, thông tin và nghị luận của GHPG Việt Nam thống nhất ra số đầu tiên, đình bản tháng 5-1965; đến năm 1973, *Hải triều âm* ba tháng ra một số ra số 1 đến quý IV- 1974 đình bản.

- *Thiện mỹ*, tuần báo của GHPG Việt Nam thống nhất do thầy Nhất Hạnh làm Chủ bút ra số 1 (tháng 10-1964) đến số 70+71 (ra tháng 6-1971) thì đình bản.

Tháng 4-1965, nhật báo *Chánh đạo* do Thượng tọa Hộ Giác làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút ra đời, đình bản tháng 9 năm 1969.

Nguyệt san *Đại từ bi* của Nha Tuyên úy Phật giáo do Thượng tọa Tâm Giác làm Chủ nhiệm, Đại đức Hộ Giác làm Chủ bút ra số đầu tiên vào tháng 3-1967, đình bản tháng 2-1975.

Viện Đại học Vạn Hạnh, xuất bản nguyệt san *Vạn Hạnh* (số 1 ra 1-5-1966) do Thượng tọa Thích Đức Nhuận làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, 7-1967 đình bản. Sau đó tạp chí *Tư Tưởng* của viện xuất bản 2 tháng một số do Thượng tọa Thích Minh Châu làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút ra số đầu tiên vào tháng 4 + 5-1968, đến tháng 11-1974 đình bản.

Và nhiều đặc san, kỷ yếu ra vào các ngày lễ: Đản sinh, đức Phật thành đạo, lễ Vu lan, đức Phật nhập Niết bàn của các Tổng vụ thuộc GHPG Việt Nam thống

nhất.

Một số báo như *Thiện mỹ, Đất tổ, Gió Nam, An lạc v.v*... chỉ tồn tại dưới một năm do đăng các bài phản đối chế độ...

2- Các Phật sự khác

1) Lập Phật học đường

Ngày 14-3-1964 thành lập Viện Phật học Cao đẳng đặt tại chùa Pháp Hội Sài Gòn, có gần 200 tăng ni và cư sĩ ghi tên theo học. Ngày 1-7, viện mở thêm lớp đặc biệt Dự bị Cao đẳng Phật học, nhằm đào tạo kiến thức đại cương về Phật học, quốc văn, sinh ngữ và khoa học thường thức để chuẩn bị cho việc vào học bậc Cao đẳng. Tới ngày 15-8-1964, viện khai giảng khóa học mùa Thu. Chương trình học, ngoài các chứng chỉ ở khóa mùa Xuân là *Phật học đại cương, Văn hóa đại cương, Duy thức học, Hán văn, Pàli* và sẽ thêm hai chứng chỉ mới là *Văn học Bát Nhã và Văn học Abhidharma* (luận giải)

Tháng 4 năm 1964, Hòa thượng Hải Tràng được suy cử vào Hội đồng Trưởng lão viện Tăng thống. Sau đó ngài thành lập Phật học viện Phổ Quang ở Gia Định, tới năm 1966 đổi tên là Phật học viện Hải Tràng.

Ngày 15-4-1964, Hòa thượng Thiện Hòa lập Học viện Huệ Nghiêm tại An dưỡng địa Phú Lâm. Ngài còn vận động mua lại trường trung học Nguyễn Văn Khuê ở Cầu Muối (nay là trường trung học cơ sở Đồng Khởi), cử Thượng tọa Quảng Liên làm Hiệu trưởng, gọi là trường Bồ Đề Sài Gòn. Hầu hết các học tăng tốt nghiệp Sơ đẳng ở chi nhánh Phật học đường Nam Việt các tỉnh đều về chùa Ấn Quang trú, hằng ngày có xe chở ra Bồ Đề Sài Gòn học. Có lúc số học sinh lên tới 5000 người. Sau đó các tỉnh Long Xuyên, Mỹ Tho, Cần Thơ, Sa Đéc, Vĩnh Long, Bình Dương, Biên Hòa, Long An, Long Khánh, Vũng Tàu v.v... đều có trường tư thục Bồ Đề do tăng sĩ hoặc cư sĩ Phật tử làm hiệu trưởng. Sau năm 1964, các trường Bồ Đề toàn miền Nam đều nằm trong Tổng vụ Giáo dục GHPG Việt Nam thống nhất do Thượng tọa Thích Minh Châu làm Tổng vụ trưởng. Tới năm 1973, tổng số trường tư thục Bồ Đề là 163 trường sinh hoạt theo quy chế Tổng vụ Giáo dục.

Ngày 10-2-1965, viện Đại học Vạn Hạnh (bắt nguồn từ trường Cao đẳng Phật giáo thành lập năm 1964) khai giảng khóa học đầu tiên của Phân khoa Văn học và Khoa học nhân văn, đặt tại chùa Xá Lợi; Phân khoa Phật học tiếp tục đặt tại chùa Pháp Hội. Đến đầu năm 1966, trường Cao đẳng Phật học ở chùa Pháp Hội và hai lớp ở chùa Xá Lợi dời về Đại học Vạn Hạnh.

Ngày 9-6-1965, lễ đặt đá đầu tiên khởi công xây dựng Viện Đại học Vạn Hạnh ở gần cầu Trương Minh Giảng (nay là cầu Lê Văn Sĩ).

Tháng 6-1967, Viện Đại học Vạn Hạnh thành lập Ban Tu thư để sưu tập, thẩm định, ấn loát và phổ biến các tài liệu xưa nay về Phật giáo; đồng thời xúc tiến cho ra mắt nguyệt san *Vạn Hạnh*. Các Thượng tọa Thiện Hòa, Trí Tịnh, Trí Thủ, Thiện Siêu, Trí Quang không ngừng phiên dịch, trước tác, ấn hành bộ *Phật học phổ thông* của thiền sư Thích Thiện Hoa, kim chỉ nam cho những người mới học Phật.

Ngày 15-8-1965, chính thức khai môn Thiền đường Xá Lợi. Số theo học tại đây là 75 người, chia làm 3 khóa sáng, chiều, tối. Những năm sau, Hội Phật học Nam Việt còn mở lớp Hán văn tại chùa Xá Lợi.

Ngày 15-12-1965, Bộ Văn hóa-Xã hội tặng GHPG Theravada 5,5 triệu đồng để xây dựng trường học Pàli. Cùng ngày, khai giới đàn Sa di tại Phật học viện Huệ Nghiêm ở An Lạc, Bình Chánh, Sài Gòn.

Tháng 11-1968, chùa Thiện Trường khánh thành trường Tiểu học Huệ Đăng.

Tháng 3-1969, Hòa thượng Minh Đức thành lập Phật học viện Minh Đức tại chùa Thiên Tôn.

Tháng 11-1971, khai giảng lớp Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm tại An dưỡng địa Phú Lâm do Thượng tọa Thích Trí Tịnh làm Viện trưởng.

2) Tổ chức giới đàn

Từ 1964 đến 1974, 21 tỉnh trên toàn miền Nam đã mở 124 giới đàn để trao truyền giới pháp cho những người theo đạo Phật. Nhiều nhất là khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định: 53 giới đàn; Khánh Hòa và Quảng Ngãi mỗi tỉnh 10 giới đàn. Các năm mở nhiều giới đàn nhất là năm 1966 (16), 1968 (15), 1970 (15); năm ít nhất: 1969 (7), 1973 (7). Đã trao truyền giới pháp cho hàng ngàn giới tử xuất gia cũng như tại gia. (35)

3) Xây dựng chùa, tự viện

Năm 1964, lễ đặt viên đá đầu tiên kiến thiết *Việt Nam Quốc Tự* - trụ sở GHPG Việt Nam thống nhất ở đường Trần Quốc Toản, Sài Gòn. Viện Hóa đạo được phép quyên góp mỗi năm 20 triệu đồng để dựng chùa này và các cơ sở Phật giáo. Tới tháng 7, Giáo hội cử Thượng tọa Thiện Hoa làm đệ nhất trụ trì Việt Nam Quốc Tự.

Tháng Tư năm 1965, khởi công xây dựng tịnh xá Trung tâm - trụ sở Trung ương của GHTG Khất sĩ Việt Nam ở quận Bình Thạnh, Sài Gòn.

Tháng 5-1970, GHPG Cổ truyền Việt Nam phát động quyên góp xây tháp thờ xá lợi Phật trước chùa Giác Lâm.

Ngày 8-5-1964, khởi công xây dựng đại già lam Vĩnh Nghiêm theo mô hình của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng và hai cộng sự là kiến trúc sư Lê Tấn Chuyên và Cổ Văn Hậu. Năm 1971 khánh thành công trình.

Các tổ đình Ấn Quang, Pháp Quang, Từ Đàm, Báo Quốc, Thiên Ân, Thập Tháp, Linh Sơn Nam Phổ Đà (Hoa tông)... được tu tạo và tân tạo, đem lại không khí thanh tịnh trang nghiêm cho giáo hội.

Các cơ sở thờ tự được xây dựng trong những năm 1964-1975 ở một số địa phương như sau: tỉnh Sóc Trăng xây dựng 22 chùa (có 11 chùa Khmer), 6 tịnh xá, 3 tịnh thất và 1 niệm đường; tỉnh Bình Dương xây mới 24 chùa, 15 tịnh xá, 1 tịnh thất; tỉnh Tiền Giang dựng mới 50 chùa, 6 tịnh xá và 2 tịnh thất; Huế trùng tu 6 chùa; Sài Gòn-Gia Định dựng mới 358 chùa. Nha Tuyên uý Phật giáo GHPG Việt Nam thống nhất, trong thời gian này cũng dựng 145 chùa và Niệm Phật đường.

4) Công tác từ thiện xã hội

Ngày 27-8-1965, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất lập cô nhi viện Quách Thị Trang đặt sau Việt Nam Quốc Tự ở đường Trần Quốc Toản. Viện này do thầy Nhựt Thiện trông coi, Bộ Xã hội cấp 10 triệu đồng xây cất nhà cho 200 trẻ mồ côi tại Quảng Nam, Đà Nẵng được chở bằng máy bay đưa vào.

Ngày 10-10-1965, Giáo hội làm lễ đặt viên đá khởi công xây dựng cô nhi viện Diệu Quang tại xã An Lạc, huyện Bình Chánh, Sài Gòn. Cô nhi viện này do thầy Thiện Hòa trông coi quản đốc, các sư ni trực tiếp điều hành nuôi gần một trăm em. Bộ Xã hội cấp 3 triệu đồng, ngoài ra các cơ quan từ thiện nước ngoài cũng chi viện phần lớn.

Sau biến cố Mậu Thân, tới ngày 28-2-1968, số người tị nạn trong 79 nơi tạm trú ở Sài Gòn là 172.679 người, ở Gia Định là 68391 người trong 43 trung tâm tạm trú, 51.152 căn nhà bị cháy tại các tỉnh, đòi hỏi công tác cứu trợ rất lớn. Nhưng lúc này hai phái Việt Nam Quốc Tự và Ấn Quang trong GHPG Việt Nam thống nhất mải lo đấu tranh với nhau về việc thu hồi hay không thu hồi Hiến chương mới, nên việc tổ chức cứu trợ chủ yếu do các tổ chức Phật giáo khác làm.

Ngay sau khi hết lệnh giới nghiêm, Hội Phật học Nam Việt xuất quỹ một triệu đồng gửi đến Bộ Xã hội góp phần vào công tác cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc. Sau đó còn kêu gọi các hội viên và thân hữu phát tâm giúp thêm 150.000 đ. Các tỉnh hội, chi hội cũng tỏ ra tích cực hoạt động, có nơi đã biến chùa thành

trại tạm cư, có nơi tổ chức phát gạo, thực phẩm, tiền, thuốc men, quần áo.

Sang năm 1969, Hội tiếp tục cứu trợ nạn nhân sau biến cố Mậu Thân tại Sài Gòn, Châu Đốc, Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Khánh, Tân Hạnh 358.500 đ tiền mặt, 1540 chiếc chiếu, 227 cái mền, 1700 hộp cá mòi, 2,5 tấn gạo trắng, 3545 ổ bánh mì, 84 hộp sữa và nhiều thức ăn khác trị giá 400.000 đ. (36)

Giáo hội Phật giáo Cổ truyền vận động quyên góp ủy lạo đồng bào nạn nhân chiến cuộc và cứu trợ đồng bào bị cháy nhà ở Cầu Muối, Sài Gòn.

Hòa thượng Ngộ Chân Tử lập viện Dục Anh ở Hóc Môn, Sài Gòn, nhận 356 trẻ mồ côi.

Tháng 12-1968, tỉnh hội Phật học Gia Định khánh thành phòng Y tế miễn phí đặt tại chùa Giác Tâm, quận Phú Nhuận.

Hai năm 1969-1970, phòng phát thuốc Xá Lợi của Hội PHNV đã khám và trị bệnh cho 30.934 lượt người.

Cũng trong hai năm này, Hội PHNV và GHPG Cổ truyền Việt Nam đã cứu trợ Việt kiều ở Campuchia hồi hương hàng trăm nghìn đồng.

Từ 1969 - 1973, Hội PHNV đã giúp các cô nhi viện Diệu Quang, Bạch Vân, làng cô nhi Long Thành hơn 3 triệu đồng và nhiều quần áo, chăn màn, sữa, thực phẩm.

3- Phong trào đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn

1) Chống các chính phủ Nguyễn Khánh và Trần Văn Hương

Ngày 9-5, hai vạn rưỡi đồng bào và Phật tử quận Trà Cú, biểu tình vào thị xã Trà Vinh, phản đối Mỹ và tay sai giết hại hàng trăm đồng bào Phật giáo theo đạo Phật ở Mé Láng.

Mặc dù ngày 14-5, Chủ tịch HĐQNCM kiêm thủ tướng Nguyễn Khánh ra Sắc luật 158/SL/CP xác nhận Dụ số 10 (ra 6-8- 1950) không áp dụng đối với GHPG Việt Nam thống nhất có xoa dịu phần nào tăng ni, Phật tử miền Nam. Nhưng sau khi Nguyễn Khánh công bố Hiến chương Vũng Tàu, thì phong trào đấu tranh chống chính quyền lại dâng cao, nhất là tại các trường học.

Ngày 27-8, gần 2000 người mang gậy gộc, dao búa từ các vùng ngoại ô kéo tới trước Bộ Tổng Tham mưu trong khi HĐQNCM đang họp. Họ trưng biểu ngữ ủng hộ Hội đồng, đòi trung lập, chống vụ phá đài Phát thanh và Bộ Thông tin, chống âm mưu chia rẽ. Quân cảnh ngăn cản, đoàn biểu tình xông lên và bị bắn chết 4

người, 11 người bị thương. Một binh sĩ bị chém, một số bị thương. Lúc 14 giờ, đoàn biểu tình kéo đến đài Phát thanh đòi phát thanh tuyên ngôn, đi qua đường Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu), xảy ra xô xát với trường kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ cùng một nhóm học sinh trường Cao Thắng, có 13 người bị thương, 8 người trong đoàn biểu tình bị bắt. Đoàn kéo tới hai trường đòi thả 8 người này, ẩu đả lại xảy ra, 2 học sinh bị đâm chết. Linh mục Hồ Văn Vui và Thượng tọa Thích Tuệ Đăng hòa giải mãi, 19 giờ đám đông mới giải tán.

14 giờ ngày 28-8, vài trăm người mang gậy gộc tới trường Nguyễn Bá Tòng (nay là trường phổ thông Trung học Bùi Thị Xuân), thanh niên Công giáo tới giải vây, hai bên xô xát lớn. Xe của Giám mục Nguyễn Văn Thiên bị xô đẩy. 17 giờ 30 phút, đoàn biểu tình kéo tới càng đông, đập phá tòa soạn báo *Xây Dựng* và nhà in Nguyễn Bá Tòng. Nhiều đoàn khác lại kéo đến đập phá, du đãng cũng xen vào. Quân nhảy dù nổ súng làm chết 2 người và bị thương 48 người, đến 23 giờ mới giải tán được.

Trước tình hình trên, ngày 1-9 Thượng tọa Tâm Châu ra Thông bạch: Những việc xảy ra ngày 28-8 chứng tỏ Phật giáo còn bị đe dọa. Chính quyền phải dứt khoát đối với nhóm người phá hoại thuộc chế độ cũ; không thể chụp mũ du đãng để bắt bớ. Đến ngày 27-10-1964, những nguyện vọng không được giải quyết thì sẽ bãi thị, bãi khóa.

Ngày 6-9, hàng chục vạn đồng bào Sài Gòn theo đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo... đã tham dự đám tang hai thanh niên Phật tử bị bắn chết trong cuộc biểu tình chống Mỹ-Khánh ngày 28-8 ở trường Nguyễn Bá Tòng.

Sức ép đấu tranh của nhân dân và tăng ni Phật tử đã buộc chính phủ Nguyễn Khánh đệ đơn từ chức lên quốc trưởng Phan Khắc Sửu vào ngày 26-10.

Trần Văn Hương được bổ nhiệm thủ tướng ngày 30-10. Ông tuyên bố phải tái lập uy quyền quốc gia, tách rời chính trị và tôn giáo, đưa tôn giáo ra khỏi chính trị.

Miền Nam lại sôi sục khí thế đấu tranh chống ngụy quyền. Ngày 22-11-1964, học sinh trường Hồng Lạc, Chu Văn An dùng gạch đá đánh nhau với cảnh sát, chính quyền phải điều động lính nhảy dù đến đàn áp, ông Hương gọi các tăng ni chống đối là “những lưu manh cạo đầu bận áo cà sa toan nướng chả” và đòi đánh đòn các sinh viên Phật tử. Trong những trận giáp lá cà đó, hàng trăm người bị thương, học sinh Lê Văn Ngọc bị chết, hơn 300 bị bắt, các trường học phải đóng cửa.

Ngày 20-1-1965, đức Tăng thống và các Thượng tọa Tâm Châu, Thiện Hoa, Trí Quang, Pháp Trí, Hộ Giác, Minh Châu... tuyệt thực phản đối chính phủ Trần Văn Hương đàn áp Phật giáo. Khắp nơi biểu tình, bạo động, sinh viên Phật tử kéo tới tòa Đại sứ Mỹ đòi quyền dân tộc tự quyết, đốt thư viện Mỹ.

Ngày 22-1, hàng vạn đồng bào theo đạo Phật trong đó có 500 nhà sư ở Sài Gòn biểu tình trước sứ quán Mỹ đòi Taylo cút đi, đòi Trần Văn Hương từ chức. Quần chúng biểu tình ném đá vào sứ quán Mỹ, đập phá phòng thông tin Mỹ, đạp đổ nhiều bốt gác của cảnh sát ở các đường phố chính. Cuộc đàn áp của ngụy quyền diễn ra suốt từ chợ Bến Thành đến bờ sông Sài Gòn. Hàng trăm người bị thương, bị bắt. Cùng ngày cảnh sát và quân đội vào trường Bồ Đề Sài Gòn bắt một số học sinh, tịch thu truyền đơn chống chính phủ và dụng cụ ấn loát. Ba ngày sau, thày giáo, học sinh và tăng ni biểu tình, xuất phát từ trường Bồ Đề Sài Gòn, trong đó có 25 học sinh, 5 giáo viên và 8 nhà sư bị bắt. 100 học sinh kéo đến viện Hóa đạo bị cảnh sát ngăn chặn, 100 học sinh và 50 tăng ni biểu tình tại chợ Bàn Cờ.

Ngày 23-1, bất chấp lệnh giới nghiêm của chính quyền, ở Huế 5000 người trong đó có nhiều tăng ni Phật tử biểu tình đả đảo Taylo trước lãnh sự quán Mỹ, ở Nha Trang nhiều nhà sư và Phật tử tuyệt thực và biểu tình ngồi.

Ngày 28-1-1965, bất lực trước các cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, chính phủ Trần Văn Hương phải rút lui. Nhưng cũng phải chờ tới khi nữ Phật tử Đào Thị Yến Phi tự mình biến thành bó đuốc, trước tết Ất Tỵ 1965 mấy hôm, Hương mới đổ.

2) Chống chính quyền Thiệu - Kỳ

Ngày 14-6-1965, Ủy ban Lãnh đạo quốc gia được thành lập do trung tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch, trung tướng Phạm Xuân Chiểu là Tổng Thư ký, thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp.

Ngày 26-9-1965, khoảng 15.000 nhà sư, tín đồ Phật giáo biểu tình tại thị xã Quảng Trị để phản đối hành động khủng bố của Mỹ và tay sai đối với đồng bào theo đạo Phật.

Từ ngày 12 đến ngày 30-3-1966, nhân dân Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, Quảng Ngãi, Quảng Trị... liên tục đấu tranh đòi lật đổ chính quyền Thiệu - Kỳ. Tại Đà Nẵng, Huế nhân dân biểu tình chiếm đài phát thanh và bãi công nhiều ngày. Sinh viên Sài Gòn mít tinh, bãi khóa. Phong trào đã lan rộng tới 10 thành thị ở miền Nam.

Ngày 6-6, Thượng tọa Trí Quang phát động phong trào đấu tranh chống chính phủ, kêu gọi Phật tử đem bàn thờ Phật bày ra đường để chắn lối đi trong Huế.

Sau đó, ngài tuyệt thực phản đối chính quyền điều quân ra Đà Nẵng và Huế đàn áp những binh sĩ chống chính phủ và đồng bào Phật tử tại hai thành phố đó. Ngày 10-6, tại Quy Nhơn giới nghiêm suốt ngày vì nhiều cuộc biểu tình chống chính phủ đàn áp Phật giáo, vì đòi dân chủ v.v...tăng ni Phật tử thay nhau tuyệt thực 48 giờ, đợt đầu có 50 người. Ngày 12-6, cảnh sát dã chiến bắt đầu dẹp bàn thờ Phật bày trên các ngả đường ở Huế.

Ngày 13-6, tại Sài Gòn hàng trăm tăng ni, Phật tử biểu tình chống chính phủ bị giải tán. Cùng ngày, Thượng tọa Tâm Châu đọc *Thông Bạch* trên đài phát thanh Sài Gòn kêu gọi rước bàn thờ Phật về chùa và về nhà, sau đó ngài ra Vũng Tàu để tránh mọi áp lực. Sáng ngày 14-6, tăng ni Phật tử Sài Gòn chia thành từng tốp nhỏ, 200 người biểu tình 3 lần trong buổi sáng, 4 lần buổi chiều và tối, mỗi lần đều bị đàn áp bằng lựu đạn cay.

Ngày 15-6, quân đội dẹp biểu ngữ chống chính phủ và dùng lựu đạn cay giải tán biểu tình ở Huế. Nhiều tăng ni Phật tử ngồi ngay giữa đường tụng kinh. Ở Sài Gòn, nhiều cuộc biểu tình xuất phát từ viện Hóa đạo song đều bị cảnh sát dã chiến đàn áp ngay. Nhiều bàn thờ Phật bày ra trên đường Công Lý lối gần cầu cũng bị dẹp.

Ngày 16-6 vì các cuộc biểu tình nên giờ giới nghiêm tại Sài Gòn kéo lên từ 9 giờ tối đến 4 giờ sáng. Tại Ngã Bảy, bàn thờ Phật bằng gạch được xây giữa đường, cảnh sát đến đập phá. Cùng ngày tại Huế, Thượng tọa Trí Quang ngừng tuyệt thực và về chùa Diệu Đế.

Ngày 22-6, chính quyền điều quân đội ra thị xã Quảng Trị dẹp bàn thờ Phật và trấn đóng giữ trật tự, đàn áp Phật tử. Ngày 23-6 chính quyền Thiệu-Kỳ điều cảnh sát tấn công Việt Nam Quốc Tự (trụ sở viện Hóa đạo), bắt hơn 150 tăng ni sau 5 ngày bao vây. Thượng tọa Tâm Châu bỏ lên trung tâm nhu đạo Quang Trung với lý do ông sợ bị ám sát. Ông nói không ai có quyền cất chức ông và Việt Nam Quốc Tự bỏ trống, khi nào chính phủ bồi thường và xin lỗi Phật giáo mới chịu nhận lại. (37) Từ ngày 24-9 đến đầu tháng 10- 1967, một ngàn đại biểu sinh viên Sài Gòn, Đà Lạt, Cần Thơ và Viện đại học Vạn Hạnh xuống đường biểu tình giương cao các khẩu hiệu “Chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam”, “Mỹ phải rút quân đội về nước”, “Cuộc bầu cử ngày 2-9 là một trò hề được dựng lên với sự ủng hộ Mỹ”...

Từ ngày 5 đến 7-12, hơn 4 vạn đồng bào Trà Cú, Trà Vinh, trong đó có 1000 người nhà binh sĩ quân đội Sài Gòn và gần 1000 nhà sư tham gia biểu tình chống Mỹ - Thiệu. Các đoàn biểu tình giương cao hàng nghìn cờ MTDTGPMNVN, hàng trăm băng rôn và khẩu hiệu, kéo qua hơn 80 đồn bốt. Cố vấn Mỹ và quận trưởng cùng đại đội bảo an hoảng hốt, lên xe định bỏ chạy, nhưng các lực lượng

đấu tranh đã giữ chân chúng lại. Cuộc đấu tranh đã lôi kéo được 200 binh sĩ. Suốt ngày 7-12-1967, đoàn người đấu tranh hoàn toàn làm chủ quận lỵ Trà Cú.

Ngày 4-2-1968, đoàn nghĩa binh chống Mỹ - Thiệu thành phố Huế thành lập. Nhiều tổ chức binh sĩ yêu nước chống chính quyền đã ra đời như Liên đoàn quân nhân Phật tử yêu nước, yêu hòa bình Trung Trung Bộ, Hội những binh sĩ sư đoàn ly khai quân đội Sài Gòn.

Từ ngày 20 đến ngày 21-4-1968, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam họp hội nghị đại biểu. Hội nghị đã bầu ra Ủy ban Trung ương Liên minh do Luật sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ tịch, kỹ sư Lâm Văn Tết và Thượng tọa Thích Đôn Hậu làm Phó Chủ tịch.

Ngày 4-5-1970, GHPG Việt Nam thống nhất quyết định trở về Việt Nam Quốc Tự theo giấy bàn giao trước đó của Viện trưởng viện Hóa đạo Việt Nam Quốc Tự là Hòa thượng Minh Thành. Sáng ngày 5-5, các Thượng tọa Tâm Châu, Tâm Giác và Đại đức Thích Đức Nghiệp được chính quyền hỗ trợ ngăn chặn tăng ni Phật tử thuộc GHPG Việt Nam thống nhất vào đốt cháy mặt tiền Viện Hóa đạo ở chùa Ấn Quang, làm cho một số bị thương vong. Đại đức Thiện Ân bị trúng đạn tử thương. (38)

Từ ngày 8 đến ngày 31-5-1970, Phật tử Đà Nẵng đấu tranh:

Ngày 8-5, tại chùa Tỉnh hội Phật giáo 2000 Phật tử làm lễ cầu siêu cho kiều bào ta bị giết hại tại Campuchia. Đồng bào cực lực tố cáo Thiệu-Kỳ- Khiêm tiếp tay cho Lonnon-Xirích Ma tắc giết hại Việt kiều.

Ngày 17-5, ba vạn rưỡi công nhân Phật tử diễu hành. Tối hôm đó, hơn 25 vạn người xuống đường tham gia các cuộc chuẩn bị ngày lễ Phật đản. Hai vị Thượng tọa phát biểu tố cáo hành động phản dân bán nước của Thiệu-Kỳ-Khiêm. Sau buổi mít tinh, 10 vạn người mang băng cờ khẩu hiệu rầm rộ tuần hành qua các trụ sở Mỹ - ngụy, hô vang khẩu hiệu đòi Mỹ rút quân về nước, đòi hòa bình.

Ngày 31-5, các Thượng tọa, Đại đức tuyệt thực tại chùa tỉnh hội.

Ngày 31-5-1970, hàng nghìn nhà sư ở khắp các tỉnh miền Nam theo phái Ấn Quang tuyệt thực 48 giờ đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược của Mỹ, phản đối Thiệu công nhận Hiến chương 23/67 do Thượng tọa Tâm Châu đề xuất; đòi trả tự do cho các nhà sư và sinh viên bị bắt, đồng thời tố cáo tình trạng sa sút nghiêm trọng về xã hội và kinh tế trong các vùng Mỹ - Thiệu quản lý.

Ngày 3-1-1971, đức Tăng thống ra Thông điệp kêu gọi tổ chức cầu nguyện Hòa bình tại khắp trên các cơ sở tôn giáo tại Việt Nam và thế giới.

Ngày 9-5, hàng triệu Phật tử Sài Gòn và các vùng chung quanh đến các chùa để cầu nguyện hòa bình, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược.

Tại Huế, hơn hai vạn Phật tử tham gia cuộc biểu tình đòi hòa bình và lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Tại Đà Nẵng, Quy Nhơn, hàng vạn đồng bào Phật tử xuống đường tuần hành giương cao các khẩu hiệu đòi hòa bình.

Tại Quảng Ngãi, Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Mỹ Tho, hàng chục vạn đồng bào, tăng ni Phật tử kéo đến các chùa hội họp, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược miền Nam.

Ngày 29-9, thành lập Ủy ban Nhân dân đấu tranh dân chủ và hòa bình. Ngày 1-10-1971, Ủy ban họp báo tại chùa Ấn Quang, cầu nguyện hòa bình cho Việt Nam. Vận động không bỏ phiếu ngày 3-10-1971. Phát hành bản Tố cáo về việc Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh bắn bỏ dân chúng.

Ngày 17-5-1972, Giáo hội gửi thư cho các trưởng phái đoàn Hội nghị Paris, yêu cầu cứu xét ngưng bắn nhân lễ Phật đản 2516.

Ngày 28-7, Giáo hội kêu gọi Bộ Tư lệnh các bên tham chiến ở Việt Nam về việc bảo tồn các danh lam thắng cảnh và các cơ sở tôn giáo.

Ngày 26-10, hơn 3000 đồng bào trong đó có 300 nhà sư ở hai huyện Cầu Ngang và Trà Cú, tỉnh Trà Vinh biểu tình tuần hành đả đảo chính quyền độc tài Mỹ - Thiệu, ủng hộ lập trường của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà ở Hội nghị Paris.

Ngày 30-10, Đại hội bất thường Giáo hội họp ra Tuyên cáo về hiện tình đất nước và Giáo hội.

Ngày 29-11, hơn 11.700 sư sãi và đồng bào Trà Vinh biểu tình đòi Mỹ ký Hiệp định đã thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, đòi Thiệu từ chức và chấm dứt khủng bố những người yêu nước.

Ngày 22-12, GHPG Việt Nam thống nhất ra Tuyên bố phản đối Hoa Kỳ tái đánh phá bằng không quân miền Bắc.

Ngày 23-12-1972, Giáo hội ra Thông cáo yêu cầu các cấp Giáo hội tổ chức cầu an và cầu siêu khi có lệnh ngừng bắn tại Việt Nam.

4- Sự chia rẽ trong Phật giáo miền Nam

Nội bộ Phật giáo bắt đầu rạn nứt từ ngày 22-9-1966 tại Đại hội nhiệm kỳ 2 GHPG Việt Nam thống nhất, khi Phật giáo miền Vĩnh Nghiêm, giáo phái Nam tông Théravada và tỉnh hội Phật giáo Gia Định đứng đầu là Thượng tọa Tâm Châu tuyên bố Giáo hội không cần bầu lại, dẫn tới xô xát. Phái theo thầy Trí Quang muốn loại bỏ thầy Tâm Châu nên đã tách riêng lui về chùa Ấn Quang đại hội, bầu Thượng tọa Thiện Hoa làm Viện trưởng viện Hóa đạo, Thượng tọa Trí Quang từ chức Tổng Thư ký viện Tăng thống, trụ sở viện Hóa đạo dời về chùa Ấn Quang. Trong khi đó Thượng tọa Tâm Châu ra thông cáo vẫn giữ chức Viện trưởng viện Hóa đạo, Phật giáo miền Vĩnh Nghiêm và Phật giáo Nam tông ra thông cáo không công nhận cuộc bầu cử ngày 23-6-1966 và không công nhận Thượng tọa Thiện Hoa làm Viện trưởng viện Hóa Đạo.

Ngày 21-9, Thượng tọa Tâm Châu lại gửi thư lên đức Tăng thống xin rút đơn từ chức để "ở lại chấn chỉnh giáo hội".

Ngày 23-9, nhóm Phật tử thuộc Việt Nam Quốc Tự kéo đến chùa Ấn Quang biểu tình và hô "Đả đảo Trí Quang và Quảng Liên" gây chia rẽ v.v...

Ngày 24-10, Thượng tọa Tâm Châu ra thông cáo vẫn giữ chức Viện trưởng viện Hóa đạo, ngày hôm sau, Phật giáo miền Vĩnh Nghiêm và Nam tông ra thông cáo không công nhận cuộc bầu cử Thượng tọa Thiện Hoa làm Viện trưởng, Thượng tọa Trí Thủ thay.

Ngày 28-10-1966, đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết ra lệnh triệu tập Đại hội Phật giáo để giải quyết vấn đề 2 viện Hóa đạo.

Ngày 24-12-1966, Thượng tọa Thích Tâm Châu thuyết pháp và đề nghị sửa Hiến chương Phật giáo, trở về Việt Nam Quốc Tự, không tranh đấu xuống đường nữa. Nguyên Hiến chương GHPG Việt Nam thống nhất ban hành ngày 4-1-1964 có đại biểu 54 đơn vị tỉnh lên, miền và Trung ương bầu chức Viện trưởng viện Hóa đạo và Tăng thống đều do đại biểu đơn vị tỉnh bầu. Hiến chương do Thượng tọa Tâm Châu tạo ra chỉ có 23/67 (nên gọi tắt là Hiến chương 23/67) chỉ hội đoàn bầu chức Viện trưởng mà không có đại biểu các tỉnh.

Ngày 12-8-1967, Thượng tọa Tâm Châu từ chức Viện trưởng, bầu Thượng tọa Thích Thiện Tường làm Viện trưởng, cử Lục cả Lâm Em làm Tăng thống tạo ra Hiến chương 23/67. Trong phiên họp ngày 14-8-1967 tại viện Hóa đạo ở chùa Ấn Quang, các Thượng tọa Thiện Minh, Trí Quang, Pháp Trí, Thiện Hoa v.v... đã tuyên bố: Hiến chương 23/67 của Thượng tọa Tâm Châu chỉ có 5 Thượng tọa ký tên. Thay vì được chấp thuận do 11 đại diện theo đúng Hiến chương cũ. Thượng tọa Thiện Minh tuyên bố nếu chính quyền quân sự chấp nhận Hiến chương mới của phái Việt Nam Quốc Tự cốt dồn ép Phật giáo vào chân tường, thì Phật tử sẽ

tranh đấu. Sau đó hàng loạt cuộc biểu tình của tăng ni Phật tử diễn ra trong tháng 9-1967 tại Sài Gòn, Huế đòi chính quyền thu hồi Hiến chương mới. Ngày 3-10, Thượng tọa Tâm Châu, Trí Dũng đến vườn cỏ trước dinh Độc Lập để điều đình cho hai bên Ấn Quang và Quốc Tự gặp nhau dàn xếp vụ tranh chấp Hiến chương 23/67. Nhưng Thượng tọa Trí Quang vẫn y lập trường cũ không nói chuyện với phái Thượng tọa Tâm Châu. Ngày 6-10, Thượng tọa Tâm Châu tuyên bố sẵn sàng hội đàm với phái Ấn Quang của Thượng tọa Trí Quang, nhưng vẫn bị cự tuyệt, mặc dầu đã tỏ thiện chí. Thượng tọa Trí Quang sau 10 ngày ngồi trước dinh Độc Lập, bắt đầu tuyệt thực. Ngày 9-10, theo yêu cầu của Nguyễn Văn Thiệu và chỉ thị của Hòa thượng Tăng thống, các Thượng tọa ngồi trước dinh Độc Lập trở về chùa Ấn Quang. Ngày 10-10, Thượng tọa Tâm Châu ra thông cáo tạm ngưng thi hành Hiến chương mới. Tiếp tục có vụ ni cô Huệ Lạc tự thiêu ở chùa Giác Viên, Gia Định, và các tăng ni tuyệt thực tại chùa Khánh Quang, Cần Thơ đòi thu hồi Hiến chương mới. Ngày 25-10-1967, các Thượng tọa chùa Ấn Quang ra lệnh tiếp tục tranh đấu trường kỳ để phục hội Hiến chương cũ. Ba ngày sau, phái Việt Nam Quốc Tự thông báo: Tân Hiến chương Phật giáo ngưng thi hành ngày 10-10-1967 nay lại thi hành. Cùng ngày Thượng tọa Thiện Hoa Viện trưởng viện Hóa đạo phái Ấn Quang gửi thư lên Nguyễn Văn Thiệu trình việc Giáo hội trở về Việt Nam Quốc Tự. Ngày hôm sau, từ chùa Ấn Quang, đoàn tiến về Quốc Tự ở đường Trần Quốc Toản, cảnh sát được điều đến bao vây chùa Ấn Quang không cho các tăng ni chiếm Quốc Tự...

Cuộc tranh đấu công nhận Hiến chương mới hay hủy bỏ nó giữa hai phái Việt Nam Quốc Tự do Thượng tọa Tâm Châu cầm đầu và phái Ấn Quang do Thượng tọa Trí Quang đứng đầu kéo dài cuối cùng chẳng đi đến đâu mà lại làm suy yếu lực lượng Phật giáo miền Nam (trong một Giáo hội lại có 2 viện Hóa đạo và 2 Hiến chương) trong phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài Mỹ-Thiệu, phản đối chiến tranh, đòi quyền tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, ảnh hưởng lớn đến việc hoằng dương chính pháp.

5- Phật giáo miền Nam với cách mạng

1) Phật giáo ủng hộ cách mạng

Đại đức Thích Hạnh Tuệ, sinh 1940 ở Quảng Nam, năm 15 tuổi đã tham gia kháng chiến. Năm 1963 ngài vào Sài Gòn tiếp tục tranh đấu, tổ chức các hội đoàn Phật tử và các nhóm tăng sĩ trẻ để hoạt động cho cách mạng, đòi hòa bình, Mỹ rút khỏi nước ta. Đại đức bị địch bắt tháng 8 năm 1966, kết án 20 năm tù đày ra Côn Đảo. Dù chịu nhiều cực hình, tra tấn dã man, vẫn giữ vững dũng khí nhà Phật và tinh thần cách mạng, không chào cờ ba que, chống chế độ lao tù Mỹ - ngụy. Đầu tháng 7 năm 1970, tiếp xúc với Đon Luce vạch trần tội ác của

Mỹ - ngụy về chuồng cọp Côn Sơn, vì vậy Đại đức bị đánh cho tới mang bệnh nặng, mất ngày 5-12-1973.

Không thể kể hết được tên những ngôi chùa ở miền Nam đã giúp đỡ, cứu thương băng bó, tiếp tế lương thực, dẫn đường cho quân giải phóng, nhất là trong đợt Tổng tiến công xuân Mậu Thân 1968.

Tại Quảng Ngãi là nơi rất căng thẳng, Hòa thượng Thích Hồng Ân trụ trì ngôi chùa danh thắng Hồng Ân đã nấu cơm khao quân giải phóng, khi quân giải phóng bị địch phản công ông đã giấu bộ đội trong hậu liêu.

Chùa Phổ Quang, gần Tân Sơn Nhất cũng có hành động dũng cảm tương tự, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, (39) nữ cư sĩ Tuần Chi và rất nhiều sinh viên, học sinh Phật tử Sài Gòn thoát ly ra vùng kháng chiến trong dịp này.

Tại Sài Gòn, chùa Thiên Quang ấp Mỹ Huê, xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn 7 ngày trước giải phóng, chùa là cơ sở xuất phát cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

Chùa Quán Thế Âm của Thượng tọa Thích Thông Bửu đã cưu mang, nuôi giấu, tạo điều kiện cho nhiều cán bộ cách mạng hoạt động, một số anh em sau này đã trở thành những cán bộ cốt cán của chính quyền như Bảy Việt-Trưởng ban Tôn giáo thành phố, đại tá công an Ba Sơn v.v...

30 Tăng ni của 10 chùa ở tỉnh Tiền Giang đã được tặng Huy chương chống Mỹ trong những năm 1964-1975.

2) Vụ án Thượng tọa Thích Thiện Minh hoạt động cho cộng sản

Ngày 25-2-1969, Trang Sĩ Tấn, Tổng Giám đốc Tổng Nha cảnh sát quốc gia họp báo công bố: “đã tìm thấy tài liệu cộng sản và vũ khí trong nhà số 294 đường Công Lý (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa) do Thượng tọa Thiện Minh quản lý, bắt Thượng tọa và 66 sinh viên. Đoàn sinh viên Phật tử Sài Gòn gửi thư phản đối. Chính quyền làm ngơ, ngày 12-3 Thượng tọa Thiện Minh và 19 thanh niên bị đưa ra tòa án quân sự mặt trận vùng 3. Ngày 17-3, ngài bị tuyên phạt 5 năm cấm cố và 10 năm tù khổ sai. Báo Chính đạo bị đình bản 30 ngày vì trong số ra ngày 19-3 đăng bài phản đối bản án này. Sau đó Giáo hội gửi kháng thư lên Thượng, Hạ viện Việt Nam cộng hòa về vụ án Thượng tọa Thiện Minh và hiện tình đất nước. Ngày 5-4-1969, một Ủy ban gồm dân biểu nghị sĩ và Phật tử thành lập để vận động hủy bản án này. Ngày 24-5-1969, tòa án hoãn giảm còn 3 năm tù; tới ngày 29-10 trước sức ép của giới Phật giáo và dư luận quốc tế, Thượng tọa Thiện Minh được ân xá và phóng thích cùng 310 phạm nhân.

3) Phật giáo miền Nam với Chủ tịch Hồ Chí Minh

"Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên" "Miền Nam ở trong trái tim tôi", đó là những tình cảm đặc biệt mà Hồ Chủ tịch dành cho đồng bào miền Nam trong đó có Tăng ni, Phật tử. Hơn nửa thế kỷ nay, tên tuổi, đạo đức và sự nghiệp của Hồ Chủ tịch gắn bó mật thiết với cuộc sống và đấu tranh của nhân dân miền Nam. Hình ảnh Hồ Chủ tịch đã khắc sâu vào toàn thể giới Phật giáo miền Nam.

Trong lần thứ 2 được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tháng 2 năm 1969, Hòa thượng Thích Thiện Hào, thành viên Đoàn đại biểu MTDTGPMNVN đã được nghe Người nói: "Bây giờ tôi hoan nghênh Đoàn đại biểu miền Nam ruột thịt mà nói mấy trăm câu, mấy vạn câu cũng không hết được ý, tôi xin phép nói một câu:

Bước đầu muôn dặm một nhà,

Bắc Nam sum họp chúng ta vui mừng"

Bác đọc câu thơ ngập ngừng rất lâu, vì quá xúc động. Bác sĩ Trưởng đoàn Phùng Văn Cung nắm chặt tay Bác, rưng rưng nước mắt. Tất cả chúng tôi, ai nấy đều không cầm được nước mắt cảm động". (40)

Ngày 2-9-1969, tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, khắp mọi nơi ở miền Nam trong vùng chính quyền Sài Gòn, các chùa chiền và tăng ni Phật tử đều diễn ra nhiều hình thức chịu tang:

Ở Huế, nơi phòng riêng của các tăng sinh tu viện Báo Quốc đều đã viết lên *"Ôi một vì sao sáng đã khuất".* Tại chợ Đông Ba, các chị tiểu thương Phật tử: chị Lài, chị Gái, chị Sum, thím Ba v.v... đã cùng các chị em trong chợ để tang qua hình thức đội nón mới trắng, dải quai đen. Tiêu biểu là lễ tưởng niệm tổ chức tại chùa Khánh Hưng, Sài Gòn ngày 9-9-1969, với sự tham dự của nhiều học sinh, sinh viên và một số trí thức văn nghệ sĩ tiến bộ. Buổi lễ cầu siêu Hồ Chủ tịch do Thượng tọa Thích Pháp Lan chủ trì, được tiến hành trong khung cảnh mật vụ được giăng mắc, bắt bớ hỗn loạn.

Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Viện trưởng viện Hóa đạo cho biết: "Khi Hồ Chủ tịch qua đời, các vị Thượng tọa chùa Ấn Quang đã ra tuyên bố tỏ lòng thương tiếc vị lãnh tụ vĩ đại và vô cùng kính mến của dân tộc" .

Ngài Thiện Hoa, sau khi được tin có buổi lễ cầu siêu Bác Hồ, mời Thượng tọa Pháp Lan lên gặp. Thay vì bận áo tràng nâu là loại thường để tiếp khách, ngài lại lấy y hậu vàng là loại áo dùng trong các lễ trọng để tiếp Thượng tọa. Thấy

thái độ bất thường của Hòa thượng, Thượng tọa Pháp Lan rất lấy làm lo âu. Ngài Thiện Hoa ôn tồn nói: “Việc này tôi xin thưa riêng với Thượng tọa mà thôi. Lẽ ra việc này phải là tôi đề xướng, Giáo hội đứng ra cúng. Nhưng thế của tôi bây giờ như cán dù đứng giữa chịu kèo, chống khó khăn lắm. Tôi hết sức cảm động và tôi xin hết sức cám ơn Thượng tọa”. (41) Thái độ của Hòa thượng tiêu biểu cho tâm tư và nguyện vọng của rộng rãi giới tăng ni Phật tử miền Nam luôn luôn hướng về Bác Hồ, hướng về cách mạng.

6- Phật giáo miền Nam sau Hiệp định Paris

Ngày 27-1-1973, Hiệp định ngưng chiến ở Việt Nam được ký kết tại Paris.

Ngày 30-1-1973, GHPG Việt Nam thống nhất ra Thông bạch số 89 và 90, gửi Tăng ni Phật tử lưu ý các việc phải làm sau khi ngừng bắn tại Việt Nam. Thành lập Ủy ban Phật giáo tái thiết và cứu trợ do Hòa thượng Thích Thiện Hòa làm Chủ tịch.

Ngày 14-2, Viện Hóa đạo ra quyết định số 095/VHĐ/VP/QĐ thành lập Tổng vụ Hoằng pháp. Đặc san *Hoằng pháp*, cơ quan truyền bá chính pháp của GHPG Việt Nam thống nhất ra mắt.

Ngày 28-3-1973 Thượng tọa Pháp Lan, Ni sư Huỳnh Liên, các sư cô Tâm Liên, Ngoạt Liên tham gia Ủy ban đòi phóng thích và nhận tù nhân thuộc thành phần thứ ba.

Thành lập Ủy ban Phật giáo vận động phóng thích tù nhân do Thượng tọa Pháp Lan làm Chủ tịch, Đại đức Nhật Thường làm Tổng Thư ký.

Ngày 20-5-1973, Ban lãnh đạo Phật giáo Hoa tông chính thức ra mắt. Ban Chấp hành gồm 10 vị, đứng đầu là Hòa thượng Siêu Trần.

Tháng 10-1973, tái lập Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn, Đại đức Huệ Minh làm Chủ tịch.

Từ ngày 10 đến ngày 12-12-1973, Đại hội nhiệm kỳ V GHPG Việt Nam thống nhất. Sau nhiều bế tắc và tranh cãi, cuối cùng Đại hội cung thỉnh Hòa thượng Trí Thủ giữ chức Viện trưởng viện Hóa đạo.

Ngày 15-12-1973, thành lập Tổ chức Nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris. Ni sư Huỳnh Liên là một thành viên trong Hội đồng này.

Ngày 22-4-1974, xuất hiện rạn nứt trong GHPG Việt Nam thống nhất phái Ấn Quang khi 4 đại biểu của Ủy ban Liên quận Giáo hội đô thành Sài Gòn trình Thỉnh nguyện thư lên Hòa thượng Trí Thủ, Viện trưởng viện Hóa đạo và Hòa

thượng Thích Thiện Siêu, Chánh Thư ký viện Tăng thống, để thỉnh cầu Hội đồng Giám luật khuyến thỉnh Thượng tọa Thiện Minh và Thượng tọa Huyền Quang nghỉ việc theo tôn ý của đức Tăng thống. Ủy ban Liên quận cũng yêu cầu cho thanh hóa khoản tiền mà Ủy ban Tái thiết phát triển xã hội đã chi mờ ám. Ngày 26-4-1973, Hòa thượng Thích Đạt Hảo, Chủ tịch Ủy ban Liên quận Giáo hội đô thành ký Thông cáo cho biết các Giáo hội quận không cử đại diện tham dự các khóa lễ và ngày chánh lễ Phật đản tại chùa Ấn Quang. Bản Thông cáo cũng nhắc lại lập trường của Giáo hội Liên quận không tín nhiệm Thượng tọa Thiện Minh và Thượng tọa Huyền Quang vào bất cứ chức vụ nào tại Giáo hội Trung ương từ nay trở về sau. (42)

Ngày 25-8, Ủy ban Liên quận Giáo hội tổ chức tưởng niệm Phật tử Quách Thị Trang tại Niệm Phật đường Quảng Hương (số 55 bis đường Ngô Tùng Châu, Sài Gòn) rất trọng thể và lượng người tham dự lễ rất đông.

Ngày 22-9-1974, Mặt trận Nhân dân Cứu đói do Đại đức Thích Hiển Pháp làm Chủ tịch, ra đời tại Niệm Phật đường Quảng Hương. Mặc dù có sự canh gác chặt chẽ và đe dọa của cảnh sát, đã có hàng nghìn người đến dự lễ ra mắt của Ủy ban. Tổ chức này đã quy tụ đông đảo các thành phần quần chúng khác nhau và phát triển ra thành phong trào mạnh mẽ và rộng khắp một số tỉnh ở miền Nam; đóng một vai trò quan trọng vào phong trào đô thị năm 1974-1975. (43)

3. **Các danh tăng và cư sĩ tiêu biểu**

Hòa thượng Thích Đôn Hậu (1905-1992)

Ngài thế danh Diệp Trương Thuần, quê làng Xuân An, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngài xuất gia năm 19 tuổi tại chùa Tây Thiên, Huế. Năm sau, thụ Cụ túc giới tại giới đàn Từ Hiếu. Năm 1927 ngài vào tổ đình Thập Tháp, Bình Định, cầu học với Hòa thượng Phước Huệ. Năm 1936, tốt nghiệp lớp Đại học Phật giáo ở chùa Tây Thiên, Huế. Từ đó đến 1942, ngài sung vào Ban Giảng huấn Hội An Nam Phật học và đi giảng khắp cho các tỉnh miền Trung và Phật tử Việt kiều ở Lao. Năm 1945, ngài giữ chức Hội trưởng Hội An Nam Phật học, lại được công cử về trụ trì chùa Thiên Mụ. Tại đây ngài lần lần chấn chỉnh lại cách thờ tự trang nghiêm, giản dị như đưa các tượng Quan Công, Nam Tào v.v... ra khỏi chùa.

Năm 1947, ngài bị giặc Pháp bắt tra tấn dã man, nhờ bà Từ Cung can thiệp mới được thả.

Năm 1952, tại Đại hội thành lập GHTG Việt Nam, ngài được cử làm Giám luật. Từ 1956-1966, ngài làm Chủ nhiệm Liên Hoa nguyệt san. Trong thời Pháp nạn, đêm 20-8-1963, ngài bị bắt cùng với chư tăng ni khi bọn tay chân Ngô Đình

Diệm tấn công chùa Diệu Đế, Huế. Năm 1964, ngài được cử làm Chánh đại diện miền Vạn Hạnh, năm sau được cung thỉnh làm Yết ma giới đàn Vạn Hạnh tại tổ đình Từ Hiếu.

Năm 1968, Hòa thượng tham gia Mặt trận DTGPMNVN giữ các chức vụ quan trọng như Phó Chủ tịch Liên minh các lực lượng dân chủ và hòa bình Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Cố vấn CPLTCHMNVN, tham dự tổ chức châu Á vì hòa bình và là Ủy viên Thường trực Ban chấp hành của Hội. Từng ba lần được gặp Hồ Chủ tịch.

Sau 30-4-1975, ngài trở về chùa Thiên Mụ, rồi được thỉnh làm cố vấn Ban Chỉ đạo viện Hóa đạo. Năm 1976, Hòa thượng đắc cử đại biểu Quốc hội khóa VI, được mời làm Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Năm 1977, tại Đại hội kỳ VII, GHPG Việt Nam thống nhất ở chùa Ấn Quang, ngài được suy cử làm Chánh Thư ký viện Tăng thống. Năm 1979 được cung thỉnh kiêm luôn chức Xử lý viện Tăng thống.

Đại hội đại biểu Thống nhất Phật giáo họp tháng 11, năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, đã suy cử Hòa thượng vào HĐCM với chức vụ Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật.

Hòa thượng Thích Đôn Hậu là vị cao tăng sáng chói trong Phật giáo xứ Huế. Dù Phật sự đa đoan và cuộc đời hành đạo gặp những gian truân nghịch cảnh, ngài cũng đã để lại một số tư liệu khiêm tốn nhưng rất có giá trị do chính ngài dịch giải, biên soạn như: *Cách thức sám hối các tội đã phạm; Phương pháp tu quán; Tứ nhiếp pháp; Cảm ứng tự nhiên; Đâu là con đường hạnh phúc; Đồng Mông chỉ quán; Sinh mệnh vô tận hay là thuyết luân hồi; Luật Tứ Phần Tỷ khiêu ni.*

Ngài viên tịch tại chùa Thiên Mụ ngày 23-4-1992, trụ thế 88 năm, trải qua 68 mùa An cư kiết hạ.

Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền (1905-1973)

Ông quê làng Long Mỹ, tỉnh Bến Tre. Từng làm quan chức chính quyền từ năm 1924 đến năm 1960 thì nghỉ hưu. Những năm làm việc đó đây khắp lục tỉnh miền Tây, ông bắt đầu để tâm tìm hiểu Phật giáo, Nho giáo và các tư tưởng tôn giáo triết lý khác. Đến khi làm việc ở Sa Đéc, ông đến tham vấn Hòa thượng Thích Hành Trụ giảng sư chùa Long An và tại đây ông thực sự qui ngưỡng cảm phục trước đức độ và trí tuệ của vị danh tăng nên cầu làm đệ tử của ngài, được đặt pháp danh là Chánh Trí.

Là một Phật tử thuần thành, ông ăn chay trường từ ngày thụ Tam quy ngũ giới, làm Phật sự không biết mệt mỏi. Năm 1950, ông vận động thành lập Hội PHNV,

trụ sở tại chùa Khánh Hưng sau chuyển qua chùa Phước Hòa. Ông vận động và đứng ra xây chùa Xá Lợi đến năm 1958 Hội chuyển về chùa này.

Ông làm Tổng Thư ký khi mới thành lập Hội và Hội trưởng từ năm 1955 cho đến ngày ông mất. Hội đã mở các lớp Phật học phổ thông do chư Thượng tọa Thiện Hòa, Trí Hữu, Thiện Hoa, Quảng Minh diễn giảng, ông cũng tham gia soạn và giảng một số bài cho học viên. Hàng tuần, tại chùa Xá Lợi, ông còn tổ chức các thời thuyết pháp cho đại chúng do ông mời các vị cao tăng đại đức trong nước hay nước ngoài đăng đàn, có khi chính ông là giảng sư. Ông cùng Hội đã thành lập trên 40 tỉnh hội và chi hội Phật học khắp miền Nam. Hội xuất bản tạp chí Từ quang do ông làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Trong suốt 24 năm liên tục (1951-1975) tạp chí đã góp phần không nhỏ cho việc phổ biến Phật học ở Sài Gòn và các tỉnh. Ngày 13-9-1952, ông và Hội PHNV tổ chức lễ rước ngọc xá lợi tại Sài Gòn gây tiếng vang lớn, được đông đảo tăng ni Phật tử, đồng bào thành phố và các tỉnh lân cận tham dự để chiêm bái xá lợi Phật đầu tiên đến Việt Nam.

Trong pháp nạn 1963, ông là Tổng Thư ký UBLPBVPG đòi chính quyền Diệm-Nhu thực thi bình đẳng tôn giáo, trụ sở đặt tại chùa Xá Lợi. Năm 1964, ông tham gia Ủy ban soạn thảo Hiến chương GHPG Việt Nam thống nhất và được bầu làm Phó Viện trưởng viện Hóa đạo. Do bất đồng ý kiến về mặt tổ chức, một tháng sau ông từ nhiệm quay về hoạt động cho Hội Phật học Nam Việt.

Khi viện Đại học Vạn Hạnh được thành lập, tạm thời đặt tại chùa Xá Lợi trong khi chờ xây xong cơ sở, ông nhận làm giáo viên cho viện trước tiên, và sau đó ông còn giữ chức phụ tá viện trưởng đặc trách hành chính và tài chính, kiêm Tổng Thư ký niên khóa 1967 - 1968.

Ngoài những Phật sự nói trên, với học lực uyên thâm và sự thông hiểu sâu sắc giáo lý Phật đà, cư sĩ đã dành nhiều thời gian dịch và trước tác các tác phẩm có giá trị về Phật học như: *Tâm và Tính* (1950), *Ý nghĩa Niết bàn* (1962), *Một đời sống vị tha*, *Tâm kinh Việt giải Pháp Hoa huyền nghĩa* (1964), *Địa Tạng mật nghĩa* (1965) v.v...

Ông mất tại Sài Gòn ngày 17-4-1973, hưởng thọ 69 tuổi.

Chánh Trí Mai Thọ Truyền là người cư sĩ mẫu mực, uyên thâm giáo lý, tận tụy với đạo. Ông là một điển hình cho sự tích cực của hàng cư sĩ lợi đạo ích đời theo tinh thần đạo Phật và là điểm sáng chói ở miền Nam trong phong trào chấn hưng và thống nhất Phật giáo, góp phần lớn lao trong sự nghiệp truyền bá trí thức Phật học, nhất là phát triển hệ thống Phật học cư sĩ do ông sáng lập vẫn còn duy trì hoạt động cho đến ngày nay. (44)

Hòa thượng Thích Thiện Hoa (1918-1973)

Ngài hiệu là Hoàn Tuyên, quê làng Tân Qui, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Xuất gia năm 7 tuổi tại chùa Phước Hậu, huyện Trà Ôn, sau đó Ngài được gửi tới chùa Đông Phước, huyện Cái Vồn theo học tổ Khánh Anh, được ban pháp hiệu Hoàn Tuyên. Năm 1935, Phật học đường Lưỡng Xuyên khai giảng, ngài theo học ở đây và ngay năm ấy, ngài thụ giới Sa di. Năm 1938, ngài được cử ra Trung Kỳ theo học Phật học đường Tây Thiên (Huế), chùa Long Khánh, Quy Nhơn và chùa Thập Tháp ở Bình Định, Phật học đường Báo Quốc và tùng Lâm Kim Sơn ở Huế.

Năm 1945, ngài trở về Nam cùng ngài Trí Tịnh khai giảng Phật học đường Phật Quang ở xã Thiện Mỹ, quận Trà Ôn; năm 1947, ngài thụ giới Tỷ khiêu Bồ Tát tại giới đàn chùa Kim Huê, Sa Đéc.

Năm 1953, ngài giữ chức Trưởng ban Giáo dục và Trưởng ban Hoằng pháp GHTG Nam Việt kiêm đốc giáo Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang, Sài Gòn, kiêm giảng sư Phật học Ni trường Từ Nghiêm và Dược Sư.

Năm 1956, ngài là Ủy viên Hoằng pháp Tổng hội PHNV cùng với Thượng tọa Nhất Hạnh xuất bản nguyệt san Phật giáo Việt Nam. Ngài còn tổ chức phát thanh Phật giáo hằng tuần trên đài phát thanh Sài Gòn và lập nên nhà xuất bản Phật giáo lấy tên là Hương Đạo do ngài chịu trách nhiệm và chủ trương một "Phật học Tùng thư" với 8 chuyên đề sách.

Năm 1957, ngài chủ xướng mở những lớp huấn luyện trụ trì lấy tên là Như Lai Sứ Giả, tăng giới đặt tại chùa Pháp Hội, ni giới đặt tại chùa Dược Sư.

Năm 1963, ngài là Phó Chủ tịch UBLPBVPG, đấu tranh chống sự áp bức của chế độ nhà Ngô. Năm 1964, GHPG Việt Nam thống nhất ra đời, ngài nhận chức Phó Viện trưởng thứ nhất viện Hóa đạo, kế đến trụ trì Việt Nam Quốc Tự. Năm 1966, ngài đảm nhận chức Viện trưởng viện Hóa đạo, đến năm 1968, ngài được Đại hội kỳ III GHPG thống nhất lưu nhiệm chức Viện trưởng viện Hóa đạo.

Năm 1973, bệnh tình càng nặng, ngài phải giải phẫu và không dậy được nữa, Ngày 23-1-1973, ngài đã an lành viên tịch, thọ 55 tuổi đời và 26 tuổi hạ.

Suốt cuộc đời mình, Hòa thượng đã hy sinh trọn vẹn cho đạo pháp. Ngài đã để lại cho mai sau lòng kính trọng và mãi mãi khắc ghi công ơn ngài.

Các tác phẩm của ngài để lại rất nhiều, xin lược ghi những danh mục lớn như sau: *Phật học phổ thông* (12 quyển); *Bản đồ tu Phật* (10 quyển); *Duy Thức học* (6 quyển); *Phật học giáo khoa các trường Bồ Đề*; *Giáo lý dạy Gia đình Phật tử; Bài học ngàn vàng* (8 tập), kinh *Viên Giác lược giải*, kinh *Kim Cương*, luận *Nhân*

Minh, Tâm kinh v.v... và các loại tạp luận, sự tích...

Tổng cộng là 80 quyển trong 8 loại chuyên đề.

Hòa thượng Thích Thiện Hòa (1907-1978)

Ngài thế danh Hứa Khắc Lợi, quê làng Tân Nhựt, Chợ Lớn. Năm 15 tuổi, ngài phát tâm mộ đạo, tìm đến chùa Long Triều trong làng để quy y thụ giới với tổ Bửu Sơn và được pháp danh là Tâm Lợi, hiệu Thiện Hòa. Năm 17 tuổi ngài vâng lệnh bà nội lập gia đình để kế thừa hương hỏa và có hai người con, một trai, một gái. Đến năm 20 tuổi, ngài ăn trường chay, cất một am nhỏ để trì tụng Kinh Kim Cương suốt 12 năm và tập hạnh của người xuất gia.

Năm 28 tuổi, ngài được tổ Bửu Sơn giới thiệu đến tổ Khánh Hòa làm thầy thế độ tại Phật học đường Lưỡng Xuyên.

Năm 1936, ngài được tuyển chọn cùng hai vị Hiển Không, Hiển Thụy ra Huế học trường Tây Thiên. Cuối năm 1938 lại theo vào Thập Tháp làm thị giả hầu tổ Phước Huệ một năm rồi lại ra Huế học ở Phật học đường Báo Quốc 5 năm.

Năm 1945, ngài ra Bắc quyết tâm học luật và ngài thụ Cụ túc giới tại giới đàn chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó đến học luật với tổ Cồn (tức Hòa thượng Tuệ Tạng–Thích Tâm Thi) tại chùa Quy Hồn, Nam Định, rồi đến Hà Nam học với tổ Tế Xuyên ở chùa Bảo Khám. Năm 1949, ngài làm Giám trường trường tăng học tại chùa Quán Sứ và là cộng tác viên tạp chí *Phương tiện* và *Bồ đề*.

Năm 1950, ngài trở về Nam, được cử làm Giám đốc Phật học đường Nam Việt đặt tại chùa Sùng Đức. Năm 1953, ngài kiêm nhiệm chức vụ Trị sự trưởng GHTG Nam Việt.

Năm 1960, ngài khai mở Phật học viện Giác Sanh, Phú Thọ. Năm 1964, lại mở Phật học viện Huệ Nghiêm ở Bình Chánh, từ trung cấp chuyên khoa rồi chuyển lên Viện Cao đẳng Phật học, và ngài giữ chức Giám luật đến cuối đời. Ngài còn làm Giám đốc Phật học Ni trường Từ Nghiêm, Ni trưởng Dược Sư.

Ngoài công tác giáo dục đào tạo tăng tài, ngài còn đảm nhiệm các công tác của Giáo hội như: Trị sự trưởng GHTG toàn quốc năm 1952; năm 1965 được bầu làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tài chính Kiến thiết GHPG Việt Nam thống nhất; năm 1969 được tấn phong Hòa thượng, năm 1973, được suy tôn Phó Tăng thống cho đến ngày viên tịch.

Sau 4 năm bệnh duyên, Hòa thượng xả báo thân, thu thần tịch diệt vào ngày 7-2-1978, hưởng thọ 72 tuổi đời, hóa đạo 43 năm.

Ngài để lại một số trước tác như *Tài liệu trụ trì, Giới đàn tăng; Tỷ khiêu giới kinh; Nghi thức hằng thuận quy y; Ý nghĩa về nghi thức tụng niệm; Nhân duyên Phật kiết giới.*

Cả cuộc đời Hòa thượng Thích Thiện Hòa tận tâm phục vụ đạo pháp, trùng hưng xây dựng con người và cơ sở vật chất cho Phật giáo. Công hạnh của ngài là tấm gương sáng, ngàn đời ngưỡng mộ đã ghi lại trên trang lịch sử Phật giáo một sự nghiệp muôn thuở đậm nét không phai.

Còn tiếp...

Tác giả: **Nguyễn Đại Đồng** trích sách: Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1981. **Nhà xuất bản Tôn Giáo.**

***

Chú thích:

(1). Liên tỉnh uỷ C gồm các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam

(2). Liên tỉnh uỷ B gồm 6 tỉnh: Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên, Hòn Gai.

(3). *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Thạch* (1925-1945), Nxb Thanh Hóa, 1982, tr28.

(4). Ban chấp hành Đảng bộ xã Hà Giang, *Lịch sử Đảng bộ xã Hà Giàn*, Nxb Văn hóa thông tin, 2009.

(5). Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hà Trung, *Lịch sử Đảng bộ huyện Hà Trung*, Nxb Thanh Hóa, 2010, tr 162, 189

(6). *Lịch sử Đảng bộ xã Nga Điền*, Nxb Thanh Hóa, 2009, tr 45-52.

(7). Vũ Nguyên Hồng, *Từ Tùng lâm Văn Miếu đến chùa Bà Đá*, báo Cứu Quốc ra ngày 15-8-1975.

(8). *Lịch sử kháng chiến chống Pháp huyện Thanh Hà*, Nxb Quân đội nhân dân, 1999.

(9). Vũ Nguyên Hồng, *Từ Tùng lâm Văn Miếu đến chùa Bà Đá*, báo *Cứu quốc* ra ngày 15-8-1975.

(10). Báo *Cứu quốc*, số ra ngày 15-8-1975.

(11). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 9.

(12). Hồ sơ 97: Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam, năm 1945 - 1946. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

(13). Như trên.

(14). Báo *Cứu Quốc*, ngày 17-10-1945.

(15). Báo đã dẫn.

(16). Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb Văn học, 1994.

(17). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

(18). Theo sách *Chùa Cổ Lễ văn hóa và cách mạng* của Nguyên Hồng và Trung Tín, Nxb Tôn giáo, năm 2000. Nguyên Hồng tức Pháp Lữ tức Đại tá cựu chiến binh Đinh Thế Hinh hiện cư trú tại khu tập thể Bắc Thanh Xuân, Hà Nội; còn nữ y tá - sư cô Đàm Nhung hiện sống tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

(19). Đinh Thế Hinh, *Những hiểu biết về Phật giáo Cứu quốc*, 2004.

(20). Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb Văn học, 1994.

(21). Tam Không tức Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, thế danh Lý Duy Kim, sinh năm 1907 trong một gia đình trung nông tại xã Tân An, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Xuất gia năm 1919, tham gia cách mạng năm 1940. Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), Hòa thượng hoạt động khi chìm khi nổi, ẩn hiện khắp mọi nơi với bí danh Tam Không. Liên tục sau đó ngài được bầu là Hội trưởng Hội PGCQ Nam Bộ, trụ sở tại chùa Ô Môi (Đồng Tháp Mười) v.v...Trong kháng chiến chống Mỹ, Hòa thượng hoạt động bí mật, bị bắt năm 1960, đày ra Côn Đảo với mức án 20 năm tù khổ sai. Năm 1974, ngài được trả về vùng giải phóng Lộc Ninh, tiếp tục hoạt động. Sau ngày 30-4-1975, ngài là Chủ tịch BLLPGYN thành phố Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Là Chủ nhiệm báo Giác Ngộ - tiếng nói của Phật giáo yêu nước, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt là người có công trong cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1976-1981. Tháng 11 năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập, ngài được suy cử ngôi vị Phó Pháp chủ Thường trực Hội đồng Chứng minh Trung ương. Ngài viên tịch ngày 18-1-1985.

(22). Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, báo *Tinh tấn*, số ra ngày 8 tháng 4 năm Kỷ Sửu (1949).

(23). Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, báo *Tinh tấn*, số ra ngày 8 tháng 4 năm Kỷ Sửu (1949).

(24). Sa môn Trí Hải, *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2004.

(25). Lúc này, Trung Quốc đang muốn xúc tiến thành lập một tổ chức Phật giáo quốc tế làm đối trọng với Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (WFB) thành lập năm 1950 tại Sri Lanka. Trung Quốc muốn đưa Miến Điện hoặc Campuchia đứng lên đăng cai, nhưng vì nội bộ Trung Quốc lúc đó chưa ổn định nên không thành lập được tổ chức này. Đến năm 1969-1970, Liên Xô đã đưa Mông Cổ đứng ra đăng cai đại hội thành lập Tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình (ABCP).

(26). Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-TP Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.tr148.

(27). *Kỷ yếu tưởng niệm Bồ Tát Thích Quảng Đức*, Nxb Tôn giáo, 2006.

(28). Bảy vị tự thiêu là: Đại đức Thích Nguyên Hương, Sài Gòn; Đại đức Thích Thanh Tuệ, chùa Phước Duyên, Huế; Sư cô Thích nữ Diệu Quang, Ninh Hòa, Khánh Hòa; Thượng tọa Thích Tiêu Diêu, 62 tuổi, chùa Từ Đàm, Huế; Phật tử Hồng Thế, chùa Phước Lâm, Vũng Tàu; Đại đức Thích Quảng Hương, chợ Bến Thành, Sài Gòn; Đại đức Thích Thiện Mỹ, trước nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn.

(29). Ở Sài Gòn có các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang; ở Huế có các chùa Từ Đàm, Diệu Đế, Linh Quang, Báo Quốc; ở Mỹ Tho có các chùa Báo Quốc, Phật Ấn, Kim Liên.

(30). Tạp chí *Phật giáo Việt Nam* đình bản năm 1959.

(31). Từ 1956 đến 1960: Phật học viện Trung Việt khai giảng tại chùa Hải Đức, Nha Trang và một đại giới đàn được tổ chức tại đây.

(32). Thích Đồng Bổn, *Biên niên sử giới đàn tăng Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, 2009.

(33). Theo *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tháng 3-1964, chính quyền ra Sắc luật 14-5 công nhận Hiến chương Phật giáo này.

(34). Ban Quản trị chùa Xá Lợi, *Lịch sử hoạt động Hội Phật học Nam Việt*, 1951-1974, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

(35). Thích Đồng Bổn, *Biên niên lịch sử giới đàn Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Tôn giáo, 2009.

(36). Ban Quản trị chùa Xá Lợi, *Lịch sử hoạt động Hội Phật học Nam Việt*, 1951-1974, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

(37). Thành hội Phật giáo TP Hồ Chí Minh, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

(38). Sách đã dẫn.

(39). Ngày 20-4-1968, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam họp hội nghị đại biểu đã nhất trí bầu ra Ủy ban Trung ương Liên minh do luật sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ tịch, kỹ sư Lâm Văn Tết và Thượng tọa Thích Đôn Hậu làm Phó Chủ tịch. (Viện Sử học, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1945-1975*, Nxb Giáo dục, 2006).

(40). *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2011.

(41). Sách đã dẫn, bài của Phan Đại Lộc, *Hòa thượng Thiện Hoa, ngày Bác ra đi*.

(42). Thành hội Phật giáo TP Hồ Chí Minh, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

(43). Thành hội Phật giáo TP Hồ Chí Minh, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

(44). Theo *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, tập 1, Thích Đồng Bổn chủ biên, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành, 1995.